

TVSI 
CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT



BỀN LỰC - VỮNG TÂM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



TVSI 
CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

BỀN LỰC VỮNG TÂM

“ Năm 2019 đánh dấu sự kết thúc giai đoạn 5 năm 2015 - 2019 của TVSI với kết quả ấn tượng. Doanh thu đạt 719,5 tỷ đồng, hoàn thành 199,4% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 182,64 tỷ đồng, hoàn thành 150,7% kế hoạch năm. Như vậy, TVSI đã có mức tăng trưởng doanh thu trung bình trong 5 năm đạt 47%, và mức tăng trưởng lợi nhuận trung bình qua 5 năm gần đây là 76%. Đây là mức tăng trưởng cao so với mức tăng trưởng trung bình của thị trường trong bối cảnh kinh tế có nhiều diễn biến phức tạp. ”

MỤC LỤC

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN TVSI
2019



1

TỔNG QUAN TVSI

01	Tầm nhìn	06	Ngành nghề kinh doanh
02	Sứ mệnh	07	Nhân sự chủ chốt
03	Giá trị cốt lõi	08	Quá trình hình thành và phát triển
04	Thông tin cơ bản	09	Các danh hiệu đạt được
05	Cơ cấu cổ đông	10	Các đối tác hợp tác toàn diện

2

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

01	Tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2019
02	Triển vọng kinh tế 2020

3

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TVSI

I	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TVSI	II	CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
02	Kết quả hoạt động kinh doanh	06	Môi giới
03	Tài sản - Nguồn vốn	07	Dịch vụ Tài chính
04	Các chỉ số tài chính	08	Dịch vụ ngân hàng đầu tư
		09	Đầu tư và Kinh doanh nguồn vốn

4

KHOẢ HỖ TRỢ

01	Công nghệ thông tin	01	Chăm sóc khách hàng
02	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	02	Phân tích và Dự báo

5

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG

I	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	II	BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
02	Bộ máy tổ chức hoạt động HĐQT	02	Bộ máy tổ chức hoạt động BKS
03	Báo cáo hoạt động	03	Báo cáo hoạt động
04	Định hướng 2020	04	Định hướng 2020

6

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

01	Tổng quan về phát triển bền vững	02	Thông tin chung
----	----------------------------------	----	-----------------

7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
02	Báo cáo kiểm toán độc lập	02	Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
03	Báo cáo tình hình tài chính	03	Thuyết minh báo cáo tài chính
04	Báo cáo kết quả hoạt động		



Ông NGUYỄN TIẾN THÀNH
Chủ tịch HĐQT

“ TVSI tiếp tục chiến lược phát triển bền vững, trọng nguyên tắc đồng lợi và minh bạch trong mọi hoạt động. ”

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể CBNV TVSI

Chúng ta đã kết thúc năm 2019, với bức tranh kinh tế vĩ mô đạt nhiều kết quả tích cực: GDP tăng trưởng 7,02% - mức cao trong khu vực, lạm phát được kiểm soát trong ngưỡng mục tiêu (2,75%), chính sách tiền tệ được thắt chặt (tín dụng tăng 13,5%), ổn định tỷ giá hối đoái và cán cân thương mại đạt thặng dư cao kỷ lục 9,9 tỷ USD - mức cao nhất trong 4 năm qua. Tuy vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam 2019 lại diễn biến không mấy thuận lợi. VN-Index bứt phá mạnh mẽ từ 861 điểm lên trên 1.000 điểm ngay trong quý I nhưng, đà tăng không được duy trì. Chỉ số dao động với biên độ 940 - 1.030 điểm trong suốt 3 quý còn lại của năm và kết thúc năm tăng 7,68%, tuy nhiên tăng trưởng chỉ tập trung ở một số mã lớn.

Những nhân tố bất ổn của thị trường thế giới như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu chậm lại trên quy mô toàn cầu... đã gây ảnh hưởng tiêu cực tới tâm lý chung toàn thị trường. Hoạt động IPO và thoái vốn của khối doanh nghiệp Nhà nước ít hơn so với các năm trước đó. Thị trường chứng khoán Việt Nam đối mặt với thời kỳ khó khăn trước sự e ngại của nhà đầu tư trong và ngoài nước. TVSI và các công ty chứng khoán gặp nhiều thách thức trong hoạt động kinh doanh.

Mặc dù vậy, bằng sự đổi mới, linh hoạt song trung thành với chiến lược phát triển bền vững, thích ứng với mọi thay đổi của thị trường, TVSI tiếp tục hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đạt chỉ tiêu tăng trưởng trên mọi mặt như thị phần, quy mô khách hàng, sản phẩm dịch vụ, và đặc biệt là hoàn thiện đội ngũ nhân sự, thu hút thêm được nhiều nhân sự có kinh nghiệm, nhiệt huyết.

Năm 2019 khép lại đánh dấu sự kết thúc giai đoạn 5 năm 2015 - 2019 của TVSI với kết quả ấn tượng. Doanh thu đạt 719,5 tỷ đồng, hoàn thành 199,4% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 182,64 tỷ đồng, hoàn thành 150,7% kế hoạch. Như vậy, chúng ta đã có mức tăng trưởng doanh thu trung bình trong 5 năm là 47%; mức tăng trưởng lợi nhuận trung bình qua 5 năm gần đây là 76%. Đây là mức tăng trưởng cao so với trung bình thị trường nói chung trong bối cảnh kinh tế có nhiều diễn biến phức tạp, và cũng là năm thứ 11 liên tục TVSI có lãi.

TVSI cũng đạt các danh hiệu và được vinh danh trong năm như Top 500 DNTN có lợi nhuận tốt nhất 2019; Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu của năm (HNX); TOP 10 thị phần UPCOM..

Nhìn lại chặng đường 5 năm, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao sự nỗ lực hết mình của Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, vì lợi ích của người lao động và cổ đông, định hình ngày càng rõ nét văn hóa TVSI luôn trách nhiệm, nhân văn, tận tâm, sáng tạo, sẵn sàng đương đầu mọi thử thách. Nhờ đó, chúng ta đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu tăng trưởng 5 năm 2015 - 2019 đặt ra.

Sự thành công của giai đoạn này đạt được là nhờ ba yếu tố cốt lõi. Một là, TVSI lấy sự phát triển bền vững dài hạn làm kim chỉ nam trong hoạt động, luôn tinh táo, kiên định, cung cấp các dịch vụ, thực hiện đầu tư tự doanh cổ phiếu và cho vay an toàn, hiệu quả. Không phát sinh nợ xấu. Chất lượng tín dụng của các khoản vay ngày càng được nâng cao. Bên cạnh đó, Công ty mạnh dạn triển khai các mảng kinh doanh, dịch vụ mới...nhằm đóng góp một phần quan trọng trong kết quả chung của Công ty.

Hai là, TVSI đặt trọng tâm vào công tác phát triển con người, cung cấp cho đội ngũ của mình cơ hội phát triển bản thân và sự nghiệp. Công ty không ngừng thu hút thêm nguồn nhân lực chất lượng cao, sở hữu năng lực đáp ứng yêu cầu kinh doanh mới, cùng khả năng hội nhập và thích ứng nhanh.

Ba là, TVSI luôn quản trị, điều hành nguồn vốn, tài sản an toàn và tận dụng các cơ hội đầu tư tài chính, trung gian tài chính một cách có hiệu quả, với tỷ lệ an toàn vốn khả dụng khoản đạt trên 300%, vượt xa mức yêu cầu của các cơ quan quản lý, từ đó đạt được vị thế chủ động trước các diễn biến khó kiểm soát trên thị trường.

Bước sang năm 2020, thế giới cũng như trong nước đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức, bất ổn đến từ những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, cuộc chiến giá

đầu... Với những thành công và bài học kinh nghiệm của giai đoạn vừa qua, chúng ta cần tiếp tục cẩn trọng với thị trường, kiên trì tổ chức hoạt động kinh doanh với phương châm hướng tới tính bền vững, tập trung vào việc củng cố nội bộ, nâng cao năng lực nội tại của Tân Việt. Thông điệp xuyên suốt mọi hoạt động của Tân Việt trong năm 2020 là “Bền lực - Vững tâm - Đổi mới từ chính bạn”.

Đổi mới chính là động lực, kim chỉ nam để biến trí tuệ, khát vọng, đam mê của người TVSI thành những sản phẩm, dịch vụ thực sự có giá trị gia tăng, hiệu quả và nhân văn cho khách hàng và xã hội.

TVSI tiếp tục chiến lược phát triển bền vững, trọng nguyên tắc đồng lợi, minh bạch trong mọi hoạt động. Các nhóm giải pháp được áp dụng cho từng mảng kinh doanh tập trung vào yếu tố tạo nên/hướng tới sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp: chất lượng sản phẩm - dịch vụ cung cấp cho khách hàng, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, cải thiện và tập trung quản trị rủi ro, quản trị doanh nghiệp, đào tạo và chú trọng phát triển nguồn nhân lực. TVSI sẽ tiếp tục đồng hành với khách hàng, cầu nối các nguồn vốn chất lượng, hợp tác với các doanh nghiệp, cùng góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.

Trong quá trình phát triển, sự đồng hành của Quý Cổ đông, Quý đối tác, khách hàng và những cán bộ nhân viên TVSI chính là động lực để chúng tôi không ngừng đổi mới, cải tiến, tạo ra những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho xã hội và đảm bảo kinh doanh phát triển bền vững.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và lời tri ân sâu sắc nhất tới Quý Cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên TVSI. Chúc thế giới bình an, mọi người có sức khỏe tốt, luôn vui vẻ, hạnh phúc và chia sẻ với nhau nhiều hơn.

Trân trọng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Tiến Thành

ĐIỂM NHẤN 2019



TỔNG DOANH THU ĐẠT TRÊN **719,5** TỶ VNĐ
▶ TĂNG GẤP **2,2** LẦN
▶ ĐẠT **200%** KẾ HOẠCH



VỐN CHỦ SỞ HỮU ĐẠT TRÊN **1.332** TỶ VNĐ
▶ TĂNG **11%**



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐẠT **182,6** TỶ VNĐ
▶ TĂNG GẤP **2,4** LẦN
▶ ĐẠT **151%** KẾ HOẠCH



NHÂN SỰ **293** NGƯỜI
▶ TĂNG **12%**



TỔNG TÀI SẢN ĐẠT TRÊN **2.217** TỶ VNĐ
▶ TĂNG **11%**



TOP 500
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
CÓ LỢI NHUẬN TỐT NHẤT
2019

TOP 1
THỊ PHẦN MÔI GIỚI
CỔ PHIẾU SÀN UPCOM
QUÝ 3/2019

TỔNG QUAN TVSI

- 01 Tầm nhìn
- 02 Sứ mệnh
- 03 Giá trị cốt lõi
- 04 Thông tin cơ bản
- 05 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 06 Ngành nghề kinh doanh
- 07 Nhân sự chủ chốt
- 08 Quá trình hình thành và phát triển
- 09 Các danh hiệu đạt được
- 10 Các đối tác hợp tác toàn diện

01





THÔNG TIN CƠ BẢN TVSI

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
Thành lập ngày	28/12/2006
Vốn điều lệ	1.080.000.000.000 đồng
	Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
	(84) 24 3728 0921
	(84) 24 3728 0920
	contact@tvs.com.vn
	www.tvs.com.vn

ĐỐI TÁC HỢP TÁC TOÀN DIỆN



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN (SCB)

Ngân hàng TMCP Sài Gòn là đối tác đã đồng hành cùng TVSI ngay từ ngày đầu thành lập. Tháng 05/2016, SCB và TVSI chính thức ký thỏa thuận Đối tác toàn diện nhằm có những chính sách hiệp trợ nhau trong việc phát triển dịch vụ.



TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LONG (BLI)

Tháng 05/2016, TVSI và Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long đã trở thành đối tác hợp tác toàn diện. Với tính chất cung cấp dịch vụ hỗ trợ cùng phát triển, hai bên đã bước đầu triển khai các chương trình hợp tác chặt chẽ về tài chính và bán chéo sản phẩm.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TẠI THỜI ĐIỂM

31/12/2019, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TVSI NHƯ SAU:

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	108.000.000 CP
Loại cổ phần đang lưu hành	CP phổ thông
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	108.000.000 CP
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu.	Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

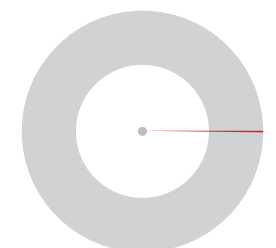
THEO TỶ LỆ SỞ HỮU

Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% CP trở lên):	9 Cổ đông, chiếm tỷ lệ 83,84% CP;
Cổ đông khác:	72 Cổ đông, chiếm tỷ lệ 16,16% CP;



THEO LOẠI ĐỐI TƯỢNG

Cổ đông tổ chức:	02 Cổ đông, chiếm tỷ lệ 0,2% CP;
Cổ đông cá nhân:	79 Cổ đông, chiếm tỷ lệ 99,80% CP;

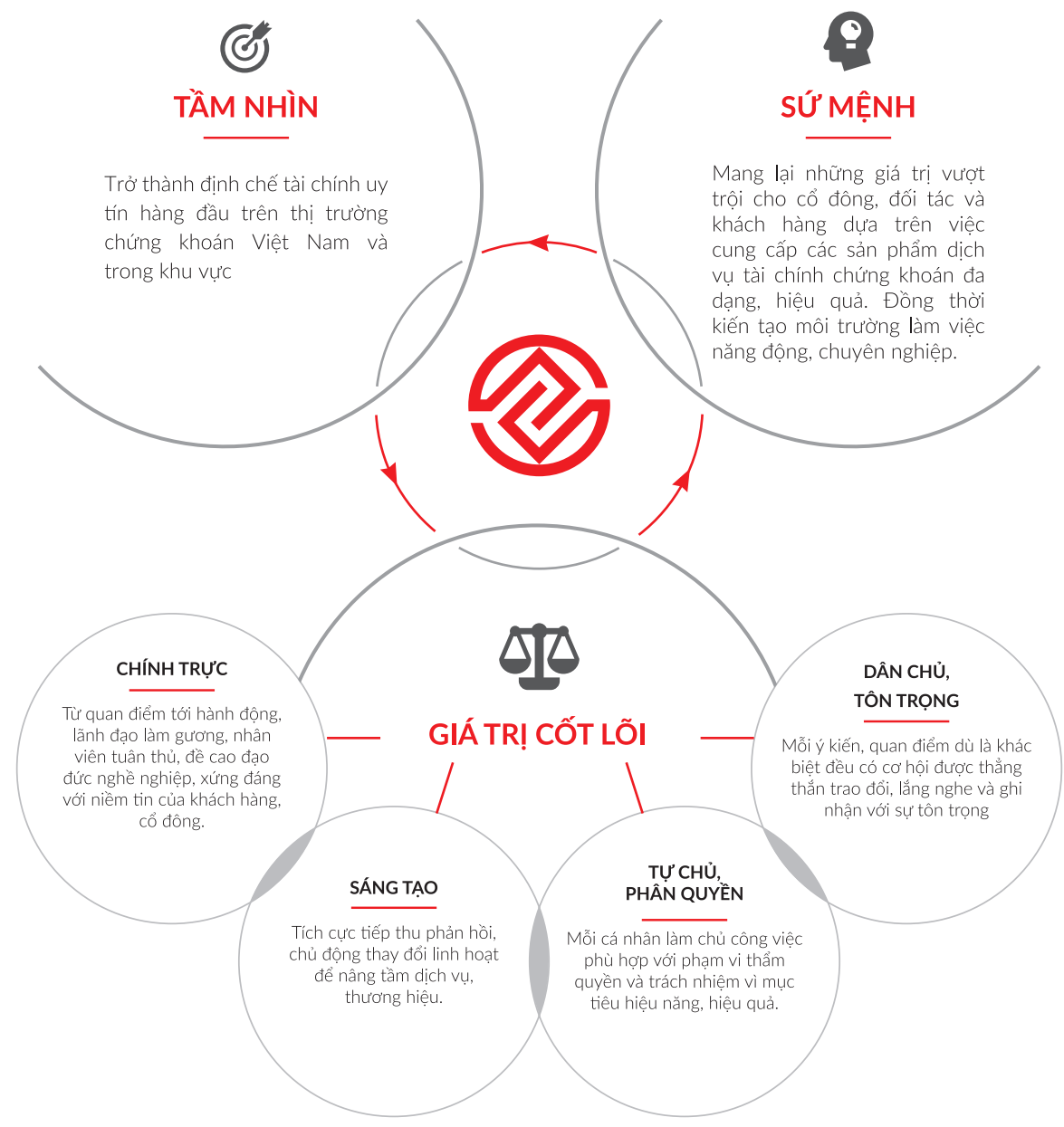


Ghi chú: TVSI hiện không có Cổ đông Nhà nước.



**TẦM NHÌN, SỨ MỆNH,
GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

**NGÀNH NGHỀ
KINH DOANH**



	MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN	TVSI cung cấp đa dạng các dịch vụ môi giới chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đồng thời chúng tôi cũng là đơn vị cung cấp dịch vụ đấu giá trực tiếp hoặc đại lý đấu giá của các Sở Giao dịch chứng khoán.
	LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN	TVSI nhận lưu giữ, bảo quản chứng khoán và trợ giúp nhà đầu tư thực hiện đầy đủ các quyền của mình đối với chứng khoán mà nhà đầu tư đang sở hữu như: quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu thưởng, quyền chia tách hoặc gộp cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, quyền biểu quyết tại đại hội cổ đông, quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi...
	TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN	Bằng sự chuyên nghiệp và tận tâm, TVSI cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho mọi đối tượng cá nhân & tổ chức, khách hàng trong nước & nước ngoài.
	BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN	Với năng lực tài chính vững vàng, đội ngũ tư vấn giàu kinh nghiệm, quy trình tư vấn chặt chẽ, được hoàn thiện liên tục, và mối quan hệ sâu rộng các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức có uy tín, TVSI giúp khách hàng phân phối chứng khoán thành công và nhanh chóng ra công chúng hoặc cho nhà
	DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ	TVSI cung cấp đa dạng các dịch vụ tư vấn về thị trường vốn (phát hành chứng khoán, niêm yết, cổ phần hóa...), thị trường nợ (tư vấn phát hành và phân phối trái phiếu), nghiên cứu thị trường và mua bán sáp nhập (M&A), đại lý phát hành và kinh doanh trái phiếu...
	ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN	Với triết lý kinh doanh an toàn, hiệu quả, TVSI luôn tuân thủ pháp luật, đảm bảo không xung đột với lợi ích của khách hàng. Danh mục đầu tư của TVSI đa dạng và được chọn lọc với các tiêu chí rõ ràng, trong đó chúng tôi ưu tiên tới cổ phiếu/trái phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu trong các ngành, có lợi thế cạnh tranh, hiệu quả hoạt động cao và quản trị minh bạch.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT - BAN ĐIỀU HÀNH



Ông NGUYỄN TIẾN THÀNH

Chủ tịch HĐQT,
Tổng Giám đốc

- ▶ **Thạc sỹ Quản lý phát triển**
Asian Institute of Management - Philippines;
- ▶ **Cử nhân Tài chính ngân hàng**
Đại học Kinh tế Quốc dân;
- ▶ **Chủ tịch HĐQT**
CTCP Chứng khoán Tân Việt (05/2019 - nay);
- ▶ **Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc**
CN.TP. Hồ Chí Minh – CTCP Chứng khoán Tân Việt (01/2016 - nay);
- ▶ **Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc**
CN.TP. Hồ Chí Minh – CTCP Chứng khoán Tân Việt (2008 - 01/2016);
- ▶ **Giám đốc Dịch vụ chứng khoán**
CTCP Chứng khoán Tân Việt (2007-2008).



Ông NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

Thành viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc

- ▶ **Thạc sỹ Quản trị kinh doanh**
Đại học Kinh tế Quốc dân;
- ▶ **Kỹ sư tin học**
Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Sofia, Bulgaria;
- ▶ **Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT CTCP**
Chứng khoán Tân Việt (2007 - nay);
- ▶ **Thành viên HĐQT**
Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT (2012 - nay);
- ▶ **Phó Giám đốc Trung tâm tin học**
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (1997 - 2006).



Ông LÊ THANH TÙNG

Thành viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc

- ▶ **Thạc sỹ Quản trị kinh doanh**
Chương trình Cao học Việt – Bỉ
Đại học Kinh tế Quốc dân
- ▶ **Cử nhân Tài chính Ngân hàng**
Học viện Ngân hàng
- ▶ **Cử nhân Ngoại ngữ**
ĐH Ngoại ngữ – ĐH Quốc gia
- ▶ **Thành viên HĐQT**
CTCP CK Tân Việt (03/2018 - nay);
- ▶ **Phó Tổng Giám đốc**
CTCP CK Tân Việt (2017 - nay);
- ▶ **Giám đốc tài chính/Kế toán trưởng**
CTCP CK Tân Việt (2008 - 2017);
- ▶ **Trưởng phòng KTTC**
Chi nhánh NH Ngoại thương Việt Nam (2005 - 2007).



Bà BÙI THỊ THANH HIỀN

Thành viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

- ▶ **Cử nhân kế toán kiểm toán**
Đại học Kinh tế Quốc dân;
- ▶ **Cử nhân luật kinh tế**
Đại học Luật Hà Nội.
- ▶ **Thành viên HĐQT**
CTCP CK Tân Việt (05/2019 - nay);
- ▶ **Phó Tổng Giám đốc**
CTCP CK Tân Việt (01/2019 - nay);
- ▶ **Kế toán trưởng**
CTCP Chứng khoán Tân Việt (05/2017 - nay);
- ▶ **Trưởng phòng kế toán**
CTCP Chứng khoán Tân Việt (01/2017 - 04/2017);
- ▶ **Phó phòng kế toán**
CTCP Chứng khoán Tân Việt (02/2013 - 12/2016).

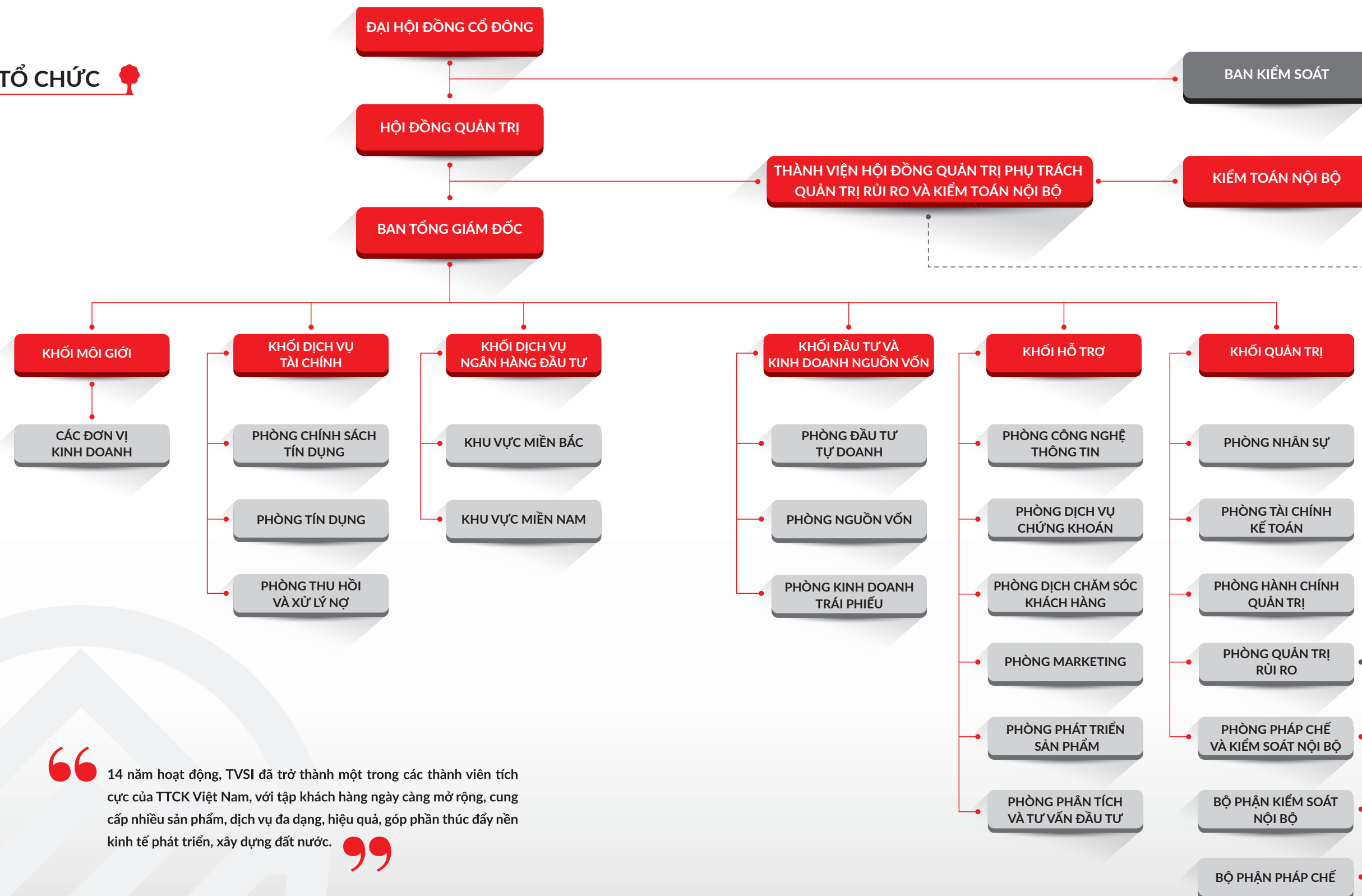


Ông TẠ MINH PHƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc

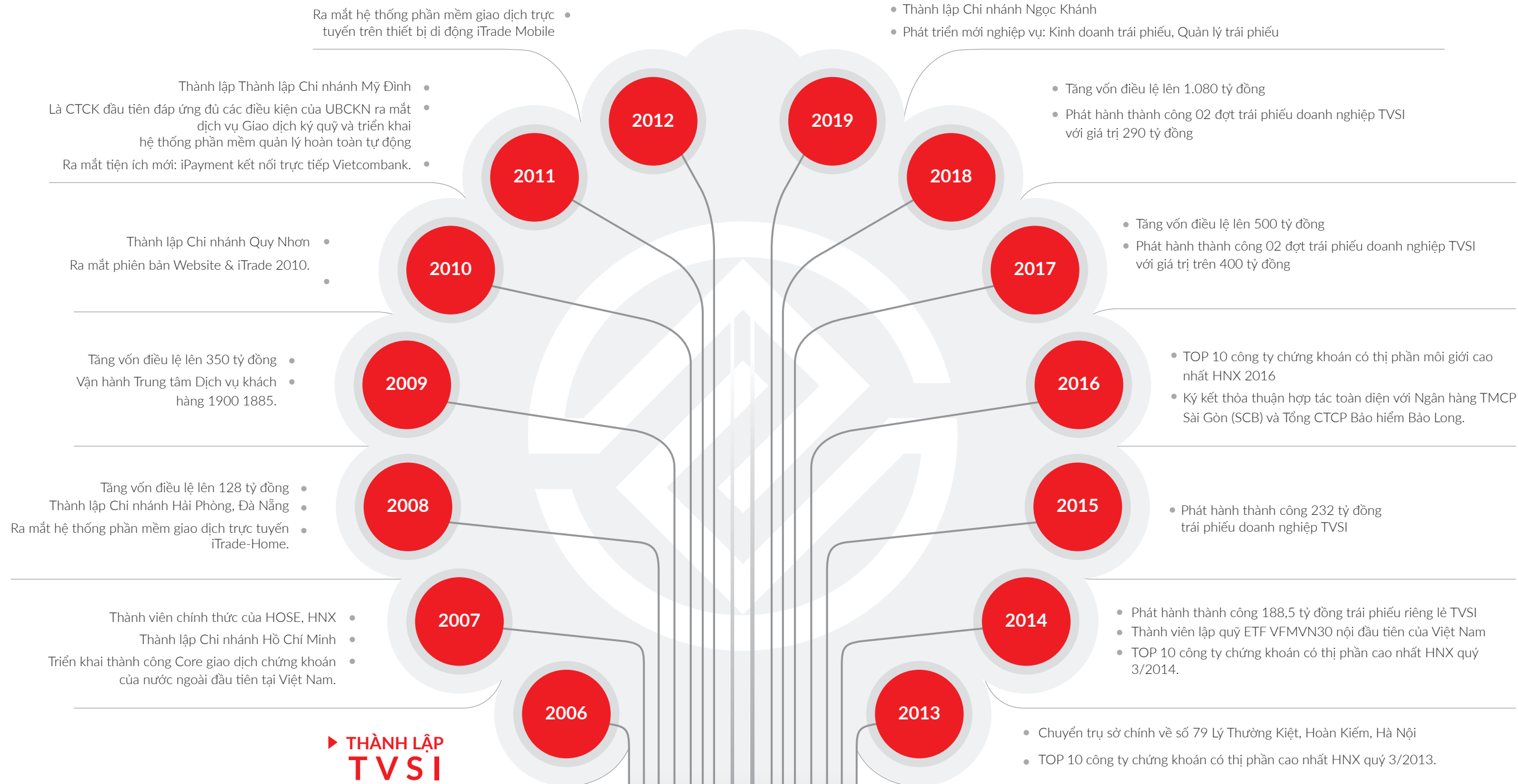
- ▶ **Thạc sỹ Quản trị kinh doanh**
Chương trình Cao học Pháp - Việt (CFVG) - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- ▶ **Kỹ sư tin học**
Đại học Bách Khoa Hà Nội.
- ▶ **Phó Tổng Giám đốc**
CTCP CK Tân Việt (01/2019 - nay);
- ▶ **Giám đốc vận hành**
CTCP Chứng khoán Tân Việt (01/2017 - 12/2018);
- ▶ **Trưởng phòng CNTT**
CTCP Chứng khoán Tân Việt (08/2010 - 12/2016).

CƠ CẤU TỔ CHỨC



“ 14 năm hoạt động, TVSI đã trở thành một trong các thành viên tích cực của TTCK Việt Nam, với tập khách hàng ngày càng mở rộng, cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ đa dạng, hiệu quả, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển, xây dựng đất nước. ”

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



CÁC DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC



Công ty phát triển mạng lưới môi giới nhanh nhất Việt Nam 2018
(Fastest Growing Brokerage Network Vietnam 2018) do tạp chí Global Banking & Finance Review Anh Quốc trao tặng;



TOP 500
Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2009 và 2019



Sản phẩm giao dịch ký quỹ Chứng khoán tốt nhất Việt Nam
(Best Margin Trading Product Vietnam 2017) do tạp chí Global Banking & Finance Review Anh Quốc trao tặng.



Giải thưởng **"TIN VÀ DÙNG"** năm 2009, 2010 cho sản phẩm **"Giao dịch trực tuyến"**



Hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến tốt nhất Việt Nam năm 2016
(Best Online Trading Platform Vietnam 2016) do tạp chí International Finance Magazine Anh Quốc bình chọn và trao tặng.



Thương hiệu chứng khoán uy tín 2010





Tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2019 01
Triển vọng kinh tế 2020 02

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

02



KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2019

NHỮNG TÍN HIỆU TÍCH CỰC XUẤT HIỆN GIAI ĐOẠN CUỐI NĂM SẼ TẠO TIỀN ĐỀ GIÚP NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI HỒI PHỤC TRỞ LẠI SAU MỘT NĂM 2019 ĐỐI MẶT VỚI NHIỀU RỦI RO.

Theo IMF, tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2019 dự báo chỉ đạt 2,9%, thấp hơn mức 3% của năm 2018 và là mức tăng trưởng thấp nhất của nền kinh tế thế giới từ năm 2009. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung bắt đầu từ năm 2018 tiếp tục phủ bóng lên kinh tế toàn cầu trong nay. Hai nền kinh tế lớn nhất thế giới gia tăng áp thuế nhằm vào khối lượng hàng hóa lớn của nhau trong thời gian giữa năm tới tháng 8 đã phần nào làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, từ đó tạo ra những rào cản bất lợi cho tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, tiến trình Brexit gặp nhiều khó khăn đã gây thiệt hại cho cả nền kinh tế Anh và EU, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế châu Âu đã bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm kéo dài và lạm phát thấp. Ngoài ra, kinh tế 2019 còn hứng chịu hàng loạt các yếu tố rủi ro cao như xung đột Mỹ - Iran leo thang, cuộc biểu tình bạo lực ở Hong Kong...

Nhằm hỗ trợ tăng trưởng cho nền kinh tế, Ngân hàng Trung Ương (NHTW) nhiều nước trên thế giới đã thực hiện cắt giảm lãi suất với tổng cộng 140 đợt. Điển hình như FED thực hiện 3 đợt cắt giảm lãi suất, bắt đầu từ tháng 7/2019, tiếp đó là vào tháng 9 và tháng 10/2019. Tại châu Âu, NHTW châu Âu (ECB) giảm giới hạn lãi suất tiền gửi 0,1% xuống -0,5%, bắt đầu từ ngày 18/9/2019, là cơ sở để giảm mặt bằng lãi suất nói chung. Lãi suất tại một số quốc gia như Hàn Quốc, Thái Lan đang ở mức thấp kỷ lục trong lịch sử.

Nhờ đó, nền kinh tế đã bắt đầu đón nhận thông tin tích cực trong thời gian cuối năm. Hoạt động thương mại chuyển biến tốt khi khối lượng giao dịch hàng hóa toàn cầu tháng 9 và 10/2019 ghi nhận kết quả tăng trưởng cao hơn nhiều so với 2 tháng trước đó. Chỉ số đơn hàng xuất khẩu của JPMorgan tháng 10 cũng cho thấy dấu hiệu cải thiện lạc quan nhất trong 4 năm qua. Sản lượng công nghiệp châu Âu đã vượt dự báo, chỉ số quản lý sức mua (PMI) ngành sản xuất tháng 10 đã ghi nhận cải thiện tại hầu hết các quốc gia trên thế giới.

Bên cạnh đó, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung cũng có dấu hiệu hạ nhiệt từ ngày 13/12/2019, khi hai bên xác nhận về việc đạt được thỏa thuận giai đoạn 1. Khả năng xảy ra "Brexit cứng" đã giảm mạnh

sau khi Đảng Bảo thủ của Thủ tướng Boris Johnson giành chiến thắng áp đảo tại cuộc bầu cử diễn ra vào ngày 12/12/2019. Kết quả bầu cử này là cơ sở để quốc hội thông qua được Luật Brexit, và Vương quốc Anh sẽ rời EU vào ngày 31/01/2020, góp phần phục hồi tăng trưởng kinh tế tại châu Âu cũng như trên toàn cầu.

Những tín hiệu tích cực xuất hiện giai đoạn cuối năm sẽ tạo tiền đề giúp nền kinh tế thế giới hồi phục trở lại sau một năm 2019 đối mặt với nhiều rủi ro.





KINH TẾ VIỆT NAM VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2019

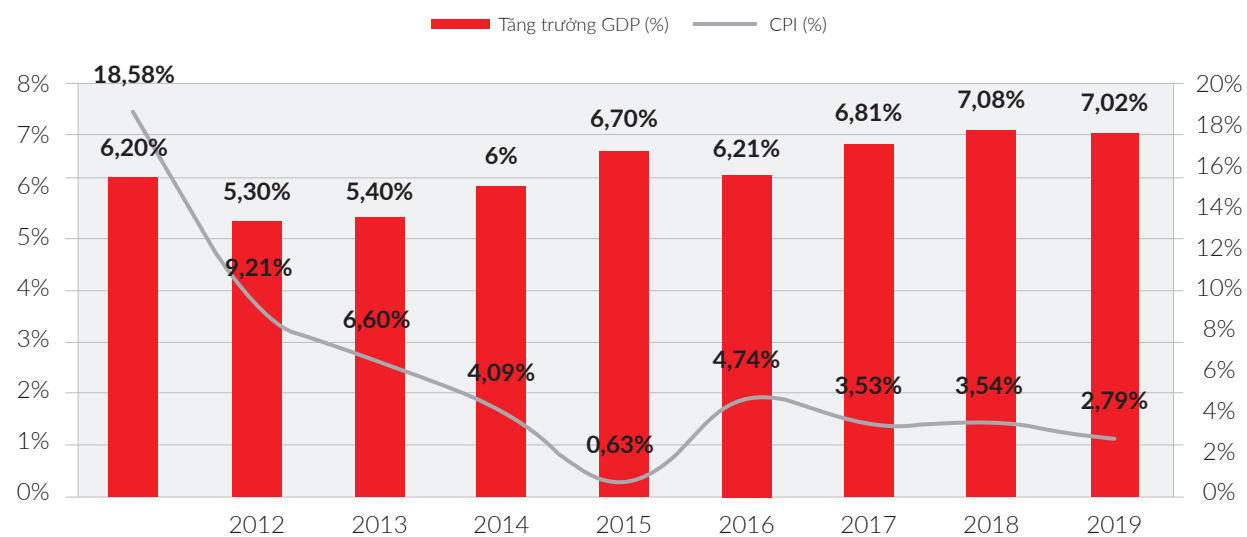
KINH TẾ VIỆT NAM 2019: DUY TRÌ ĐÀ TĂNG TRƯỞNG ẨM TƯỢNG

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, Việt Nam tiếp tục nổi lên là một trong những nước có tăng trưởng GDP cao nhất thế giới, đạt 7,02%. Mức tăng trưởng này vượt mục tiêu Quốc hội đề ra là 6,6% - 6,8%. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,09%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%.

Bên cạnh mức tăng trưởng cao, nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được sự ổn định. CPI bình quân năm 2019

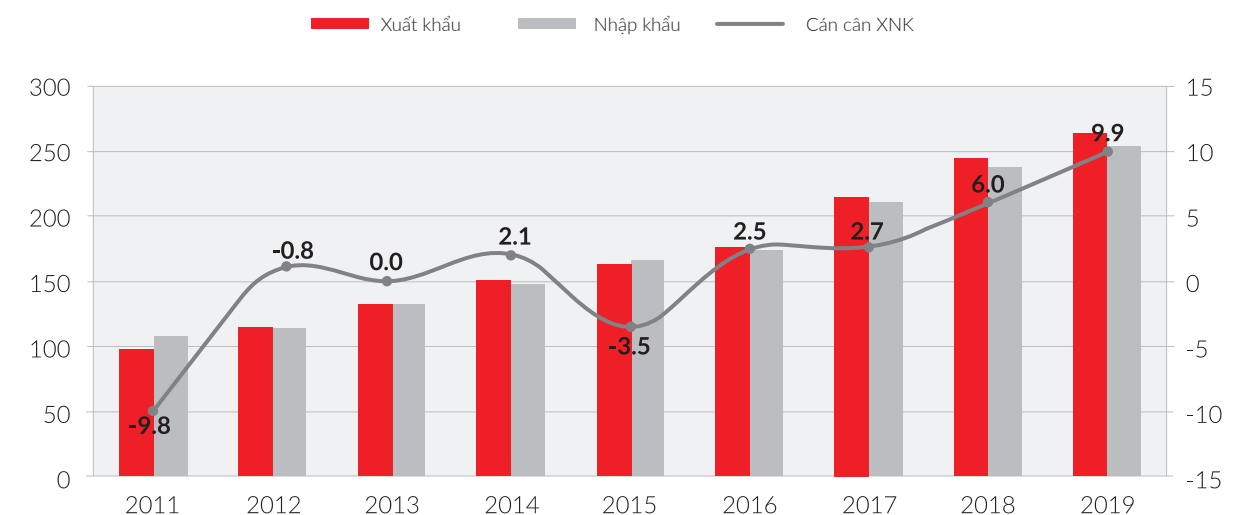
tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra và đây cũng là mức thấp nhất trong 3 năm qua. Các yếu tố chính tác động tới GDP năm 2019 bao gồm, nhóm Thực phẩm tăng 5,08%, chủ yếu do giá thịt lợn 2019 tăng 11,79% (đóng góp 1,15% vào CPI); Giá dịch vụ y tế tăng 4,65% (tác động làm CPI chung tăng 0,18%); Chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục năm 2019 tăng 6,11% do tăng học phí (tác động làm CPI tăng 0,32%); trong khi đó, giá xăng, dầu trong nước giảm 3,13% (làm CPI chung giảm 0,15%).

TĂNG TRƯỞNG GDP VÀ CPI CỦA VIỆT NAM QUA CÁC NĂM



Nguồn: Tổng cục thống kê

HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM (TỶ USD)



Nguồn: Tổng cục hải quan

Ấn tượng nhất trong nền kinh tế Việt Nam năm qua là hoạt động xuất nhập khẩu sôi động, với kim ngạch xuất nhập khẩu đạt kỷ lục

516,96 tỷ USD.

Trong đó khu vực kinh tế trong nước ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt đạt 17,7% và 13,8%, đều cao hơn rất nhiều so với mức 4,2% và 2,5% của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Về xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2019 ước đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm 2018. Trong đó có 32 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm tới 92,9% tổng kim ngạch xuất khẩu như điện thoại và linh kiện, điện tử, máy tính và linh

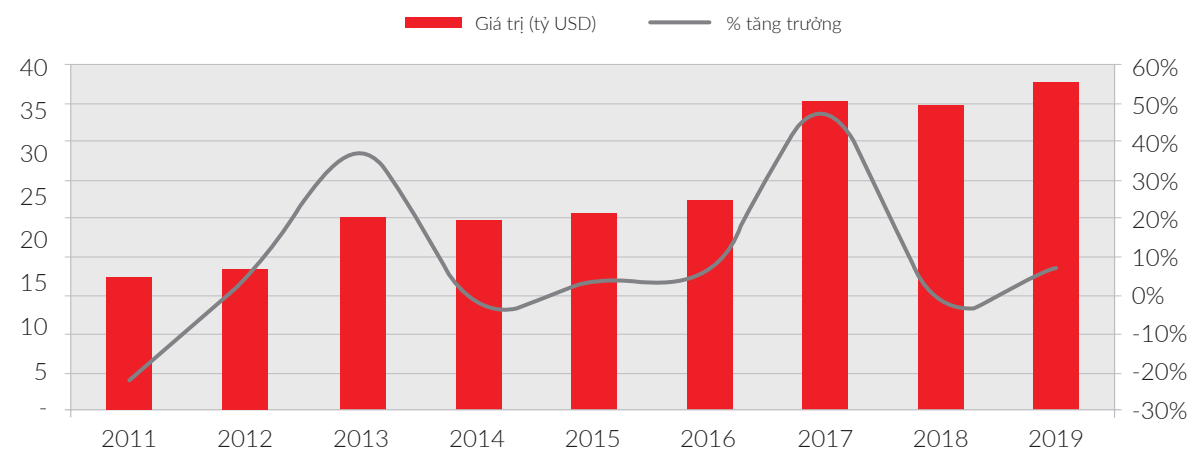
kiện, hàng dệt may... Về nhập khẩu, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 253,51 tỷ USD, tăng 7% so với năm 2018. Trong đó, 37 mặt hàng nhập khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, chiếm tới 90,6% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó nổi bật nhất vẫn là điện tử, máy tính và linh kiện, máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng, điện thoại và linh kiện...

Nhờ vậy cán cân thương mại đạt thặng dư cao kỷ lục 9,9 tỷ USD, mức cao nhất trong 4 năm vừa qua.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đạt 38 tỷ USD, tăng 7,2% so với năm 2018,

bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài. Công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là ngành được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký của các dự án đạt 12,093 tỷ USD, chiếm 72,2% tổng vốn đăng ký cấp mới. Xét theo quốc gia, Hàn Quốc là nhà đầu tư lớn nhất vào Việt Nam với 3,668 tỷ USD, chiếm 21,9% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Đặc khu hành chính Hong Kong (Trung Quốc) đạt 2,81 tỷ USD, chiếm 16,8%; Trung Quốc 2,37 tỷ USD, chiếm 14,2%.

BIỂU ĐỒ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM



Nguồn: Tổng cục thống kê

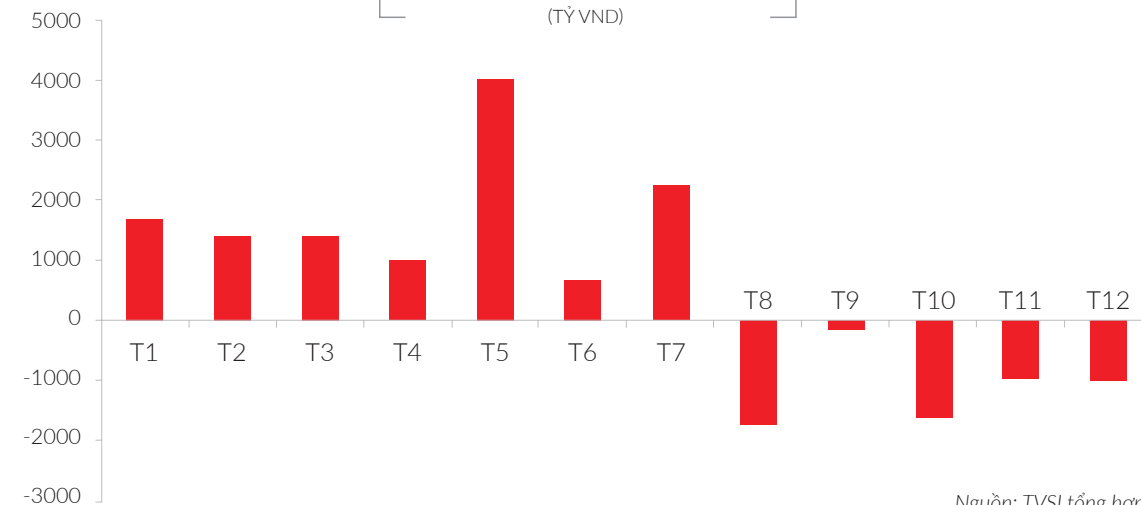
Tỷ giá USD/VND duy trì xu hướng đi ngang trong năm 2019 do ảnh hưởng của diễn biến chiến tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc và chính sách tài chính nới lỏng của FED. Tính đến ngày 31/12/2019, đối với USD/VND, tỷ giá liên ngân hàng giảm nhẹ 0,98%, trong khi tỷ giá tự do cũng giảm nhẹ 0,39%. FED phát tín hiệu giảm lãi suất, đã tạo áp lực tăng giá VND. Trong khi đó, ảnh hưởng từ căng thẳng thương mại giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ, các nước có xu hướng duy trì giá trị đồng nội tệ thấp để gia tăng cạnh tranh hàng hóa xuất khẩu. Từ đầu năm đến ngày 31/12/2019, chỉ số Dollar Index (DXY) tăng 0,54% và đồng USD đều tăng giá so với nhiều đồng tiền khác như CNY (-1,79%); EUR (-2,32%), CHF (-1,46%), INR (-1,14%), và BRL (-3,09%).

Năm 2019, tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 13,5%, sát với mục tiêu Ngân hàng Nhà nước đề ra là 14% từ đầu năm. Theo đó, đây là tỷ lệ tăng trưởng tín dụng thấp nhất kể từ năm 2014. Cơ cấu tín dụng tiếp tục hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên; tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng. Thanh khoản ngân hàng dồi dào hơn và ít chịu áp lực từ việc tăng tỷ giá USD/VND so với 2018. Lãi suất ngân hàng duy trì ổn định, lãi suất tại các kỳ hạn qua đêm, 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng lần lượt đạt 1,74%; 2,36%; 3,44%; 4,06% và 4,33%. Lãi suất huy động ngắn hạn dao động dưới 5%/năm cho tiền gửi từ 1 đến 6 tháng.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2019

Nhờ định giá thấp so với các nước trong khu vực, VN-Index bước vào năm 2019 với khởi đầu thuận lợi khi bứt phá mạnh mẽ từ 861 điểm lên trên 1.000 điểm ngay trong quý I. Tuy nhiên, đà tăng không được duy trì, chỉ số dao động với biên độ 940 - 1.030 điểm trong suốt 3 quý còn lại của năm. VN-Index tăng 7,68% trong năm 2019.

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI NĂM 2019
(TỶ VND)



Nguồn: TVSI tổng hợp

Quy mô thị trường tăng trưởng chậm lại.

Tổng vốn hóa thị trường năm 2019 đạt hơn 4,38 triệu tỷ đồng, tăng 10,6% so với năm 2018. Đây là mức tăng thấp nhất trong 5 năm gần đây. Trong đó, vốn hóa tại HOSE đạt 3,28 triệu tỷ đồng, tăng 11,8%. Tính đến ngày 31/12/2019, vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 72,6% GDP, giảm nhẹ so với mức 75% của năm 2018. Cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước đạt thấp so với kế hoạch đề ra; đồng thời không có doanh nghiệp lớn đăng ký niêm yết trong năm 2019 đã làm giảm tốc độ gia tăng vốn hóa của thị trường.

Thanh khoản trung bình giảm 28,9%.

Thị trường chứng khoán năm 2019 kém sôi động. Tổng khối lượng giao dịch trên thị trường đạt gần 56 tỷ cổ phiếu, tương ứng giá trị giao dịch 1,15 triệu tỷ đồng. Trong đó, giá trị giao dịch khớp lệnh giảm 34,1%, đạt 859.190 tỷ đồng còn phương thức thỏa thuận giảm 9,3% và đạt 295.648 tỷ đồng. Nếu xét theo trung bình phiên, giá trị giao dịch cổ phiếu bình quân đạt 4.619 tỷ đồng/phiên, giảm 28,9% so với năm 2018. Sàn HOSE thu hút được dòng tiền lớn nhất với khối lượng giao dịch đạt gần 34,9 tỷ cổ phiếu, trị giá 729.208 tỷ đồng, giảm 31,1% so với năm 2018.

Khối ngoại mua ròng năm thứ 3 liên tiếp.

Dù bán ròng liên tục trong 5 tháng cuối năm nhưng tính chung cả năm 2019 nhà đầu tư nước ngoài vẫn mua ròng tới 7.205 tỷ đồng, giảm 84% về giá trị so với năm 2018. Tổng cộng trên cả ba sàn HOSE, HNX và UPCOM, khối ngoại đã mua vào 4,37 tỷ cổ phiếu, tương ứng tổng giá trị 174,3 nghìn tỷ đồng và bán ra 4,45 tỷ cổ phiếu, tương ứng tổng giá trị hơn 167,1 nghìn tỷ đồng. Đây là năm thứ 3 liên tiếp khối ngoại mua ròng, tuy nhiên giao dịch mua ròng khối lượng lớn chủ yếu là thỏa thuận tại những mã bluechip, trong khi giao dịch khớp lệnh giữ trạng thái bán ròng.

**CÁC YẾU TỐ VĨ MÔ
ẢNH HƯỞNG TỚI
TTCK 2019**

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung	Mức độ ảnh hưởng của yếu tố này trong năm 2019 đã phần nào suy giảm. Cụ thể trong 2 lần Mỹ và Trung Quốc áp thuế lên nhau, thị trường chỉ chịu tác động nhẹ. Trong khi đó, thị trường phản ứng tích cực hơn khi 2 quốc gia này đạt thỏa thuận thương mại giai đoạn 1 trên nguyên tắc vào tháng 12/2019. Thỏa thuận giai đoạn 1 là cơ sở để hai bên có thể hướng tới thỏa thuận giai đoạn 2, giúp giảm thiểu áp lực lên nền kinh tế thế giới.
Làn sóng hạ lãi suất của các Ngân hàng trung ương	Trong bối cảnh lạm phát được duy trì ở mức thấp, tăng trưởng kinh tế bị chậm lại, nhiều ngân hàng trung ương trên thế giới đều thực hiện cắt giảm lãi suất để hỗ trợ tăng trưởng. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng trên khi NHNN tiến hành hạ lãi suất tiền gửi, giảm lãi suất vay từ tháng 11/2019. Mặc dù vậy, do Việt Nam điều hành chính sách tiền tệ thông qua tăng trưởng tín dụng và cung tiền nên tác động của yếu tố trên tới TTCK là không nhiều.
Việt Nam chưa được đánh giá thị trường hạng 2 theo FTSE	Trong đợt đánh giá tháng 9/2019, Việt Nam vẫn trong danh sách theo dõi nâng hạng lên thị trường mới nổi hạng 2 do vẫn chỉ thỏa mã được 7 tiêu chí. Yếu tố này do đã được dự báo từ trước nên mức độ ảnh hưởng tới TTCK thấp.

**CÁC CHÍNH SÁCH
MỚI ĐƯỢC BAN HÀNH**

Luật Chứng khoán sửa đổi chính thức được Quốc hội thông qua	Sau khi được thông qua trong kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa IX, Luật Chứng khoán sửa sẽ có hiệu lực từ 1/1/2021. Một số điểm đáng chú ý trong Luật như tăng tính minh bạch, chất lượng hàng hóa, giúp các tiêu chuẩn của Việt Nam dần tiệm cận với khu vực. Tuy nhiên, Luật mới không có nhiều thay đổi đột phá so với Luật hiện hành như tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, sản phẩm mới...
Phê duyệt đề án tái cơ cấu thị trường chứng khoán	Theo đó, Chính phủ đặt ra mục tiêu quy mô thị trường cổ phiếu đạt 100% GDP vào năm 2020 và 120% GDP vào năm 2025; quy mô thị trường trái phiếu đạt 47% GDP vào năm 2020 và 55% GDP vào năm 2025; Số lượng nhà đầu tư trên thị trường đạt 3% dân số vào năm 2020 và 5% dân số vào năm 2025. Đề án cũng đặt ra mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam vào danh sách các thị trường mới nổi trước năm 2025.
Bỏ sàn phí môi giới giao dịch	Thông tư số 128/2018 của Bộ Tài chính được ban hành, trong đó chỉ quy định mức trần giá dịch vụ môi giới mua, bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm là 0,5% giá trị giao dịch, bỏ mức sàn 0,15% như quy định cũ. Sau khi Thông tư có hiệu lực từ ngày 15/2/2019, làn sóng giảm phí giao dịch xuất hiện ở nhiều công ty chứng khoán, trong đó một số công ty đã triển khai chương trình giảm phí giao dịch về 0% nhằm thu hút nhà đầu tư.

**DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG
CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2020**

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Kinh tế chịu tác động lớn từ đại dịch Covid-19, mục tiêu tăng trưởng GDP 6,8% trở nên thách thức.

Nền kinh tế trong nước đối mặt với nhiều khó khăn ngay trong những tháng đầu năm 2020 khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát từ Trung Quốc rồi lan mạnh sang Hàn Quốc, châu Âu, khiến Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) phải công bố tình trạng đại dịch toàn cầu. Kinh tế thế giới bị suy giảm trầm trọng, các hoạt động giao thương, xuất nhập khẩu hàng hóa, đi lại, du lịch chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh. Với độ mở lớn, kinh tế Việt Nam cũng chịu tác động tiêu cực từ dịch bệnh, hoạt động của các doanh nghiệp trong nước đình đốn, ngưng trệ, dự báo doanh thu và lợi nhuận giảm mạnh so với năm 2019.

Bên cạnh đó kinh tế thế giới và trong nước còn chịu ảnh hưởng bởi những căng thẳng chính trị trên thế giới, như cuộc chiến giá dầu giữa Nga và các nước OPEC, xu hướng bảo hộ của các quốc gia nhập khẩu... Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, các nước trên thế giới đã tung ra các gói hỗ trợ, kích

thích kinh tế, cắt giảm lãi suất. Chính phủ Việt Nam cũng sớm có các giải pháp như hoãn, giảm thuế, phí; giãn, cơ cấu lại nợ, giảm lãi suất, các gói hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn này.

Bên cạnh chính sách và các giải pháp hỗ trợ kịp thời từ Chính phủ, thị trường tiêu dùng trong nước với quy mô 100 triệu dân; nguồn lực đầu tư công mạnh mẽ; Việt Nam tham gia hàng loạt các hiệp định thương mại như FTA, CTPP nhằm thúc đẩy các hoạt động xuất khẩu, mở rộng thêm nhiều thị trường tiềm năng... được kỳ vọng sẽ là lực đỡ và tạo động lực duy trì tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Theo dự báo của chúng tôi, năm 2020, GDP sẽ tăng trong khoảng 6,0 – 6,6%, tốc độ tăng CPI bình quân tiếp tục được kiểm soát dưới 4%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 2-5%; tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm khoảng 30-34% GDP.



■ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2020

CÁC YẾU TỐ DỰ BÁO SẼ ĐÓNG VAI TRÒ CHI PHỐI CHÍNH ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG NĂM 2020

<p>Mức độ ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19</p>	<p>Đại dịch Covid-19 xuất phát và bùng nổ tại Trung Quốc, lan sang Hàn Quốc, bùng phát mạnh tại châu Âu và Trung Đông là tâm điểm chú ý của thị trường trong các tháng đầu năm bởi những ảnh hưởng nặng nề mà nó mang lại. IMF hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu xuống 0,1% trong khi Deutsche Bank đánh giá giảm 0,5% tốc độ tăng trưởng toàn cầu do dịch bệnh. Tăng trưởng kinh tế khu vực Đông Nam Á được dự báo chỉ đạt 4,2%, thấp hơn đáng kể so với mức 5% của các dự báo trước đây. Tăng trưởng kinh tế thế giới và khu vực, cũng như Việt Nam phụ thuộc vào việc dịch bệnh được khống chế sớm hay muộn. Ngay trong tháng 3, TTCK toàn cầu, trong đó thị trường chứng khoán Việt Nam không ngoại lệ, đã có những phiên chao đảo, tâm lý nhà đầu tư lo ngại dẫn đến bán tháo cổ phiếu, nhà đầu tư nước ngoài có chuỗi phiên bán ròng kéo dài. Chúng tôi dự báo, thị trường chứng khoán trong quý I sẽ chịu ảnh hưởng lớn bởi những diễn biến liên quan Covid – 19 và có thể giảm dần trong các quý tiếp theo khi dịch bệnh được kiểm soát.</p>
<p>Nâng hạng thị trường mới nổi.</p>	<p>TTCK Việt Nam sẽ có cơ hội để được nâng hạng lên nhóm mới nổi hạng 2 theo đánh giá của FTSE. Khi được nâng hạng, Việt Nam sẽ có cơ hội đón nhận dòng vốn ngoại, đặc biệt các quỹ có quy mô lớn được phân bổ theo bộ chỉ số thị trường mới nổi FTSE. Mặc dù vậy, chúng tôi đánh giá xác suất được nâng hạng trong tháng 9/2020 của Việt Nam là không cao.</p>
<p>Các biện pháp hỗ trợ nền kinh tế của Chính phủ.</p>	<p>Trước ảnh hưởng từ Covid – 19, Chính phủ đã bắt đầu đưa ra các giải pháp hỗ trợ nền kinh tế như hạ lãi suất, cơ cấu lại thời gian trả nợ và tạm thời giữ nguyên nhóm nợ đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Covid – 19, hoãn, giãn, giảm thuế phí... Bên cạnh đó việc đánh giá lại GDP năm 2020 cũng giúp chính phủ có nhiều dư địa hơn trong việc đẩy mạnh phát triển đầu tư công. Việc triển khai và thực hiện các biện pháp nhằm hỗ trợ nền kinh tế sẽ có ảnh hưởng lớn tới biến động thị trường.</p>
<p>Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và cuộc bầu cử tổng thống Mỹ.</p>	<p>Covid – 19 dự báo sẽ được kiểm soát trong Quý II/2020 và mức độ ảnh hưởng đến thị trường sẽ giảm dần, do đó sự chú ý của thị trường sẽ chuyển sang cuộc bầu cử tổng thống Mỹ trong tháng 9 cũng như trở lại với diễn biến của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung vào cuối năm 2020.</p>

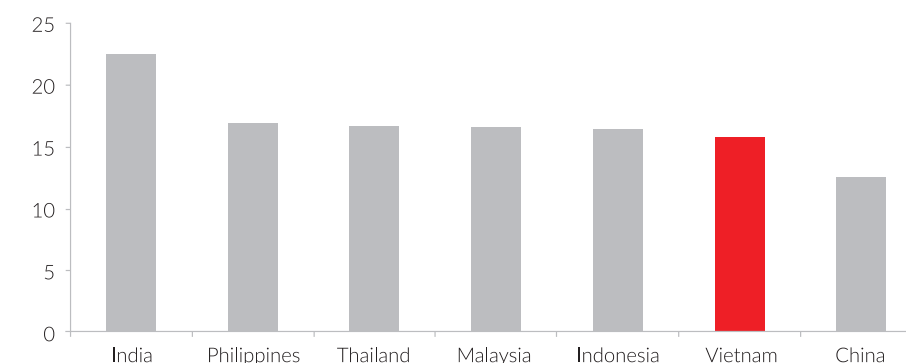
DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG NĂM 2020

TVSI cho rằng, VN-Index sẽ biến động trong khoảng 600 – 1.050 điểm, dựa trên các cơ sở chính như sau:

- (1) Kinh tế Việt Nam giảm đà tăng trưởng do các tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19, cuộc chiến giá dầu...
- (2) Các biện pháp hỗ trợ nền kinh tế sẽ được Chính phủ sớm triển khai.
- (3) Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung sẽ tiếp tục hạ nhiệt với việc dần hướng tới thỏa thuận giai đoạn 2 vào cuối năm 2020.

Mức dao động này của VN-Index cũng tương đương chỉ số P/E chung đạt 12x – 17x. So với chỉ số P/E của một số thị trường khác cũng như mối tương quan với tốc độ tăng trưởng của các doanh nghiệp, TTCK Việt Nam hiện đã ở mức thấp trong năm 2020.

P/E CỦA MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG KHU VỰC (LẦN)



Nguồn: Bloomberg, TVSI tổng hợp



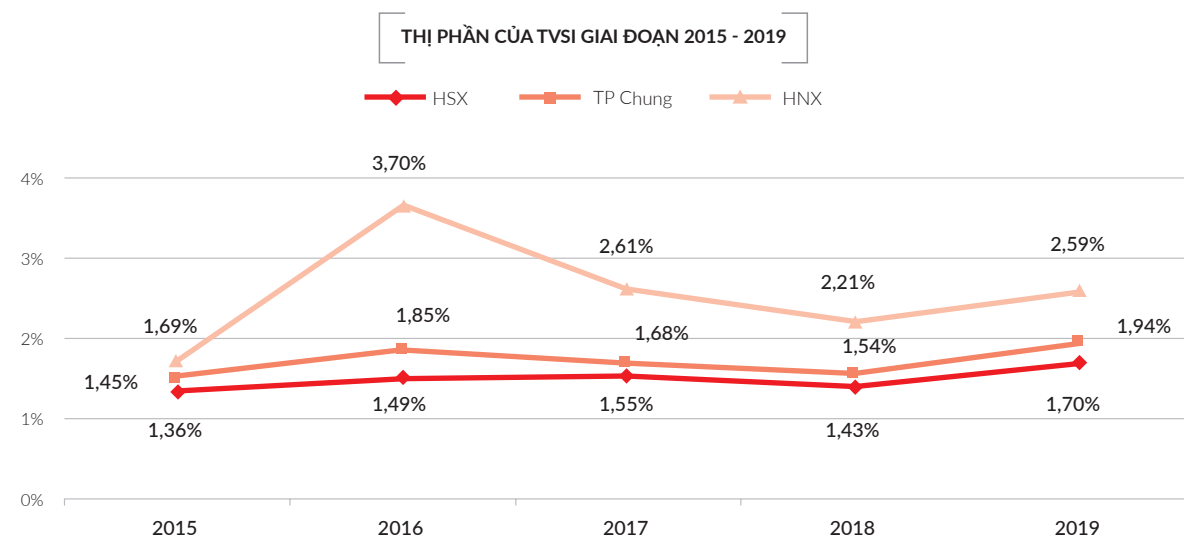
TVSI SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Năm 2019 tiếp tục đánh dấu một năm thành công của TVSI với nhiều kết quả ấn tượng, cho thấy nỗ lực vượt bậc của toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên, được dẫn dắt bởi tầm nhìn dài hạn và các chính sách linh hoạt đã tận dụng tốt các cơ hội trên thị trường. Kể từ khi thành lập nói chung, cũng như nhiệm kỳ 5 năm hoạt động 2015-2019 vừa qua của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành., TVSI luôn nhất quán với chiến lược hoạt động và phát triển bền vững, đầu tư lớn cho các nền tảng cơ bản của công ty chứng khoán như nguồn nhân lực, công nghệ, năng lực tài chính. Bên cạnh đó, quan điểm đề cao lợi ích của tất cả các bên liên quan, chú trọng đến tính hiệu quả, đã giúp Công ty tạo lập và duy trì được vị trí vững chắc trong các công ty chứng khoán đang hoạt động trên thị trường. Có thể kể đến một số dấu ấn của TVSI

Thị phần gia tăng trong bối cảnh cạnh tranh cao

Từ 15/2/2019, Thông tư số 128/2018 của Bộ Tài Chính được áp dụng đã thúc đẩy làn sóng giảm phí giao dịch ở nhiều công ty chứng khoán. Điều này làm gia tăng đáng kể mức độ cạnh tranh trong ngành, những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với lợi thế chi phí vốn rẻ đã nhanh chóng giành được thị phần.

Trong bối cảnh đó, với chiến lược đa dạng phân khúc khách hàng, và chính sách sản phẩm dịch vụ linh hoạt, nhiều tiện ích, TVSI tiếp tục gia tăng thị phần. Năm 2019, TVSI có thị phần 1,7% trên HSX, 2,59% trên HNX, thị phần chung đạt 1,94%, lần lượt tăng 0,27%; 0,38% và 0,4% so với năm 2018. Đặc biệt, trong quý 3/2019, TVSI đã dẫn đầu thị phần UPcom với 10,57%.

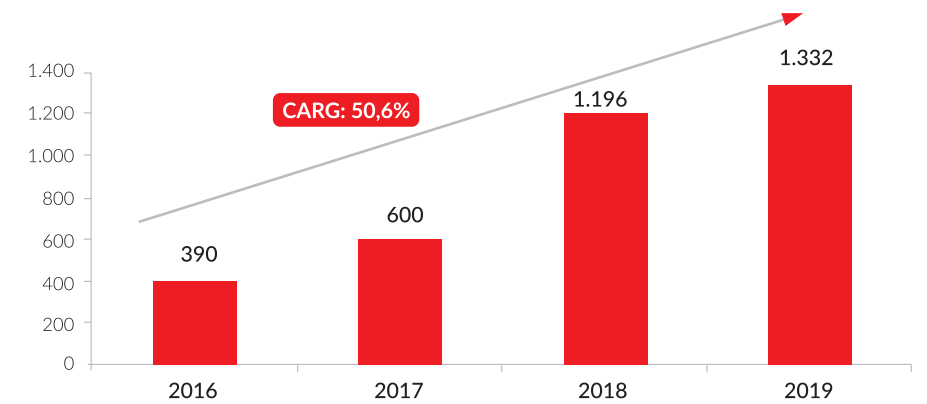


Nguồn: HNX, HSX

Quy mô vốn chủ sở hữu tăng mạnh trong 3 năm gần đây.

Tính đến cuối năm 2019, vốn chủ sở hữu của TVSI đạt 1.332 tỷ đồng, tăng 3,4 lần so với cuối năm 2016. Quy mô của công ty theo đó cũng tăng 9 bậc lên vị trí số 19 trên tổng số 86 CTCK đang hoạt động cho thấy sự mở rộng mạnh mẽ của TVSI.

QUY MÔ VCSH CỦA TVSI (TỶ ĐỒNG)



Nguồn: TVSI tổng hợp

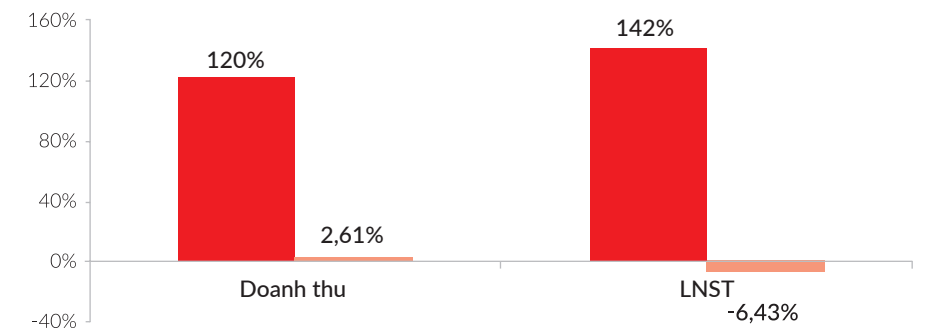
TVSI trong Top 10 CTCK có doanh thu lớn nhất thị trường.

Giá trị giao dịch cổ phiếu bình quân năm 2019 đạt 4.619 tỷ đồng/phiên, giảm 28,9% so với năm 2018 đã tác động mạnh tới hoạt động kinh doanh của các CTCK. Doanh thu toàn ngành mặc dù vẫn ghi nhận tăng trưởng 2,62% nhưng lợi nhuận sau thuế lại suy giảm 6,43%. Trong đó chỉ có 34% CTCK ghi nhận tăng trưởng cả doanh thu và lợi nhuận.

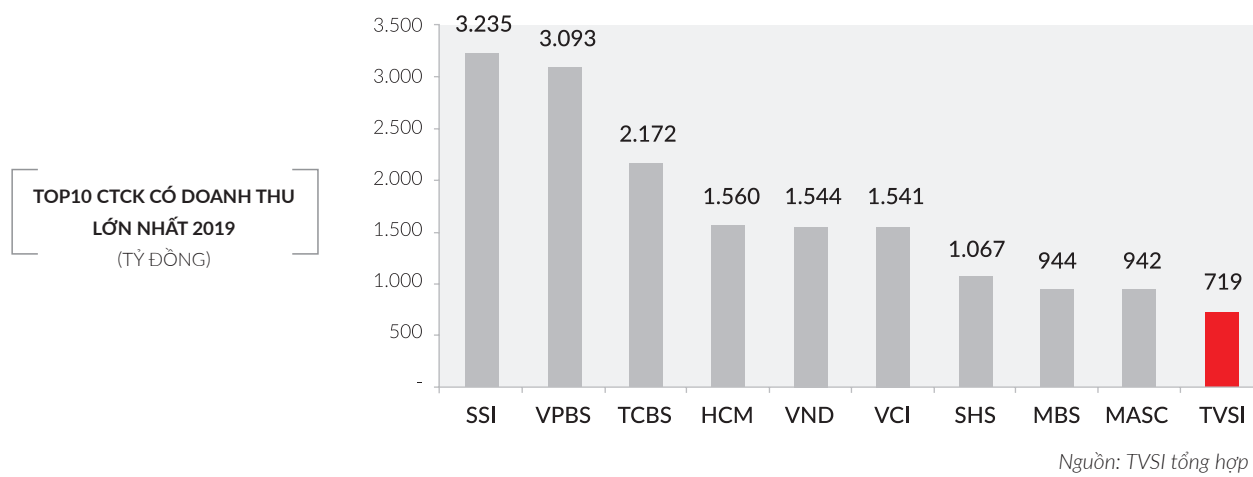
Riêng đối với TVSI, các hoạt động kinh doanh tiếp tục tăng trưởng, cả về doanh thu và lợi nhuận, đặc biệt Công ty nằm trong Top 10 CTCK có tốc độ tăng cao nhất năm 2019, lần lượt đạt 122% và 141%.

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU VÀ LNST CỦA TVSI SO VỚI NGÀNH

■ TVSI ■ Tổng các CTCK

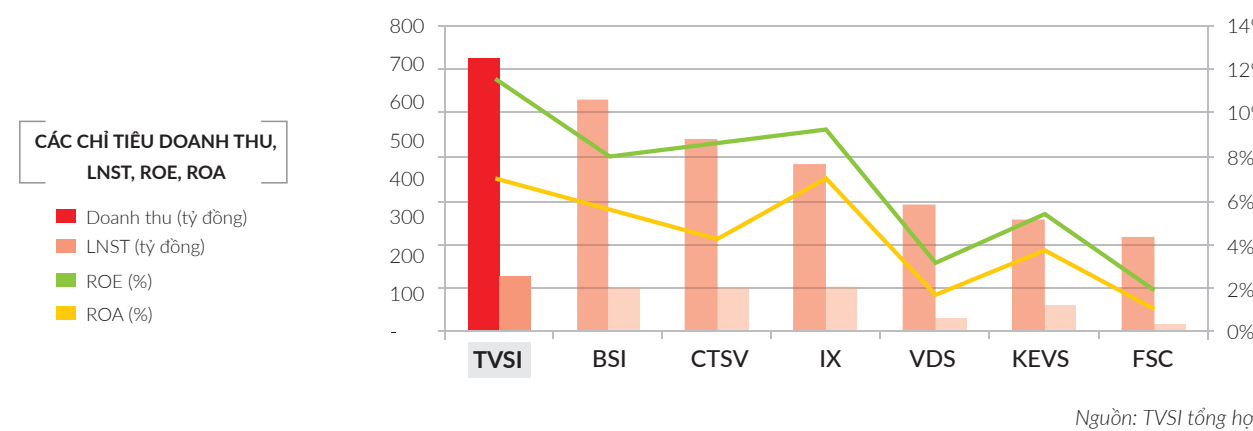


Nguồn: TVSI tổng hợp



Hiệu quả hoạt động vượt trội khi so sánh với các CTCK cùng quy mô

Hoạt động hiệu quả của TVSI thể hiện rõ nét hơn khi so sánh với các doanh nghiệp có cùng quy mô. Xét về vốn chủ sở hữu và tổng tài sản, TVSI đứng thứ 3 và 4, tuy nhiên các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, ROE, ROA của TVSI đều ở vị trí dẫn đầu cho thấy hiệu quả hoạt động vượt trội của công ty trong việc sử dụng và phân bổ nguồn vốn.



“Hành trình phát triển của TVSI luôn được dẫn dắt bằng tầm nhìn dài hạn, có sự linh hoạt nhằm đảm bảo sử dụng an toàn, hiệu quả nguồn vốn. Nguyên tắc đồng lợi và ưu tiên hiệu quả hoạt động doanh nghiệp hơn là chạy theo những mục tiêu hào nhoáng, mang tính ngắn hạn đã giúp TVSI phát triển vững mạnh, tạo lập được các nền tảng bền vững cho chặng đường dài.”

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TVSI

- 01 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TVSI
- 02 Kết quả hoạt động kinh doanh
- 03 Tài sản - Nguồn vốn
- 04 Các chỉ số tài chính
- 05 CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- 06 Môi giới
- 07 Dịch vụ Tài chính
- 08 Dịch vụ ngân hàng đầu tư
- 09 Đầu tư và Kinh doanh nguồn vốn

03





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TVSI

1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019, TVSI tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng với doanh thu và thu nhập khác đạt 719,833 tỷ đồng, tăng 120% so với năm 2018, hoàn thành 199% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 146,2 tỷ đồng, vượt 51% kế hoạch, tăng 142% so với cùng kỳ. Lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 141,256 tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ 2018, vượt 145% kế hoạch.

Bảng: Kết quả kinh doanh thực hiện so với kế hoạch năm 2019

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Kế hoạch 2019	%TH/KH	%+/- 2019/2018
Doanh thu	719.833	327.605	360.839	199%	120%
1. Môi giới	121.801	111.838	129.780	94%	9%
2. Dịch vụ tài chính	173.133	143.099	162.095	107%	21%
3. Tự doanh	213.919	44.664	52.000	411%	379%
4. Tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán	41.252	11.579	8.000	516%	256%
5. Tiền gửi	15.634	10.425	6.500	241%	50%
6. Doanh thu lưu ký CK	53.896	5.260	2.165	2489%	925%
7. Khác	100.198	742	300	33.399%	13.413%
Chi phí	537.197	252.448	239.630	224%	113%
Lợi nhuận trước thuế	182.636	75.158	121.209	151%	143%
Lợi nhuận sau thuế	146.238	60.368	97.167	151%	142%

(Nguồn: Báo cáo tài chính TVSI đã kiểm toán)

Hoạt động môi giới ghi nhận doanh thu 121,8 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ, đạt 94% so với kế hoạch. Doanh thu hoạt động môi giới chiếm 17% trong tổng doanh thu, giảm tỷ trọng so với con số 34% năm 2018 do sự tăng trưởng các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động dịch vụ tài chính với các gói sản phẩm đa dạng, linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, đã có sự tăng trưởng vượt trội với doanh thu đạt 173,1 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ, hoàn thành 107% kế hoạch. Dư nợ hoạt động cho vay tại thời điểm cuối năm 2019 đạt 1.234 tỷ đồng, tăng 209 tỷ đồng so với năm 2018. Màng hoạt động này chiếm 24% tổng doanh thu.

Hoạt động tự doanh có bước tăng trưởng ấn tượng đạt 213 tỷ đồng doanh thu, tăng 379% so với cùng kỳ, đạt

411% kế hoạch năm.

Hoạt động ngân hàng đầu tư chiếm tỷ trọng 6% trên tổng doanh thu, ghi nhận mức tăng trưởng tốt, đạt 41,3 tỷ đồng, tăng 256% so với cùng kỳ, hoàn thành 516% kế hoạch. Khối ngân hàng đầu tư đã thực hiện thành công nhiều giao dịch liên quan đến phát hành trái phiếu doanh nghiệp ở quy mô và giá trị lớn, góp phần nâng cao uy tín, khẳng định chất lượng dịch vụ của công ty trên thị trường.

Cùng với sự phát triển của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, doanh thu lưu ký chứng khoán ghi dấu ấn với tỷ lệ tăng trưởng 925%, bằng 2.489% kế hoạch. Nguồn lợi chủ yếu đến từ doanh thu lưu ký trái phiếu chiếm 94% tổng doanh thu lưu ký, năm 2018, TVSI chưa phát sinh doanh thu nghiệp vụ kinh doanh này.

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DOANH THU 2018 -2019

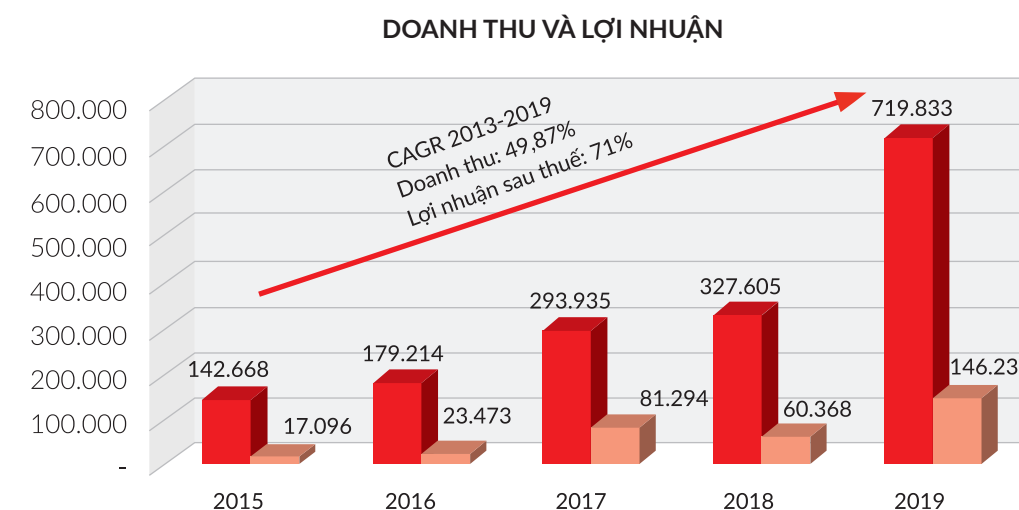


Như vậy, hoạt động dịch vụ tài chính, môi giới chứng khoán và tự doanh là những hoạt động kinh doanh chủ đạo, mang lại doanh thu chính cho công ty trong năm tài khóa 2019, đóng góp 71% tổng doanh thu.

Lũy kế trong giai đoạn 2015-2019, tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm của TVSI đạt 49,9%, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận đạt 71%. Doanh thu năm 2019 tăng 5 lần, lợi nhuận sau thuế tăng 8,6 lần so với năm 2015.

BIỂU ĐỒ: TĂNG TRƯỞNG DOANH THU - LỢI NHUẬN 2015-2019 (TRIỆU ĐỒNG)

Doanh thu Lợi nhuận sau thuế



(Nguồn: BCTC TVSI đã kiểm toán các năm. Số liệu được trình bày lại phù hợp chế độ kế toán mới)

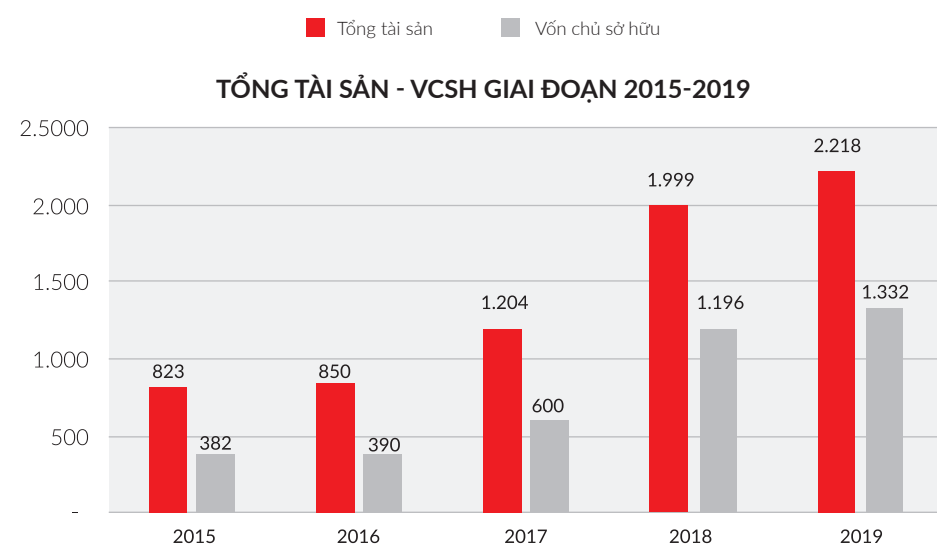
2. TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu tài sản - nguồn vốn 2015-2019

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Tài sản ngắn hạn	806.130	830.001	1.180.748	1.972.671	2.178.937
Tài sản dài hạn	16.696	19.850	23.088	26.648	38.727
Tổng tài sản	822.826	849.850	1.203.835	1.999.319	22.217.664
Nợ phải trả	440.799	460.061	603.772	802.882	885.269
Nợ ngắn hạn	25.322	273.986	239.882	225.882	560.264
Nợ dài hạn	415.477	186.075	363.890	577.000	325.005
Vốn chủ sở hữu	382.026	389.790	600.063	1.196.437	1.332.395
Tổng nguồn vốn	822.826	849.850	1.203.835	1.999.319	2.217.664

BIỂU ĐỒ: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TỔNG TÀI SẢN - VỐN CHỦ SỞ HỮU 2015 ĐẾN 2019
(TỶ ĐỒNG)



(Nguồn: BCTC TVSI đã kiểm toán các năm.
Số liệu được trình bày lại phù hợp chế độ kế toán mới)

Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu của TVSI tăng trưởng dần đều qua các năm. Kết quả kinh doanh tốt cũng góp phần làm tăng nguồn vốn sử dụng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Bên cạnh việc tăng vốn chủ sở hữu, công ty đã phát hành thành công 01 đợt trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị 70 tỷ đồng, nâng tổng số vốn huy động qua phát hành trái phiếu đạt 610 tỷ đồng. Bên cạnh đó, vốn vay ngân hàng cũng là nguồn huy động đáng kể trong năm 2019 với tổng dư nợ bình quân khoảng 91 tỷ đồng. Qua đó, nâng tổng nguồn vốn của TVSI tại thời điểm 31/12/2019 đạt 2.218 tỷ đồng, tăng 11% so với đầu năm. Nguồn vốn

tăng thêm được đầu tư chủ yếu vào các khoản cho vay, đầu tư tự doanh và tiền gửi.

TVSI có cơ cấu nguồn vốn giữ ở mức an toàn, ổn định, tỷ trọng vốn chủ sở hữu cao hơn tỷ trọng nợ, tỷ trọng đầu tư tài sản bằng vốn chủ sở hữu ở mức 60% tại thời điểm kết thúc năm 2019 (tương tự cơ cấu nguồn vốn cuối năm 2018). Trong cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn (trên 98%), tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, khoản mục cho vay vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, sau đó đến đầu tư tự doanh.

3. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Phân tích các chỉ số tài chính 2015-2019

Chỉ số thanh toán	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Chỉ số tiền mặt	3,81	0,49	0,37	1,39	0,70
Chỉ số thanh toán nhanh	31,70	3,02	4,92	8,71	3,89
Chỉ số thanh toán hiện hành	31,83	3,03	4,92	8,72	3,89
Các chỉ số nợ					
Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản	0,54	0,54	0,5	0,40	0,40
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	1,15	1,18	1,01	0,67	0,66
Hệ số an toàn tài chính	266,95	306,46	706,12	592,00	520,87
Cơ cấu tài sản					
TSNH/ Tổng tài sản	97,97%	97,66%	98,08%	98,67%	98,25%
TSDH/ Tổng tài sản	2,03%	2,34%	1,92%	1,33%	1,75%
Tỷ suất sinh lợi					
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,18	0,21	0,29	0,20	0,34
Hệ số LN sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA)	0,04	0,06	0,16	0,07	0,12
Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROAA)	0,02	0,03	0,08	0,04	0,07

Các chỉ số phản ánh khả năng thanh toán và nợ đều ở mức ổn định và an toàn. Khả năng thanh toán tốt giúp TVSI đáp ứng yêu cầu thanh khoản và chủ động trước những rủi ro bất thường.

Đặc biệt, các chỉ số nợ ghi nhận mức thấp nhất trong giai đoạn 2015-2019 (năm 2018 và 2019 không có nhiều thay đổi) chỉ số nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu lần lượt là 0,4 và 0,66. Công ty sử dụng ít nợ hơn trong hoạt

động kinh doanh giúp gia tăng tính tự chủ tài chính, giảm gánh nặng lãi suất.

Cơ cấu tài sản của TVSI không có sự biến động lớn giữa các năm, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ. Tỷ suất sinh lợi tăng so với cùng kỳ năm 2018 với mức tăng từ khoảng 66% đến 84% cho thấy hiệu quả kinh doanh của TVSI rất tốt.



CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

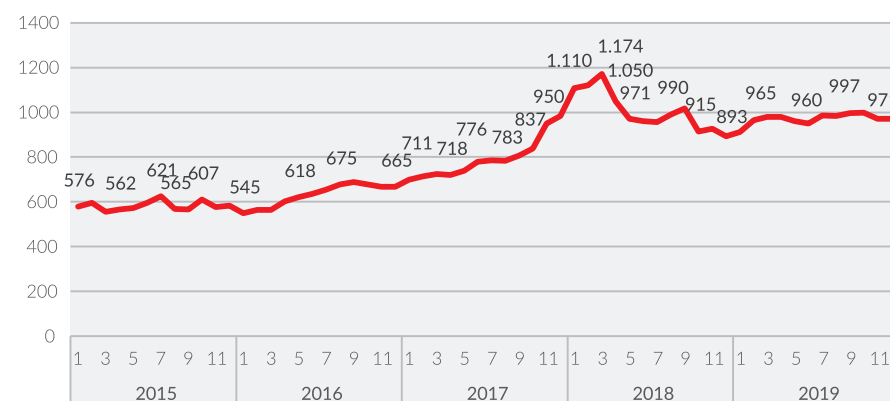
HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

Doanh thu môi giới đạt
121,8
tỷ VNĐ
Tăng **10** tỷ VNĐ

Năm 2019, TVSI đánh dấu năm thứ 11 liên tiếp hoạt động kinh doanh có lãi. Với tâm thế “Bền lực – Vững tâm” TVSI không chỉ tổ chức hoạt động kinh doanh hướng tới tính bền vững mà còn nâng cao năng lực nội tại, đề cao sự đổi mới của từng cá nhân trong tổ chức. Để phục vụ khách hàng một cách tốt nhất, bên cạnh sửa sang, nâng cấp cơ sở giao dịch, đảm bảo hình ảnh TVSI chuyên nghiệp và tạo điều kiện giao dịch thuận tiện cho nhà đầu tư, TVSI tập trung đầu tư vào chất lượng nhân viên môi giới.

Năm 2019, TVSI đã tuyển mới 37 nhân viên môi giới, bổ sung vào đội ngũ những cá nhân ưu tú, chú trọng tới yếu tố đạo đức, chuyên môn, đam mê và khát khao trong công việc. Nhờ vậy, Khối Môi giới TVSI tiếp tục ghi nhận những kết quả kinh doanh ấn tượng.

VN - INDEX 2015 - 2019

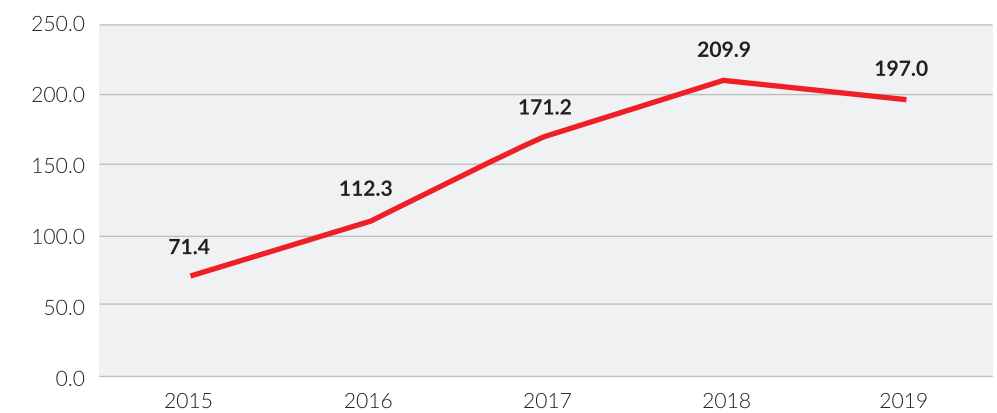


1. THỊ PHẦN GIA TĂNG TRONG BỐI CẢNH CẠNH TRANH CAO

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có thời điểm diễn biến tích cực về điểm số và có những thời điểm là một trong các thị trường có mức tăng trưởng tốt nhất châu Á. Tuy nhiên diễn biến trong hai tháng cuối năm không mấy khả quan, khi thanh khoản giảm mạnh cùng với động thái bán ròng của khối ngoại khiến tâm lý nhà đầu tư trở nên tiêu cực hơn.

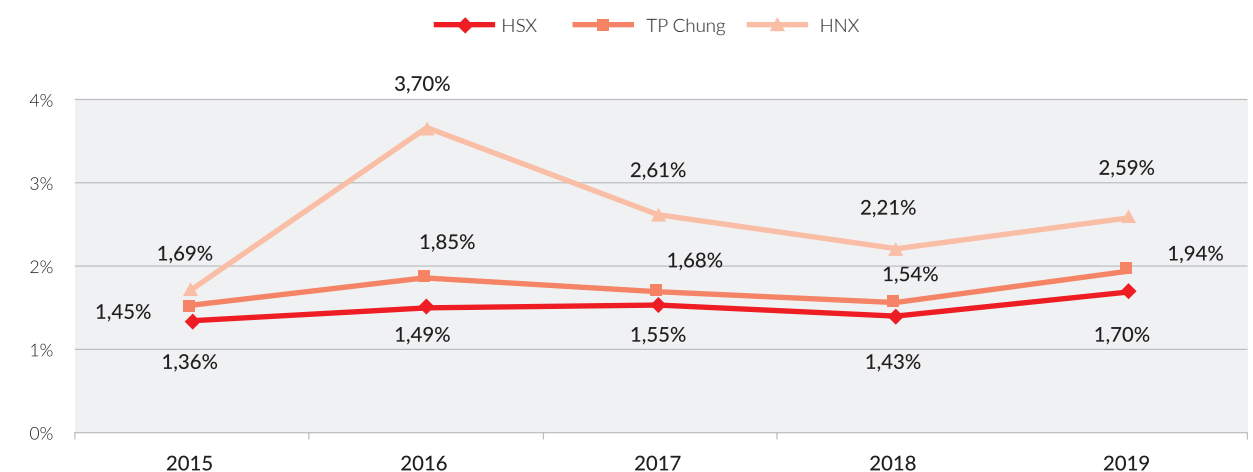
Quy mô giao dịch bình quân trên thị trường chỉ đạt 4.651 tỷ đồng/phiên, giảm 29% so với bình quân năm 2018. Theo xu hướng này, giá trị giao dịch trung bình phiên của TVSI năm 2019 đạt 197 tỷ đồng, giảm 6,1% so với 2018, thấp hơn mức giảm chung của thị trường.

GTGD TRUNG BÌNH PHIÊN TVSI (TỶ ĐỒNG)



Xoay chuyển nghịch cảnh từ những biến động mạnh trên thị trường cùng với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các công ty chứng khoán, TVSI đã gia tăng được thị phần của mình nhờ theo đuổi chiến lược đa dạng phân khúc khách hàng khác nhau. Năm 2019, Công ty đạt thị phần 1,7% trên HSX, 2,59% trên HNX và thị phần chung là 1,94%; lần lượt tăng 0,27%, 0,38% và 0,4% so với năm 2018. Đặc biệt, trong Quý 3, TVSI đã dẫn đầu thị phần UPcom với 10,57%. Kết thúc năm, doanh thu toàn hệ thống Môi giới TVSI đạt 121,8 tỷ đồng.

THỊ PHẦN CỦA TVSI GIAI ĐOẠN 2015 - 2019



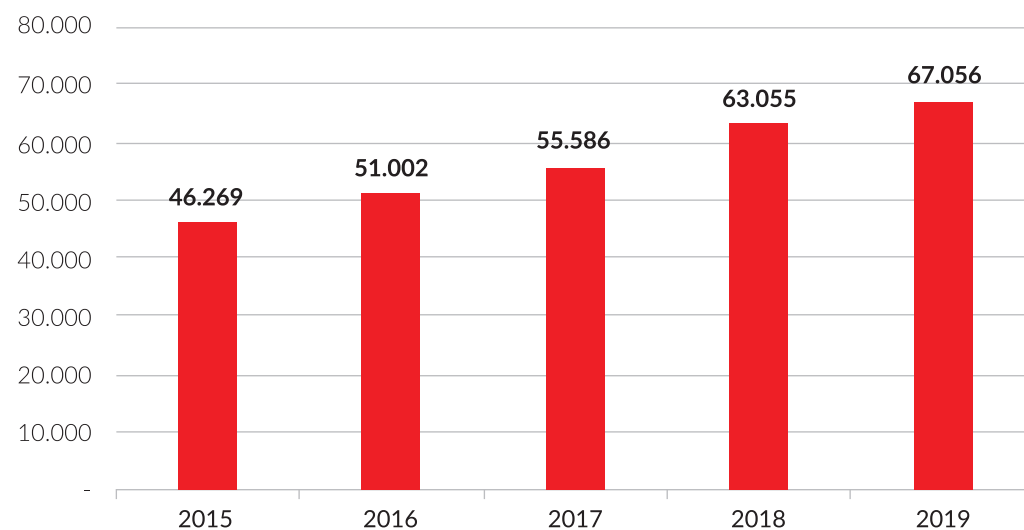
Nguồn: HNX, HSX

2. TĂNG TRƯỞNG SỐ LƯỢNG TÀI KHOẢN MỞ MỚI VÀ HOẠT ĐỘNG TRÊN TOÀN HỆ THỐNG

Tính đến cuối năm 2019 tổng số tài khoản nhà đầu tư tại TVSI là 67.089 tài khoản, tăng 7,44% so với năm 2018. Trong đó, số lượng tài khoản mở mới trong năm 2019 đạt 4.249 tài khoản, số lượng tài khoản active/mở mới chiếm 77,4% (tương ứng 3.287 tài khoản).

Với mục tiêu mang lại cho khách hàng, nhà đầu tư (NĐT) những sản phẩm dịch vụ tiên tiến, sinh lời tốt nhất, TVSI không ngừng đổi mới, thiết kế các gói dịch vụ phù hợp với từng phân khúc khác nhau, đảm bảo tính nhanh chóng, thuận lợi trong giao dịch và bảo mật thông tin, từ đó tạo ra sự gắn kết bền vững với các tài khoản hiện hữu và thu hút thêm nhiều nhà đầu tư mới đến với Công ty.

SỐ LƯỢNG TÀI KHOẢN TVSI GIAI ĐOẠN 2015 - 2019



Trong năm, Công ty đã chính thức ra mắt sản phẩm Chứng khoán Phái sinh trên nền tảng hệ thống giao dịch hợp tác với đối tác Thái Lan với 13 năm kinh nghiệm vận hành chứng khoán phái sinh tại thị trường nước bạn.

Trong chuỗi nỗ lực tạo ra nhiều tiện ích cho các nhà đầu tư, TVSI đã hợp tác cùng Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) cung cấp Dịch vụ hỗ trợ các khách hàng TVSI rút tiền tại các chi nhánh, phòng giao dịch của SCB.

3. TÁI CẤU TRÚC MẠNG LƯỚI KINH DOANH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Từ đầu năm 2020, bản đồ các đơn vị kinh doanh môi giới của TVSI sẽ được nâng cấp với việc tổ chức lại hệ thống chi nhánh, quy hoạch thành vùng kinh doanh tại các thành phố lớn. Hoạt động này nằm trong chiến lược kinh doanh của TVSI, nhằm thích ứng trước bối cảnh cạnh tranh và yêu cầu ngày càng cao của thị trường.



Hệ thống các đơn vị kinh doanh của Khối Môi giới TVSI hiện nay gồm 1 hội sở chính, 6 chi nhánh tại Hà Nội và chi nhánh tại Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, TP.HCM. Theo quy hoạch mới, cùng với các chi nhánh Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, TP.HCM, tại Hà Nội, TVSI sẽ quy hoạch thành 3 khu vực kinh doanh tập trung có độ phủ rộng khắp địa bàn Hà Nội. Mỗi khu vực kinh doanh của TVSI được đầu tư bài bản, cung cấp đầy đủ các sản phẩm dịch vụ tới khách hàng. Mô hình mới này sẽ giúp TVSI quản lý tập trung, thống nhất chất lượng dịch vụ, gia tăng năng lực và quy mô phục vụ khách hàng.

Khách hàng luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động của Công ty, gia tăng giá trị tài sản ròng của khách hàng cũng là mục tiêu lớn nhất của TVSI, do đó năm 2020, Khối Môi giới luôn bám sát các diễn biến trên thị trường tài chính để chủ động nghiên cứu, nỗ lực cải thiện chất lượng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới: áp dụng cơ chế chăm sóc khách hàng linh hoạt, năng động nhằm mang lại các giá trị gia tăng cho khách hàng, tăng năng lực cạnh tranh cũng như đóng góp vào doanh thu/lợi nhuận của Công ty;

Chúng tôi sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, quản trị con người, đề cao tính tuân thủ để đạt được mục tiêu phát triển bền vững thay vì lợi ích trong ngắn hạn. Xây dựng các chính sách phù hợp nhằm giữ và thu hút người tài, xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng và có đạo đức kinh doanh... Nhân sự được đánh giá toàn diện, đa chiều, tiếp tục tái cơ cấu nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của môi trường hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ mới trên thị trường và nhu cầu đa dạng của khách hàng.

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

1. HIỆU QUẢ KINH DOANH

Năm 2019, tốc độ tăng trưởng dư nợ của TVSI đạt 10,48%, tốc độ tăng trưởng doanh thu cho vay đạt 12,39%. Mức tăng trưởng này thấp nhất trong giai đoạn 2015-2019, nguyên nhân là do nguồn vốn tài trợ cho hoạt động margin bị giới hạn và sự tham gia của các công ty chứng khoán ngoại được tài trợ nguồn vốn giá rẻ.

Trong 3 năm gần nhất, dư nợ và doanh thu liên tục tăng trưởng ở mức tương đồng nhau, hiệu quả cho vay margin được đảm bảo ở mức ổn định, trong bối cảnh cạnh tranh về lãi cho vay, phí rẻ như hiện nay, đây là sự cố gắng lớn của TVSI. Dữ liệu ở bảng dưới cho thấy tốc độ tăng trưởng dư nợ và doanh thu đang tiếp tục giảm dần, từ mức cao nhất, trên 50% của những năm 2011-2014, giảm còn mức từ 20-40% trong những năm gần đây. Điều này phù hợp với thực tế cạnh tranh khốc liệt khi có nhiều công ty chứng khoán nước ngoài tham gia vào mảng kinh doanh này, với giá vốn rẻ hơn.

Điểm sáng trong mảng Dịch vụ tài chính là hoạt động cho vay ký quỹ không phát sinh nợ xấu do TVSI quyết liệt thực hiện chiến lược cho vay ký quỹ thận trọng và thường xuyên tăng cường hoạt động thẩm định các mã chứng khoán trong danh mục cho vay.

Doanh thu
dịch vụ tài chính đạt
173,1
tỷ VNĐ
Tăng trưởng **21%**

BIẾN ĐỘNG DOANH THU VÀ DƯ NỢ QUA CÁC NĂM

Năm	Dư nợ DVTC (Tỷ đồng)	Doanh thu DVTC (Tỷ đồng)	% Tăng trưởng Dư nợ DVTC	% Tăng trưởng Doanh thu DVTC
2015	415	72,9	19,7%	45,9%
2016	591	78,0	42,4%	7,1%
2017	770	107,3	30,1%	37,6%
2018	1.025	143,1	33,1%	33,3%
2019	1.234	173,1	20,4%	21,0%

2. ĐỊNH HƯỚNG DỊCH VỤ TRONG NĂM 2020

- Xây dựng hệ thống sản phẩm đa dạng, linh hoạt với thị trường, đáp ứng kịp với sự thay đổi về chính sách của cơ quan quản lý;
- Cải thiện chất lượng dịch vụ, đảm bảo quản trị rủi ro và hiệu quả đầu tư cho khách hàng
- Mở rộng khai thác, nâng cao chất lượng nhân sự

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

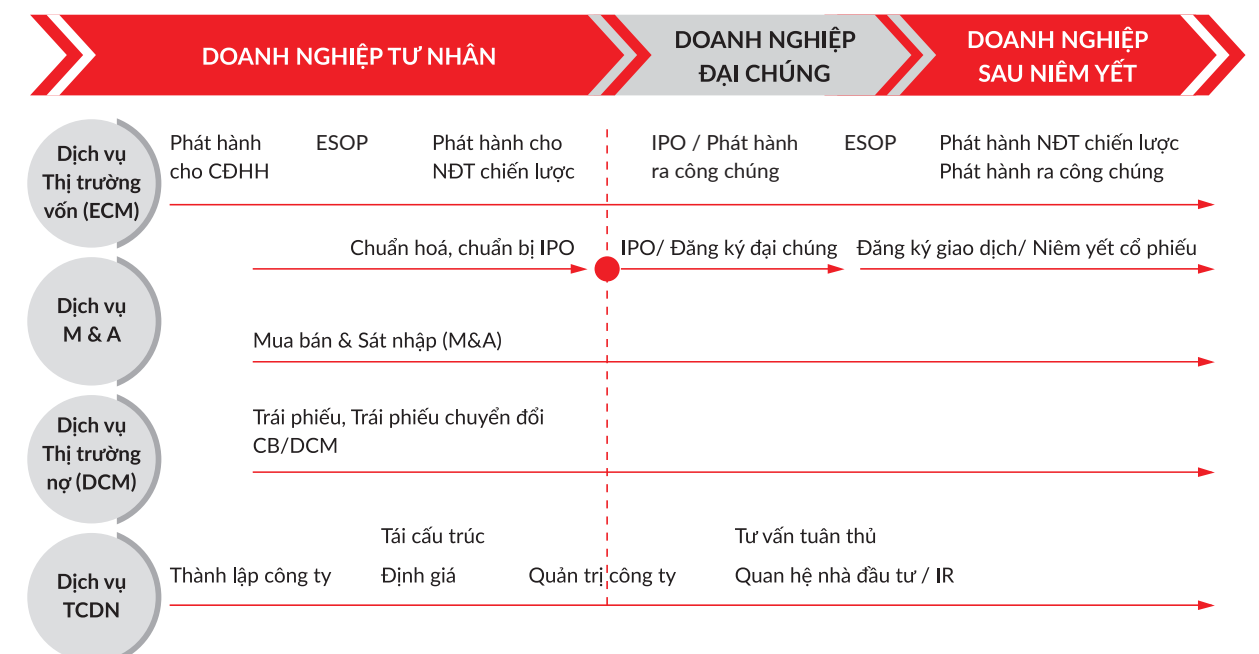
TVSI xác định Dịch vụ Ngân hàng đầu tư là một trong những trụ cột quan trọng trong mối quan hệ tương hỗ với Khối Môi giới, Khối Nghiệp vụ, Hỗ trợ (Nghiên cứu & Tư vấn đầu tư, Dịch vụ Tài chính, Đầu tư Tự doanh). Khối Ngân hàng đầu tư cung cấp các dịch vụ tư vấn trọn gói, gắn liền với các hoạt động của doanh nghiệp, từ lúc thành lập đến niêm yết và sau niêm yết. Hoạt động Dịch vụ Ngân hàng đầu tư ghi nhận những kỷ lục mới trong năm 2019 khi doanh thu tăng trưởng 256% so với năm 2018, đạt 41,3 tỷ đồng.

Doanh thu đạt
41,3
tỷ VNĐ
Tăng gấp **3,6** lần



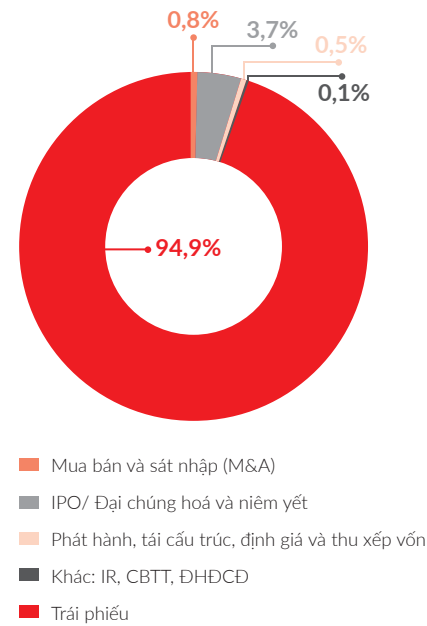
Dịch vụ Ngân hàng đầu tư được chia thành 4 sản phẩm chính như sau:

- ▶ Dịch vụ thị trường vốn (ECM)
- ▶ Dịch vụ M&A
- ▶ Dịch vụ thị trường nợ (DCM)
- ▶ Dịch vụ Tài chính Doanh nghiệp



DỊCH VỤ THỊ TRƯỜNG NỢ
ĐIỂM SÁNG ẮN TƯỢNG NĂM 2019

Trong năm 2019, TVSI tập trung đẩy mạnh mảng tư vấn Dịch vụ thị trường nợ (Trái phiếu) theo xu hướng của thị trường và kết hợp nguồn lực của Công ty. Dịch vụ thị trường nợ là hoạt động đem lại hiệu quả chung của Khối IB và là bệ đỡ để xây dựng nguồn lực cho 02 hoạt động cốt lõi là tư vấn thị trường vốn (Phát hành, IPO, niêm yết) và M&A. Dịch vụ thị trường vốn và Dịch vụ Tài chính doanh nghiệp vốn là điểm mạnh của TVSI với đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm, có năng lực trong lĩnh vực tư vấn, đã tạo dựng được uy tín và thương hiệu nhà tư vấn chất lượng cho TVSI trong nhiều năm qua.



KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU CỦA TVSI TRONG NĂM 2019:

MUA BÁN SÁT NHẬP M&A



IPO/ ĐẠI CHỨNG HOÁ/ NIÊM YẾT/ PHÁT HÀNH



TƯ VẤN DOANH NGHIỆP



TƯ VẤN & ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU



ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020, dịch vụ Ngân hàng Đầu tư sẽ có nhiều khó khăn và thử thách, song TVSI định hướng tiếp tục cung cấp dịch vụ đa dạng, chuyên nghiệp, hướng đến mục tiêu trong vòng 5 năm tới, TVSI nằm trong TOP10 về doanh thu dịch vụ ngân hàng đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Để thực hiện được mục tiêu trên, khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư sẽ tăng cường khai thác và cung cấp dịch vụ truyền thống, mở rộng tìm kiếm khách hàng mới; Kết hợp chặt chẽ với các đối tác chiến lược toàn diện là Ngân

hàng SCB và Bảo hiểm Bảo Long để tìm kiếm, phát triển khách hàng và cung cấp các giải pháp tài chính trọn gói, bán chéo sản phẩm. TVSI đang nỗ lực phát triển mạng lưới, hợp tác với các tổ chức lớn trong và ngoài nước, triển khai các dịch vụ thu xếp vốn, M&A; Nghiên cứu và triển khai chuỗi sản phẩm phù hợp với nhu cầu và khẩu vị khách hàng; Kết nối các dòng vốn để thúc đẩy hoạt động kinh tế và hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển.

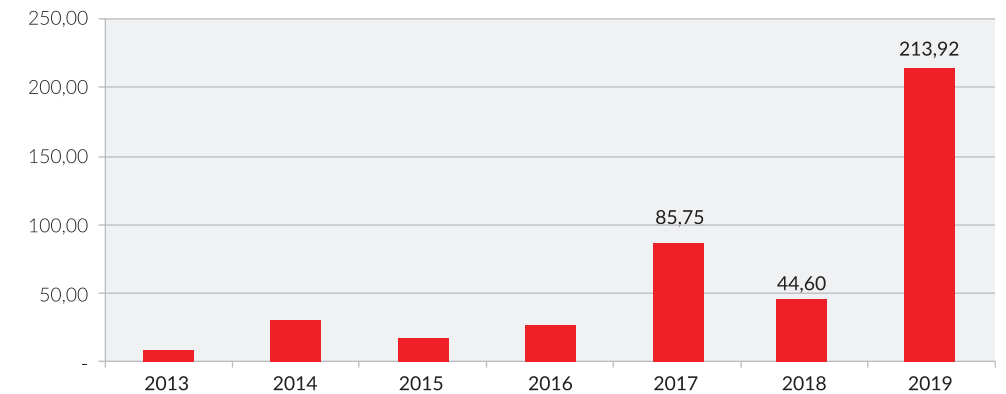
ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH NGUỒN VỐN

Doanh thu tự doanh
213,9
tỷ VNĐ
Tăng trưởng **380%**

Với tiêu chí đảm bảo an toàn vốn, hiệu quả hợp lý, trong nhiều năm qua, TVSI luôn tuân thủ chiến lược đầu tư giá trị thận trọng. Trong hoạt động đầu tư cổ phiếu, những doanh nghiệp mà TVSI tham gia đầu tư được “sàng lọc” từ các công ty đầu ngành, có lợi thế cạnh tranh tốt, hiệu quả hoạt động kinh doanh cao, tài chính lành mạnh, được quản trị một cách minh bạch. Ngoài ra, TVSI còn đầu tư vào các loại chứng khoán khác như trái phiếu doanh nghiệp, giấy tờ có giá... những loại chứng khoán này đều được thẩm định kỹ về giá trị, an toàn vốn và hiệu quả sinh lời trước khi đầu tư.

Năm 2019, thị trường có nhiều biến động bất lợi, thanh khoản suy giảm cả về khối lượng và giá trị giao dịch, Vn-Index tuy tăng 7,7% nhưng chủ yếu đến từ vài cổ phiếu vốn hóa lớn, trong khi nhiều Bluechip khác đều sụt giảm, nhiều quỹ đầu tư trong và ngoài nước có hiệu quả thua kém so với Vn-Index, thậm chí có quỹ đã giảm NAV so với năm 2018. Tuân thủ một cách nhất quán chiến lược đầu tư đã giúp hoạt động đầu tư tự doanh của TVSI đạt được kết quả khả quan, với doanh thu đạt 213,9 tỷ đồng, tăng 380% so với năm 2018 và hoàn thành kế hoạch đề ra.

DOANH THU ĐẦU TƯ TỰ DOANH
Đơn vị: Tỷ đồng



Với những kết quả đạt được trong năm 2019, TVSI tiếp tục theo đuổi chiến lược đầu tư giá trị, thận trọng trong giải ngân và phân bổ nguồn vốn trong năm 2020, nhằm đảm bảo sử dụng vốn an toàn, hiệu quả.



Công nghệ thông tin	01
Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	02
Hoạt động chăm sóc khách hàng	03
Phân tích và Dự báo	04

KHỐI HỖ TRỢ

04



CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**LÀ CÔNG TY ĐƯỢC XÂY
DỰNG DỰA TRÊN NỀN
TẢNG CÔNG NGHỆ, TVSI
HIỂU RÕ CÔNG NGHỆ
LÀ YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH
LỢI THẾ CẠNH TRANH
CỦA DOANH NGHIỆP.**

Hạ tầng Công nghệ thông tin của TVSI thường xuyên được nâng cấp với nhiều tính năng tích hợp nhằm gia tăng hiệu quả công việc cũng như độ hài lòng của khách hàng.

Năm 2019 có thể coi là một năm sôi động với hoạt động công nghệ thông tin tại TVSI. Trong nửa đầu năm, TVSI đã nâng cấp hệ thống giao dịch chứng khoán cơ sở, hoàn thiện và bổ sung thêm các tính năng mới cho TVSI Mobile, iTrade-Home nhằm đem lại thuận tiện cho khách hàng. Quý III, TVSI đã cung cấp công cụ giao dịch mới “Hệ thống giao dịch trực tuyến chứng khoán phái sinh”. Như vậy, với việc đa dạng hóa tập sản phẩm, hệ thống giao dịch có nhiều cải tiến, TVSI đã sẵn sàng mang lại những dịch vụ phong phú hơn cho khách hàng một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Một vấn đề được TVSI đặc biệt quan tâm là đảm bảo tính an toàn, bảo mật hệ thống. Năm 2019, làn sóng tấn công an ninh mạng tại Việt Nam tiếp tục được cảnh báo, nhất là với các tổ chức tài chính. TVSI đã thực hiện nghiêm khắc các tiêu chí đánh giá kiểm nghiệm hệ thống thông qua các đánh giá định kỳ bao gồm cả hệ thống phần cứng và phần mềm. Một mặt không ngừng đầu tư cải tiến, nâng cấp công nghệ, cập nhật hệ thống, giúp đảm bảo tối ưu hóa, an toàn, bảo mật thông tin dữ liệu. Mặt khác, phổ biến, nâng cao ý thức người dùng trong nội bộ, bảo vệ thông tin, tài khoản trên các hệ thống, tránh thất thoát thông tin.

Bên cạnh đó, bộ phận CNTT cũng ban hành nhiều quy trình mới và chuẩn hóa các quy trình cũ ngày một hoàn thiện hơn, đảm bảo các nguyên tắc về tính chủ động, sẵn sàng cao. Từ đó, duy trì hoạt động hệ thống ổn định, an toàn với chi phí tối ưu, giảm thiểu rủi ro, tổn thất, thiệt hại cho TVSI cũng như khách hàng.

NĂM 2020, LIÊN TỤC ĐỔI MỚI VÀ CẢI TIẾN

TVSI đặt kế hoạch phát triển các ứng dụng mới cho nhà đầu tư cá nhân trên cơ sở cải tiến các ứng dụng trên nền tảng web và di động, nâng cao tính tiện lợi và trải nghiệm của người dùng. Cụ thể, sẽ nâng cấp, hợp nhất ứng dụng TVSI Mobile, iTrade-Home/Derivative, tính năng mới đem đến nhiều tiện ích, cho phép khách hàng có thể giao dịch chứng khoán cơ sở và phái sinh trên cùng một ứng dụng, nhằm tối đa thời gian giao dịch, giúp khách hàng quản lý tài khoản giao dịch nhanh chóng và hiệu quả, tạo môi trường đầu tư thuận tiện, chuyên nghiệp. Bên cạnh

đó, TVSI nâng cấp mới bảng giá trực tuyến, tích hợp đầy đủ các tính năng của chứng khoán cơ sở, phái sinh, quản lý danh mục tự chọn, danh mục ngành nghề và nhiều tiêu chí lựa chọn cho khách hàng, nâng cao độ hài lòng của khách hàng thông qua trải nghiệm khác biệt trên các nền tảng tích hợp hiện đại.

Ngoài ra, Công ty có kế hoạch đầu tư thay thế và làm mới hệ thống phần cứng, phần mềm cho chu kỳ 5 năm, nâng cao năng lực xử lý, lưu trữ và giảm thiểu rủi ro, đồng thời sẵn sàng kết nối với hệ thống giao dịch mới, hợp nhất 2 Sở.





NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

**THỊ TRƯỜNG BIẾN
ĐỘNG KHÔNG
NGỪNG, ĐẶC BIỆT
TRONG LĨNH VỰC TÀI
CHÍNH, CÓ NHỮNG
SẢN PHẨM
PHÁT TRIỂN
HỒM QUA CÓ THỂ
KHÔNG CÒN PHÙ
HỢP CHO HIỆN TẠI.**

Để duy trì đà tăng trưởng, việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm, giới thiệu ra thị trường những sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu, thậm chí là các sản phẩm “may đo” theo khẩu vị của khách hàng là vô cùng quan trọng. Đây cũng là yếu tố duy trì lợi thế cạnh tranh khác biệt của công ty. Với quan điểm này, ngay từ đầu năm 2019, TVSI đã thành lập Phòng Phát triển sản phẩm với mục đích chuyên môn hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm.

Được đầu tư nguồn lực, Phòng Phát triển sản phẩm đã triển khai nhiều dự án quan trọng trong năm 2019, với định hướng đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, cải tiến công cụ hỗ trợ khách hàng, nâng cao hiệu quả của các công cụ hỗ trợ quản trị nội bộ, quản trị rủi ro. Hoạt động nghiên cứu sản phẩm tài chính tại thị trường trong nước và quốc tế, cùng các xu hướng công nghệ mới, đã giúp TVSI đưa ra được lộ trình xây dựng, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ sinh thái đầu tư của mình.

Hai điểm nhấn nổi bật cho hoạt động phát triển sản phẩm mới ở TVSI năm 2019 là Môi giới chứng khoán phái sinh và Trái phiếu doanh nghiệp. Như vậy, khách hàng của TVSI có thể tiếp cận bộ sản phẩm dịch vụ đa dạng, bao gồm cả chứng khoán cơ sở, chứng chỉ quỹ, chứng quyền, chứng khoán phái sinh, trái phiếu doanh nghiệp. Với chuỗi sản phẩm phong phú, TVSI có thể tư vấn cho khách hàng các giải pháp linh hoạt, chuyển đổi giữa các thị trường với mục đích giúp NĐT có thêm lựa chọn, tối ưu hóa được nguồn vốn đầu tư khi từng thị trường riêng lẻ không thuận lợi. Song song với mỗi sản phẩm nói trên, TVSI đều xây dựng và cải tiến bộ công cụ giao dịch trực tuyến đầy đủ tính năng trên mọi thiết bị, đáp ứng nhu cầu về tốc độ, minh bạch và thao tác dễ dàng của các nhà đầu tư.

Ngoài ra TVSI đã ra mắt IRA - robot tư vấn tự động bằng thuật toán theo phân tích kỹ thuật, có thể xử lý khối lượng lớn thông tin cùng lúc nhằm hỗ trợ các nhà đầu tư lướt sóng ngắn hạn hiệu quả hơn.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2020

Trong bối cảnh TTCK Việt Nam được nhận định sẽ ngày càng quyết liệt hơn. Hiểu rõ thách thức đó, bộ phận Nghiên cứu và Phát triển của TVSI sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái đầu tư với việc bổ sung thêm những gói sản phẩm, dịch vụ mới, thiết kế đa dạng, giúp khách hàng có nhiều lựa chọn phù hợp với nhu cầu. Tính linh hoạt chuyển đổi giữa các sản phẩm sẽ được chú trọng, dễ dàng và rút ngắn thời gian chuyển đổi. TVSI cũng lên kế hoạch xây dựng và ra mắt công cụ tư vấn phù hợp với mỗi khách hàng theo các trường phái đầu tư khác nhau.

Chứng khoán phái sinh sẽ được đầu tư mạnh mẽ với các kế hoạch mới như bổ sung thêm bộ lệnh điều kiện, tối ưu hóa thao tác trên công cụ giao dịch trực tuyến, tích hợp các tiện ích hỗ trợ khách hàng. Đồng thời, TVSI tiến hành tìm hiểu sản phẩm quyền chọn HNX dự kiến triển khai sắp tới. Phát hành chứng quyền có đảm bảo cũng là một trong những sản phẩm TVSI đang nghiên cứu, đánh giá và có thể triển khai trong tương lai gần.

TVSI và Đối tác chiến lược - Ngân hàng SCB dự kiến sẽ thiết kế những sản phẩm tài chính mới đa dạng, phù hợp và tăng tính linh hoạt khi sử dụng dòng tiền của khách hàng. Bên cạnh đó, khách hàng sẽ nhận được ưu đãi khi sử dụng sản phẩm hợp tác giữa hai bên.





DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN VÀ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Những biến động mạnh trên thị trường chứng khoán có thể tạo ra nhiều khó khăn với các nhà đầu tư trong giao dịch, cả về tâm lý, bảo vệ tài sản và tối ưu hóa giao dịch.

Nắm bắt thực tế này, Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán TVSI luôn tích cực chuẩn bị và đáp ứng một cách tốt nhất các nghiệp vụ mới, phát sinh. Minh họa rõ nét bằng, phối hợp với Bộ phận Công nghệ thông tin nâng cấp hệ thống giao dịch cơ sở nhằm tối ưu trải nghiệm của khách hàng cũng như rút ngắn thời gian thao tác của nhân viên nghiệp vụ, phát triển hệ thống giao dịch sản phẩm phái sinh với công nghệ và nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quốc tế; Cải tiến quy trình nghiệp vụ nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu bảo vệ tài sản của khách hàng cũng như tạo thuận tiện trong giao dịch, đồng thời phòng ngừa được các rủi ro có thể xảy ra trên hệ thống.

Với các dịch vụ như Quản lý tài khoản giao dịch, Lưu ký chứng khoán, Quản lý giao dịch cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, Giải đáp và hỗ trợ khách hàng thông qua hệ thống Contact center (tổng đài điện thoại, thư điện tử...), Phòng Dịch vụ chứng khoán luôn cung cấp chất lượng dịch vụ tốt nhất, thời gian xử lý nhanh chóng, từ đó nhận được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

Bộ phận Chăm sóc khách hàng đã đánh dấu những bước tiến nổi bật trong sứ mệnh nâng tầm chất lượng dịch vụ, đem tới cho khách hàng những trải nghiệm đặc biệt về sự chuyên nghiệp, tận tâm.

Với mục tiêu vì sự hài lòng của khách hàng hướng đến gắn kết dài lâu, giúp khách hàng thực hiện các giao dịch nhanh chóng, hiệu quả, hoạt động chăm sóc khách hàng đã tập trung tương tác giúp khách hàng trải nghiệm các dịch vụ thông qua các kênh online, trực tiếp, nhằm nắm bắt và hỗ trợ nhanh chóng nhu cầu hỗ trợ của khách hàng.

Năm 2020, TTCK được đánh giá có nhiều thách thức lớn, bên cạnh kế hoạch duy trì và thúc đẩy giao dịch với khách hàng hiện hữu, Bộ phận Chăm sóc khách hàng có kế hoạch triển khai và hoàn thiện các công cụ tương tác mới phục vụ nhà đầu tư tốt hơn thông qua hệ thống Email marketing, Mở tài khoản online, hệ thống cảnh báo thông tin khách hàng, sản phẩm kết nối với khách hàng của Ngân hàng thương mại Sài Gòn (SCB)...



QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

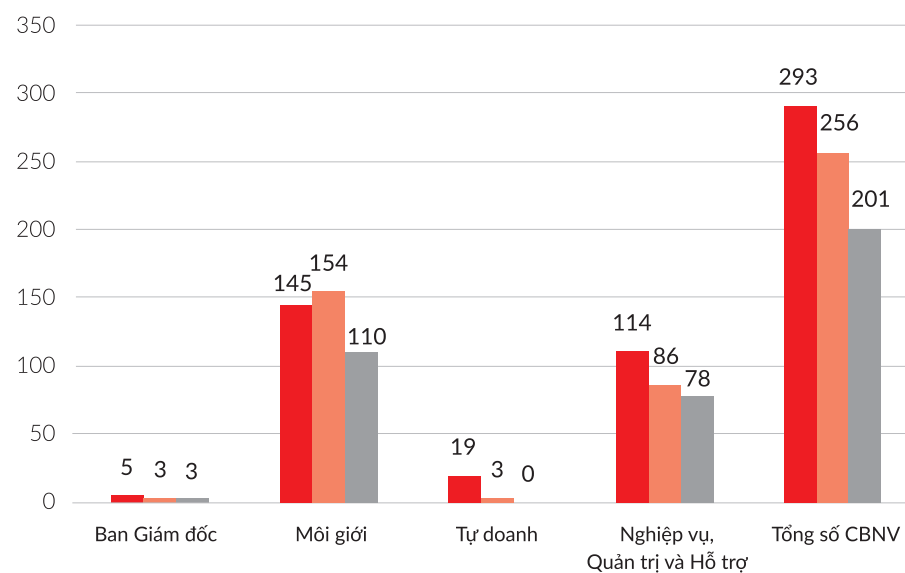
TVSI luôn xác định nguồn lực con người là tài sản quý giá nhất. Hiểu rõ đội ngũ nhân sự là một trong những yếu tố quan trọng để phát triển doanh nghiệp, TVSI đã lập kế hoạch và đón đầu xu hướng phát triển nhân sự trong năm 2019; nâng cao năng suất lao động và hoạt động hiệu quả. Bên cạnh đó, TVSI liên tục triển khai các hoạt động đào tạo, nhờ vậy, CBNV đã kịp thời nắm bắt được xu hướng, kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ hoàn hảo tới khách hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động.

1. ĐẶC ĐIỂM NHÂN SỰ

Tính đến 31/12/2019, tổng số CBNV của TVSI là 293 người, đội ngũ TVSI đã có sự tăng trưởng và được bổ sung mạnh mẽ trong năm 2019

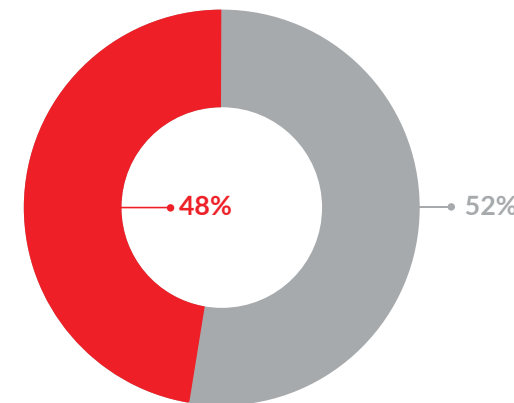
BIỂU ĐỒ SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ QUA CÁC NĂM (NGƯỜI)

■ 2019
■ 2018
■ 2017



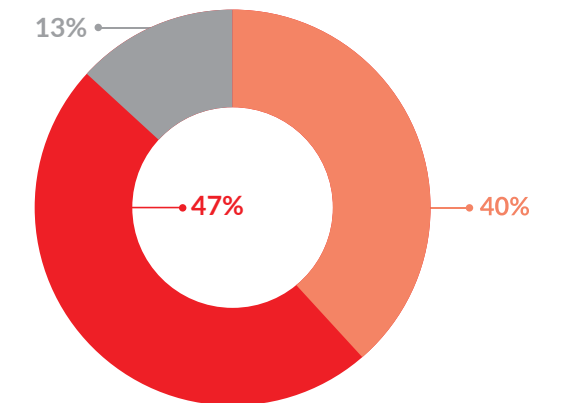
GIỚI TÍNH

■ Nam
■ Nữ



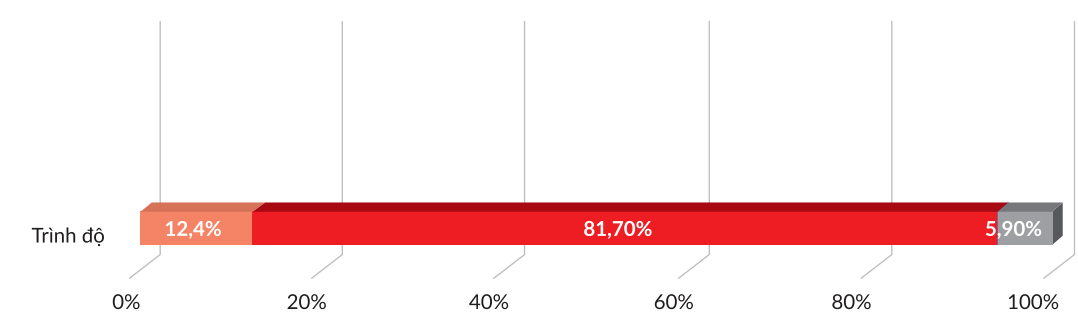
ĐỘ TUỔI

■ Dưới 30 tuổi
■ 30 tuổi - 40 tuổi
■ Trên 40 tuổi



TRÌNH ĐỘ

■ Thạc sỹ
■ Đại học
■ Cao đẳng



TUYỂN DỤNG

Tại TVSI, Ban Lãnh đạo chú trọng sự minh bạch, xây dựng sản phẩm, dịch vụ hoàn hảo và cạnh tranh; đồng thời luôn quan tâm và ưu tiên dành cho cán bộ nhân viên (CBNV) những chính sách, chế độ đãi ngộ tốt, môi trường làm việc văn minh, lộ trình phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nhân tài.

Trong năm 2019, TVSI đã hoàn thành 120% kế hoạch tuyển dụng đề ra, tiếp tục tăng trưởng nhân sự, đồng thời sàng lọc nhân sự chưa phù hợp nhằm tối đa hóa hiệu quả, năng suất làm việc, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh thực tế. Bên cạnh đó, TVSI đã thu hút rất nhiều chuyên gia, đối tác, cộng tác viên hợp tác và làm việc tại TVSI, góp phần đáng kể vào việc gia tăng chất lượng dịch vụ, năng suất lao động và hiệu quả làm việc của CBNV.

Ngoài ra, Công ty phối hợp với nhiều trường đại học uy tín, liên tục tuyển dụng thực tập sinh. Ngoài mục đích xã hội hóa, cung cấp các chương trình học bổng hữu ích tới các em sinh viên, hỗ trợ sinh viên phấn đấu trong học tập để góp phần xây dựng thị trường chứng khoán ngày càng tốt hơn, TVSI là môi trường thực hành tốt để các em áp dụng kiến thức học tập vào môi trường thực tế và năng động. Tại TVSI, Thực tập sinh được huấn luyện bài bản các kiến thức thực tế bằng những khóa học về thị trường chứng khoán từ trình độ cơ bản đến nâng cao, được đào tạo đầy đủ các quy trình làm việc và phối hợp công việc trước khi tham gia thực tập và làm việc thực tế. Không chỉ cung cấp nguồn nhân lực tiềm năng cho TVSI, đây còn là đội ngũ nhân lực tiềm năng cho thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung.

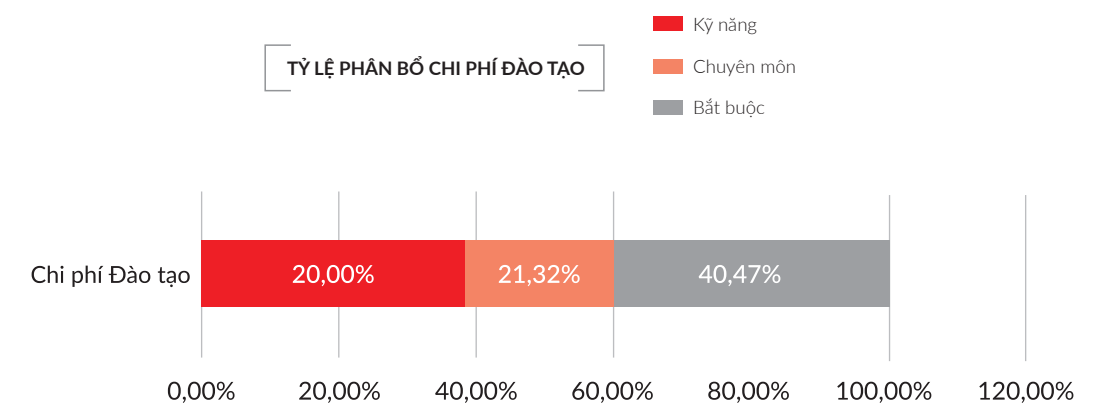
ĐÀO TẠO

Trong năm 2019, Công ty đã dành khoảng 1,2 tỷ đồng cho công tác đào tạo, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ nhân sự đang làm việc và hợp tác tại TVSI.

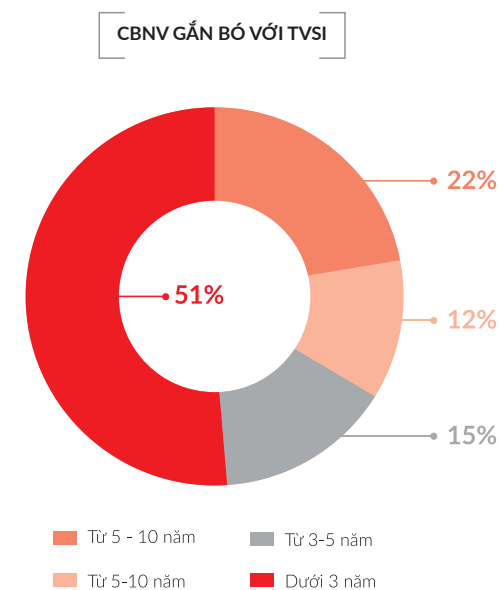
100% CBNV, Chuyên gia, Cộng tác viên, Thực tập sinh...đều được tham gia đào tạo, cập nhật kiến thức về thị trường chứng khoán. Qua đó, toàn bộ nhân sự TVSI hiểu hơn về xu hướng thị trường, về TVSI, định hướng và kế hoạch phát triển. Hàng năm, TVSI tổ chức các đợt kiểm tra kiến thức định kỳ 2 lần/năm, đôn đốc CBNV nắm bắt và cập nhật kiến thức liên tục. Thêm vào đó, bằng các khóa đào tạo theo quy định (đào tạo bắt buộc), CBNV Môi giới của TVSI đảm bảo đầy đủ kiến thức và Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, chứng chỉ chuyên môn. Trong năm 2019, TVSI đã liên tục và không giới hạn cử CBNV tham gia các khóa đào tạo chứng khoán phái sinh nhằm mang lại dịch vụ tốt nhất cho khách hàng về sản phẩm mới của thị trường chứng khoán. Ngoài ra, TVSI dành kinh phí đào tạo và chính sách đãi ngộ cho CBNV kinh doanh, nghiệp vụ tham gia các khóa đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, nghiệp vụ, kỹ năng... trong nước và nước ngoài.

Một số khóa đào tạo tiêu biểu trong năm 2019:

- Phân tích kỹ thuật, đọc báo cáo tài chính, chỉ số phân tích ngành.
- Phân tích ngành và tổng hợp thị trường.
- Sản phẩm, dịch vụ Chứng khoán phái sinh.
- Kỹ năng phân tích Báo cáo Tài chính.
- Phân biệt chữ ký giả
- Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro Doanh nghiệp.



THU NHẬP VÀ ĐÃI NGỘ



Một trong những yếu tố thu hút nguồn nhân lực, hiền tài là chính sách thu nhập và đãi ngộ. Tại TVSI, định kỳ mỗi quý, mọi CBNV đều được đánh giá kết quả công việc công bằng qua hệ thống KPI, do đó CBNV luôn được hỗ trợ kịp thời để hoàn thành tốt công việc. Công ty luôn ưu tiên chi phí lương, thưởng, chế độ đãi ngộ tốt nhất dành cho CBNV. Hàng năm, TVSI dành hơn 60% tổng chi phí, chi trả cho lương, thưởng, trợ cấp... cho CBNV. Ngoài chính sách theo quy định của Nhà nước và mức lương cạnh tranh, TVSI có các gói bảo hiểm cao cấp cho CBNV, chính sách Esop, thưởng KPI, thưởng doanh thu, lễ tết, trợ cấp... chăm lo cuộc sống cho mỗi gia đình CBNV. Hàng năm, Công ty tổ chức các chuyến du lịch, tham quan, nghỉ mát...là cơ hội để Ban Lãnh đạo, CBNV gặp gỡ, chia sẻ, vui chơi giải trí... có thêm năng lượng tích cực sau thời gian làm việc.

Với các chính sách thu nhập tốt, môi trường làm việc nhân văn, chuyên nghiệp, TVSI không chỉ thu hút nhiều hiền tài mà còn giữ chân nhân tài, đa số CBNV bày tỏ nguyện vọng được làm việc và gắn bó lâu dài với TVSI.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG

05

- 01 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 02 Bộ máy tổ chức hoạt động HĐQT
- 03 Báo cáo hoạt động
- 04 Định hướng 2020
- 05 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT
- 06 Bộ máy tổ chức hoạt động BKS
- 07 Báo cáo hoạt động
- 08 Định hướng 2020



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN TIẾN THÀNH

Chủ tịch HĐQT,
Tổng Giám đốc

- ▶ **Thạc sỹ Quản lý phát triển**
Asian Institute of Management - Philippines;
- ▶ **Cử nhân Tài chính ngân hàng**
Đại học Kinh tế Quốc dân;
- ▶ **Chủ tịch HĐQT**
CTCP Chứng khoán Tân Việt (05/2019 - nay);
- ▶ **Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc**
CN.TP. Hồ Chí Minh - CTCP Chứng khoán Tân Việt (01/2016 - nay);
- ▶ **Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc**
CN.TP. Hồ Chí Minh - CTCP Chứng khoán Tân Việt (2008 - 01/2016);
- ▶ **Giám đốc Dịch vụ chứng khoán**
CTCP Chứng khoán Tân Việt (2007-2008).
- ▶ **Thành viên HĐQT độc lập**
NH TMCP Sài Gòn (SCB)

Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI:
3.446.020 cổ phần.



Ông NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

Thành viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc

- ▶ **Thạc sỹ Quản trị kinh doanh**
Đại học Kinh tế Quốc dân;
- ▶ **Kỹ sư tin học**
Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Sofia, Bulgaria;
- ▶ **Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT CTCP**
Chứng khoán Tân Việt (2007 - nay);
- ▶ **Thành viên HĐQT**
Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT (2012 - nay);
- ▶ **Phó Giám đốc Trung tâm tin học**
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (1997 - 2006).

Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI:
895.523 cổ phần.



Ông TRẦN VIỆT ĐỨC

Thành viên HĐQT

- ▶ **Chuyên gia quản trị**
Đại học Harvard, Hoa Kỳ
- ▶ **Thạc sỹ Quản trị kinh doanh**
Đại học Texas, Arlington, Hoa Kỳ
- ▶ **Cử nhân Luật kinh doanh**
Đại học Xã hội và Nhân văn
- ▶ **Cử nhân Quản trị Kinh doanh**
Đại học Kinh tế Quốc dân
- ▶ **Thành viên HĐQT độc lập CTCP**
Chứng khoán Tân Việt (03/2018 - nay);
- ▶ **Giám đốc** Quỹ đầu tư IDG Ventures Vietnam (2004 - nay);
- ▶ **Phó Giám đốc** Công ty Kiểm toán Việt Nam (2001 - 2004);
- ▶ **Trợ giảng** Đại học Texas, Arlington, Hoa Kỳ (1998 - 2001);
- ▶ **Kiểm toán viên** Công ty Deloitte & Touch, Hoa Kỳ (1996 - 1998);
- ▶ **Phó phòng** Công ty Kiểm toán Việt Nam (1992 -1996).



Ông LÊ THANH TÙNG

Thành viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc

- ▶ **Thạc sỹ Quản trị kinh doanh**
Chương trình Cao học Việt - Bỉ
Đại học Kinh tế Quốc dân
- ▶ **Cử nhân Tài chính Ngân hàng**
Học viện Ngân hàng
- ▶ **Cử nhân Ngoại ngữ**
ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia
- ▶ **Thành viên HĐQT**
CTCP CK Tân Việt (03/2018 - nay);
- ▶ **Phó Tổng Giám đốc**
CTCP CK Tân Việt (2017 - nay);
- ▶ **Giám đốc tài chính/Kế toán trưởng**
CTCP CK Tân Việt (2008 - 2017);
- ▶ **Trưởng phòng KTTT**
Chi nhánh NH Ngoại thương Việt Nam (2005 - 2007).

Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI:
155.127 cổ phần.



Bà BÙI THỊ THANH HIỀN

Thành viên HĐQT,
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

- ▶ **Cử nhân kế toán kiểm toán**
Đại học Kinh tế Quốc dân;
- ▶ **Cử nhân luật kinh tế**
Đại học Luật Hà Nội.
- ▶ **Thành viên HĐQT**
CTCP CK Tân Việt (05/2019 - nay);
- ▶ **Phó Tổng Giám đốc**
CTCP CK Tân Việt (01/2019 - nay);
- ▶ **Kế toán trưởng**
CTCP Chứng khoán Tân Việt (05/2017 - nay);
- ▶ **Trưởng phòng kế toán**
CTCP Chứng khoán Tân Việt (01/2017 - 04/2017);
- ▶ **Phó phòng kế toán**
CTCP Chứng khoán Tân Việt (02/2013 - 12/2016).

Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI:
84.204 cổ phần.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TVSI TRONG NĂM 2019

Ngay từ đầu năm, HĐQT công ty đã nhận định những khó khăn của thị trường chứng khoán và đặt ra mục tiêu kinh doanh thận trọng nhưng cũng không kém thách thức đối với hoạt động của công ty. Đây cũng là năm đầu tiên Công ty hoạt động với số vốn điều lệ trên 1000 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với năm 2018. Nền kinh tế vĩ mô ổn định, duy trì được đà tăng trưởng, nhưng thị trường tiền tệ và chứng khoán có năm giao dịch khá ảm

đạm, thị trường không thu hút được thêm nhà đầu tư, cổ phiếu mới trên thị trường ít, lo ngại ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Tuy nhiên, HĐQT, Ban Điều hành đã có những dự báo sát với diễn biến thị trường, điều chỉnh mô hình kinh doanh, mở thêm các mảng kinh doanh mới có cơ hội phát triển, đa dạng hóa nguồn thu và lợi nhuận.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tiếp tục tăng trưởng mạnh Tổng doanh thu hoạt động: Năm 2019 TVSI đạt 716 tỷ đồng tăng 2,5 lần so với 2018 và hoàn thành gần 200% kế hoạch năm.

Phát triển mạnh hoạt động đầu tư và kinh doanh nguồn vốn thông qua hoạt động kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp. Trong năm 2019 đã thành lập thêm phòng Kinh doanh trái phiếu và Quản lý trái phiếu. TVSI đã tư vấn, phát hành và phân phối trái phiếu doanh nghiệp là điểm sáng trong việc nắm bắt cơ hội kinh doanh để phát triển thêm mảng dịch vụ mới, đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh chung.

Tập trung vào hiệu quả hoạt động của các đơn vị, sắp xếp cơ cấu lại các đơn vị kinh doanh không hiệu quả bằng việc đóng, sáp nhập chi nhánh trong mảng kinh doanh môi giới cổ phiếu. Hoạt động môi giới và Dịch vụ tài chính có tăng trưởng mức khiêm tốn hơn tương ứng 9%, 21%.

Cùng với tăng doanh thu, các chi phí đi kèm cũng tăng theo với Tổng chi phí bằng 116% kế hoạch năm, tăng 34% so với năm 2018.

Kết quả hoạt động, TVSI đạt 182 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế và hoàn thành 151% kế hoạch năm 2019, tăng 143% so với hoạt động năm 2018.

NGUỒN VỐN

Về cơ cấu nguồn vốn, năm 2019 vốn chủ sở hữu vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn (khoảng 62%) tăng 89% so với năm 2018 và đạt 114% kế hoạch năm, nguồn vốn vay giảm tỷ trọng xuống còn 37%.

Nguồn vốn vay ngân hàng có sự tăng trưởng nhanh đạt 91 tỷ đồng vượt kế hoạch năm 910%, nguồn vốn vay trái phiếu đạt 97% kế hoạch đề ra.

Các hoạt động huy động nguồn qua kênh trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục thực hiện hiệu quả đảm bảo nguồn vốn cho vay đầu tư chứng khoán và các nghiệp vụ đầu tư của Công ty. Trong năm công ty đã phát hành 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp, huy động được 277 tỷ đồng.

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của TVSI trong năm ở mức an toàn, trên 520%.

QUẢN TRỊ

Công ty đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về kinh doanh, nghĩa vụ thuế, và quản trị công ty. Công tác quản trị nội bộ tiếp tục được thay đổi mạnh hướng đến chuyên môn hóa sâu nghiệp vụ theo chức năng, hạn chế công tác kiêm nhiệm nhiều vai trò của cán bộ quản lý hướng tới quản trị chuyên nghiệp.

Quản trị rủi ro, tuân thủ: tăng cường công tác giám sát, tuân thủ, nhận diện các rủi ro có thể phát sinh. Mặc dù các rủi ro hoạt động là không tránh khỏi, nhưng với sự quyết liệt trong việc thực thi chính sách, TVSI đã ngăn chặn được những nguy cơ tiềm tàng, có cơ hội gây tổn thất cho công ty.

Tính minh bạch, an toàn cho giao dịch của nhà đầu tư/ khách hàng tiếp tục được tuân thủ tuyệt đối, chính sách quản lý tách bạch tài khoản của nhà đầu tư và Công ty, công cụ giám sát, báo cáo về tài sản cho khách hàng tiện dụng.

Tiếp tục thu hút được các nhân sự tốt cùng đồng hành với công ty, chính sách đãi ngộ được cải thiện.

Hoạt động kinh doanh cho NĐT vay tiền mua chứng khoán: TVSI đã bị xử hành chính về việc cho Nhà đầu tư mua cổ phiếu khi chưa đủ tiền, Công ty đã chấp hành nộp phạt vào ngân sách nhà nước và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định.

2. ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (BDH)

Thị trường chứng khoán năm 2019 đã diễn biến không thuận lợi cho hoạt động môi giới, đầu tư tự doanh và cho vay giao dịch chứng khoán nhưng khá sát với những nhận định về môi trường kinh doanh. Ban Điều hành đã

nhận định được mức độ rủi ro của thị trường, đánh giá thận trọng để đảm bảo an toàn trong kinh doanh nhưng cũng tận dụng được cơ hội mới.

Đối với hoạt động kinh doanh:

Ban Điều hành đã nhanh nhạy trong việc nắm bắt, triển khai cơ hội kinh doanh mới khi các điều kiện về thị trường ủng hộ.

Hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh được Hội đồng quản trị giao khi đạt 200% kế hoạch doanh thu và 151% kế hoạch lợi nhuận năm 2019.

Quyết liệt trong việc cơ cấu mảng kinh doanh chưa hiệu quả, tăng cường công tác kiểm soát, quản trị rủi ro và nâng chuẩn dịch vụ, đơn vị kinh doanh, chi nhánh.

Nguồn vốn:

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn cho vay nhà đầu tư và các hoạt động khác thông qua nguồn huy động trái phiếu doanh nghiệp.

Thực hiện nghiêm túc đúng các quy trình được xây dựng và ban hành trong các năm qua. Hoạt động cho vay không phát sinh nợ xấu.

Ban Điều hành đã thực hiện đúng thẩm quyền, được phân công, phân nhiệm rõ ràng. Thực hiện cải tổ tích cực cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý, điều hành.

Các hợp đồng kinh tế được soát xét chặt chẽ, việc ký kết tuân thủ pháp luật và đúng thẩm quyền được quy định đối với từng thành viên của Ban Điều hành.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019 CỦA NHIỆM KỲ 2018-2023

Năm 2019 là năm hoạt động thứ hai của Hội đồng quản trị TVSI nhiệm kỳ 2018-2023. HĐQT đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chỉ định hướng, quản trị công ty tạo ra những bước đột phá về nguồn vốn, về kết quả hoạt động kinh doanh.

Nhân sự HĐQT có sự thay đổi nhân sự trong năm khi ĐHCĐ năm 2019 đã miễn nhiệm theo đơn từ nhiệm của ông Hồ Bửu Phương – Chủ tịch và bầu bổ sung bà Bùi Thị Thanh Hiền là thành viên HĐQT bổ sung. Hoạt động định kỳ HĐQT thực hiện 26 cuộc họp và lấy ý kiến thành viên, ban hành các Nghị quyết thông qua nhiều chủ trương quan trọng đối với hoạt động của công ty như sau:

- Bổ nhiệm lãnh đạo cấp cao thuộc trách nhiệm của HĐQT: 2 Phó TGD, Giám đốc CN, Giám đốc Khối Dịch vụ Tài chính.
- Phê chuẩn thành lập bộ phận quản lý, kinh doanh trái phiếu; đóng cửa chi nhánh không hiệu quả, sáp nhập các chi nhánh nhằm tăng quy mô, nâng chuẩn dịch vụ các đơn vị kinh doanh.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên trong năm 2019.
- Nhân sự HĐQT: bầu ông Nguyễn Tiến Thành làm Chủ tịch, kiêm Tổng Giám đốc, phân công phân nhiệm thành viên trong HĐQT.
- Ban hành chính sách rủi ro, phối hợp Ban kiểm soát, Ban điều hành và bộ phận Quản trị rủi ro rà soát xây dựng, ban hành quy trình quy chế, giám sát thực hiện.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập phù hợp với hoạt động của Công ty.
- Quyết định các hồ sơ kinh doanh, đầu tư vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc.
- Giám sát Ban Điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết đã ban hành của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh đạt các chỉ tiêu kế hoạch.

4. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ NHIỆM KỲ 2018-2023

Sau khi TVSI hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 1080 tỷ vào tháng 12/2018 thì hoạt động kinh doanh yêu cầu có nguồn vốn hỗ trợ tiên quyết như cho vay ký quỹ, đầu tư giấy tờ có giá đã có nhiều dư địa triển khai. Năm 2020, với sự thận trọng, HĐQT không đặt mục tiêu tăng

trường chung, chỉ tập trung đầu tư mảng kinh doanh có cơ hội rõ ràng và thực sự an toàn. Mục tiêu trọng tâm, giải pháp thực hiện hoạt động kinh doanh TVSI 2020, như sau:

- **Thận trọng trong việc tăng trưởng các mảng hoạt động kinh doanh, đảm bảo tính an toàn vốn, duy trì được tỷ suất lợi nhuận hợp lý:**

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2020	Năm 2019	% KH2020/TH2019
Tổng Doanh thu	469.483	716.043	65,5%
Chi phí	303.579	536.908	56,5%
Lợi nhuận trước thuế	165.904	182.453	91%

- **Củng cố công tác quản trị, điều hành Công ty** | Nâng cao năng suất lao động và năng lực quản lý của các cấp đặc biệt là đội ngũ quản lý tầm trung;
- **Tập trung tái cấu trúc** | Nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của các mảng kinh doanh cốt lõi và phù hợp với diễn biến của nền kinh tế & thị trường chứng khoán.
- **Hoạt động mảng hỗ trợ/vận hành, quản trị đẩy mạnh quy trình hóa và từng bước IT hóa, số hóa** | Tối đa thông tin nhằm đảm bảo tính an toàn, hiệu quả, thông suốt trong việc vận hành, quản trị Công ty;
- **Đánh giá đa chiều chất lượng nhân sự hiện hữu** | Để có hướng qui hoạch, đào tạo, bổ sung thay thế bao gồm tái cấu trúc. Chú trọng công tác xây dựng, đào tạo đội ngũ và chính sách chế độ thu nhập, phúc lợi phù hợp, có sự phân cấp hợp lý nhằm giữ và thu hút người tài, nguồn nhân lực có chất lượng và có đạo đức kinh doanh... với hình thức triển khai “Tháp đào tạo năng lực lãnh đạo cho mỗi cấp”;
- **Đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro, kiểm tra nội bộ & đặc biệt là kiểm tra tuân thủ;**
- **Xây dựng & hoàn thiện KH hoạt động kinh doanh 5 năm cho giai đoạn 2020-2024;**
- **Nâng cao ý thức kỷ luật, xây dựng môi trường đào tạo** | Học tập chuyên nghiệp trong toàn Công ty và thúc đẩy ý thức tự giác, hướng tới tinh thần sẵn sàng thay đổi chính mình nhằm hoàn thiện các khả năng, kỹ năng của mỗi nhân viên... và cùng nhau xây dựng, vun đắp văn hóa doanh nghiệp của Tân Việt một cách rõ nét hơn.

BAN KIỂM SOÁT



Bà NGUYỄN THỊ HÀ Trưởng ban

- ▶ **Cử nhân Tài chính Kế toán**
Đại học Thương Mại
- ▶ **Phó Giám đốc khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư** CTCP Chứng Khoán Tân Việt (2008 - nay);
- ▶ **Phụ trách CN** Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán S&S - CN. Hà Nội (2005 - 2008);
- ▶ **Kế toán trưởng**
CT CP Thiết bị Thực phẩm - CN. Hà Nội (2002 - 2005);
- ▶ **Kế toán trưởng**
CT TNHH Sơn Hà (2000 - 2002).

Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI:
33.806 cổ phần.

Ông TRẦN HỮU THÀNH Thành viên

- ▶ **Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng**
Học viện Ngân hàng
- ▶ **Cử nhân Tài chính Ngân hàng**
Học viện Ngân hàng
- ▶ **Phó phòng Phát triển sản phẩm**
Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt (2019-nay)
- ▶ **Kiểm soát viên Quản trị rủi ro**
Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt (2016-2018)
- ▶ **Chuyên viên dịch vụ chứng khoán**
Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt (2009-2015)

Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI:
0 cổ phần.

Bà ĐỖ NGỌC HOÀNG YẾN Thành viên

- ▶ **Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng**
Đại học Kinh tế TP. HCM
- ▶ **Cử nhân Tài chính Tín dụng**
Đại học Ngân hàng TP.HCM
- ▶ **Phó phòng Dịch vụ Chứng khoán**
CN.HCM - Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (4/2009 - nay);
- ▶ **Chuyên viên** phòng Dịch vụ Chứng khoán CN.HCM - CTCP Chứng khoán Tân Việt (03/2007 - 03/2009);
- ▶ **Chuyên viên kế toán**
Ngân hàng TMCP Sài Gòn (06/2006 - 03/2007).

Số cổ phần đang sở hữu tại TVSI:
35.600 cổ phần

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014, Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt và các quy định hiện hành; Ban Kiểm soát xin trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát với nội dung như sau:

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. VỀ NHÂN SỰ

Trong kỳ hoạt động BKS có sự thay đổi về nhân sự, nhưng vẫn đảm bảo cơ cấu và chức năng hoạt động:

- Bà Phạm Mai Chi từ nhiệm chức danh Trưởng BKS vì lý do cá nhân.
- Bầu Bà Nguyễn Thị Hà làm Trưởng BKS thay thế Bà Phạm Mai Chi.
- Bầu bổ sung Ông Trần Hữu Thành làm thành viên BKS.

BKS gồm 03 thành viên:

- Bà **NGUYỄN THỊ HÀ** ▶ Trưởng ban
- Ông **TRẦN HỮU THÀNH** ▶ Thành viên
- Bà **ĐỖ NGỌC HOÀNG YẾN** ▶ Thành viên

Theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên tháng 3/2018, nhiệm kỳ BKS là 05 năm từ năm 2018 đến năm 2023, thành viên được bầu bổ sung sẽ được tính từ thời điểm được bầu đến thời điểm kết thúc của nhiệm kỳ.

Thù lao BKS: 96.000.000 đồng (Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/tháng, Thành viên BKS: 2.000.000 đồng/tháng).

2. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BKS TRONG KỲ

- BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT trong năm 2019.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ công ty và thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong năm 2019.
- Giám sát thành viên HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc lập các báo cáo tài chính quý I, quý II, quý III, quý IV, báo cáo tài chính kiểm toán Bán niên 2019 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019.

3. CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS TRONG KỲ

BKS đã tổ chức 05 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên.

Thời gian	Nội dung	Kết quả
Tháng 5/2019	Bầu Trưởng Ban Kiểm soát	Thống nhất theo Biên bản họp (các vị trí như trong danh sách tại báo cáo)
Tháng 6/2019	Phân công nhiệm vụ, Thù lao BKS nhiệm kỳ 2018-2023	Thống nhất theo Biên bản họp.
Tháng 7/2019	Thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2018 (đã được soát xét)	Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2018 (đã được soát xét).
Tháng 10/2019	Đánh giá việc thực hiện các NQ HĐQT 9 tháng đầu năm 2019	Thống nhất thông qua báo cáo đánh giá theo BB họp.
Tháng 02/2020	Xem xét sơ bộ tình hình số liệu tài chính và việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2019 theo NQ ĐHCĐ.	BĐH đã có báo cáo chi tiết về tình hình thực hiện từng chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2019, số liệu tài chính rõ ràng, minh bạch.

KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA BKS

1. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

- Trong năm 2019, HĐQT đã ban hành 24 Nghị quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT để điều hành hoạt động Công ty.
 - HĐQT đã chủ động trong việc giám sát và điều hành kịp thời chiến lược kinh doanh, các quyết sách cụ thể trong hoạt động của Công ty, BĐH đã bám sát các quyết sách để triển khai thành các công việc cụ thể. Mặc dù năm 2019 thị trường chứng khoán có những diễn biến không thuận lợi khiến hoạt động kinh doanh chứng khoán gặp không ít khó khăn, nhưng BĐH đã có những quyết sách kịp thời, đúng đắn đem lại hiệu quả kinh doanh cao như: phát triển hoạt động đầu tư và kinh doanh nguồn vốn, phát triển khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư, tinh giảm các đơn vị kinh doanh không hiệu quả, cung cấp các sản phẩm tài chính linh hoạt đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư.
 - Một số chủ trương quan trọng đối với hoạt động của Công ty đã được HĐQT thông qua và/ hoặc được triển khai đúng quy định trong kỳ bao gồm: Triển khai Môi giới chứng khoán phái sinh, triển khai môi giới Trái phiếu doanh nghiệp,
 - Trong năm, Công ty đã bị xử phạt hành chính về việc cho Nhà đầu tư mua cổ phiếu khi chưa đủ tiền, Công ty đã chấp hành nộp phạt vào ngân sách nhà nước và điều chỉnh ngay các hoạt động kinh doanh cho phù hợp với quy định.
 - Trong kỳ, không phát sinh khiếu nại, khiếu kiện lớn nào đòi hỏi Công ty phải thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan.
- BKS không phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty nào của các thành viên HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý cấp cao.

2. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT VÀ BĐH

BKS đã được cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành (BĐH) Công ty; trao đổi thường xuyên với HĐQT và BĐH về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các Nghị quyết đã được ĐHCĐ thông qua năm 2019.

3. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Việc tổ chức công tác kế toán thống kê đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng và hợp lý và báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành.
- Trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát việc lập các báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính kiểm toán Bán niên 2019 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, BKS chưa phát hiện có hiện tượng vi phạm trong công tác tài chính, kế toán thống kê trong kỳ. BKS đánh giá các báo cáo đã đảm bảo tính tuân thủ cao đối với các quy định hiện hành về nội dung và thời gian lập báo cáo và thống nhất với các số liệu trong báo cáo tài chính năm 2019 (đã kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán VACO).
- Công ty đã công bố đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính Quý, Bán niên và cả năm 2019.

Hiệu quả hoạt động của Công ty đã được phản ánh trên Báo cáo tài chính: doanh thu năm 2019 đạt 719,5 tỷ đồng, tăng 2,2 lần so với năm 2018; Lợi nhuận sau thuế đạt 146,24 tỷ đồng, tăng 2,4 lần so với năm 2018..

- Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng cả năm của Công ty 2019 duy trì ở mức cao trong cả năm.

4. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH VÀ NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2019

Về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019:

Chỉ tiêu	KH 2019 (Tỷ đồng)	TH 2019 (Tỷ đồng)	% TH 2019/ KH 2019
Doanh thu (Doanh thu hoạt động và thu nhập khác)	360,83	719,83	199%
Chi phí (Tổng chi phí và chi phí khác)	239,63	537,19	224%
Lợi nhuận trước thuế	121,20	182,64	151%

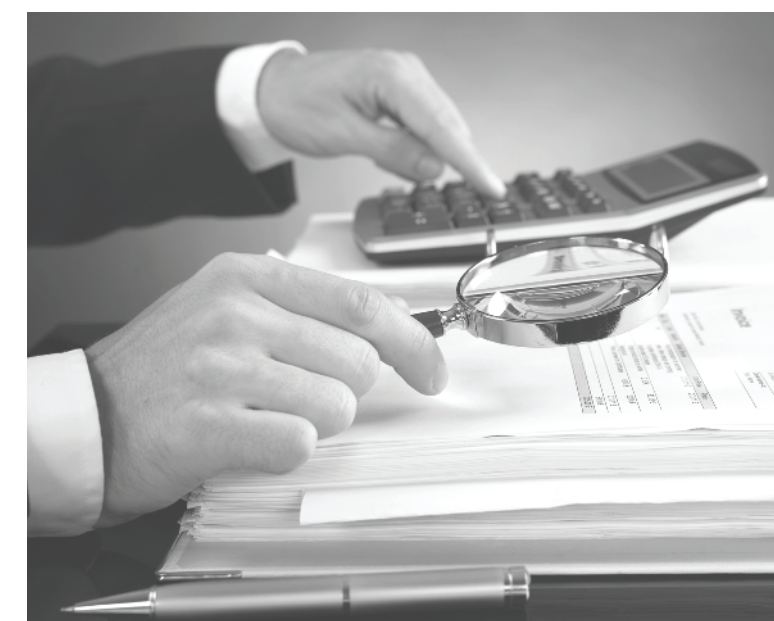
Việc thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được thực hiện hoàn tất trong năm 2019.

TRỌNG TÂM KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2020

1. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của BKS, BKS xác định trọng tâm hoạt động trong năm 2020 như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật và điều lệ trong việc quản trị, điều hành công ty.
- Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành Công ty.
- Giám sát việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020.
- Phối hợp nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2020.
- Thẩm định, giám sát quá trình lập và kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2020.
- Kiểm tra, rà soát các quy trình hoạt động, đề xuất thay đổi, điều chỉnh hoặc ban hành mới các quy trình nếu cần.



HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Hệ thống quản trị rủi ro tại TVSI được định hướng xây dựng theo khung quản trị rủi ro toàn diện với mô hình phòng vệ ba lớp, đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, minh bạch và hiệu quả. Trách nhiệm trong việc quản trị rủi ro được phân định rõ ràng. Từng bộ phận, từng thành viên đều có vai trò quan trọng trong hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện đúng trách nhiệm của mình và hướng đến mục tiêu chung. Việc quản trị rủi ro được thực hiện song hành cùng các hoạt động của Công ty.



LỚP THỨ NHẤT

Bản thân các bộ phận kinh doanh và hỗ trợ có phát sinh rủi ro

- Là lớp đầu tiên và trực tiếp đối diện với rủi ro trong quá trình kinh doanh, việc tham gia vào quá trình Quản trị rủi ro sẽ bảo vệ cho chính mình.
- Là người chịu trách nhiệm chính trong việc quản trị rủi ro trong lĩnh vực mình đảm nhiệm. Bản thân lớp thứ nhất là những chuyên gia trong lĩnh vực của mình, vì vậy có sự hiểu biết sâu sắc và chủ động trong việc Quản trị rủi ro.
- Có trách nhiệm thông báo, báo cáo các rủi ro mình phải đối diện, những khó khăn và kiến nghị trong quá trình Quản trị rủi ro tới các lớp sau, cùng phối hợp để nâng cao khả năng phòng vệ của lớp này.

LỚP THỨ HAI

Bộ phận Quản trị rủi ro

- Hoạt động tập trung và độc lập, có trách nhiệm tổng hợp, phát triển, duy trì và giám sát hoạt động Quản trị rủi ro.
- Hỗ trợ việc Quản trị rủi ro cho lớp thứ nhất thông qua việc đưa ra khung Quản trị rủi ro, chính sách Quản trị rủi ro chung, khẩu vị rủi ro, quy trình Quản trị rủi ro, giúp các bộ phận có cái nhìn đồng nhất về mục tiêu và cách thức Quản trị rủi ro.
- Theo dõi, quan sát tổng thể các rủi ro mà lớp thứ nhất phải đối diện, từ đó điều chỉnh và cân đối rủi ro cho phù hợp với chính sách chung toàn công ty.
- Xây dựng các công cụ, mô hình hỗ trợ lớp thứ nhất trong việc nâng cao hiệu quả phòng vệ rủi ro

LỚP THỨ BA

Bộ phận kiểm toán, kiểm tra, kiểm soát nội bộ

- Lớp thứ ba hoạt động độc lập, giám sát đảm bảo tính tuân trong việc thực hiện trách nhiệm Quản trị rủi ro của lớp thứ nhất theo chính sách, quy trình chung do lớp thứ hai xây dựng và phát triển.
- Từ thực tế kiểm tra, giám sát, lớp thứ ba có những đề xuất cải thiện, nâng cao hiệu quả Quản trị rủi ro cho lớp thứ hai.

■ QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI TVSI

1. XÁC ĐỊNH RỦI RO

TVSI xác định các rủi ro trọng yếu dựa trên rủi ro đã xảy ra, đã được nhận diện trong quá khứ và dự đoán xu hướng, khả năng có thể xảy ra rủi ro trong tương lai. Các phòng/ban/bộ phận trong Công ty chủ động kiểm soát rủi ro trong công việc và gửi báo cáo định kỳ để bộ phận Quản trị rủi ro tổng hợp, ghi nhận và phân tích. Bộ phận Quản trị rủi ro xác định rủi ro dựa trên những cơ sở sau:

- Thay đổi trong chiến lược kinh doanh, trong quy trình vận hành của Công ty;
- Công ty phát triển hoặc ra mắt những sản phẩm mới;
- Có sự thay đổi biến động lớn trong các báo cáo định kỳ của các bộ phận và trong kết quả kinh doanh của Công ty;
- Khuyến cáo từ các Cơ Quan Quản Lý Nhà Nước và bộ phận độc lập Kiểm soát nội bộ;
- Thay đổi về chính sách pháp luật.

2. ĐO LƯỜNG RỦI RO

TVSI sử dụng phương pháp định tính và định lượng cho từng loại rủi ro cụ thể. Với mỗi phương pháp đều đã được trao đổi với các bộ phận nghiệp vụ liên quan nhằm xác định rõ tính hiệu quả và ý nghĩa của các số liệu. Với mỗi phương pháp, TVSI có những đo lường cụ thể:

- Phương pháp định lượng được đo lường và thể hiện bằng số liệu cụ thể hoặc tỷ lệ %;
- Phương pháp định tính được đo lường bằng việc đánh giá, phân loại theo các mức độ nghiêm trọng hoặc cấp độ cảnh báo sau khi đã trao đổi với các bộ phận liên quan.
- Công ty ưu tiên việc sử dụng mô hình để lượng hóa rủi ro. Các mô hình được tìm hiểu phát triển dựa trên các văn bản hướng dẫn của các Cơ Quan Quản Lý Nhà Nước, những mô hình được áp dụng phổ biến theo thông lệ quốc tế và các mô hình được TVSI tự phát triển dựa trên tình hình kinh doanh thực tế của Công ty.

3. THEO DÕI RỦI RO

Các phòng/ban/bộ phận tập trung theo dõi rủi ro tại bộ phận dựa trên những rủi ro mà bộ phận Quản trị rủi ro đã lưu ý và cảnh báo. Bộ phận QTRR theo dõi thông qua các chỉ số đã được lượng hóa, đặt các hạn mức rủi ro, các rủi ro và các mốc cảnh báo. Đồng thời, bộ phận Quản trị rủi ro tính toán dựa trên các dữ liệu có sẵn và đưa ra các kịch bản, xu hướng và kế hoạch để giảm thiểu rủi ro. Khi rủi ro đã có dấu hiệu vượt quá kiểm soát hoặc ở ngưỡng cao, Quản trị rủi ro phối hợp kịp thời với các bộ phận liên quan đưa ra kế hoạch cụ thể để đưa trạng thái rủi ro về mức an toàn.

Quản trị rủi ro thông báo và kết hợp với bộ phận KSNB để theo dõi rủi ro từ các khía cạnh độc lập để có những cảnh báo kịp thời.

4. BÁO CÁO RỦI RO

TVSI duy trì hệ thống báo cáo rủi ro định kỳ hàng ngày, tuần, tháng, năm với nỗ lực cố gắng đưa ra những cảnh báo sớm nhất đến Công ty và các bộ phận liên quan. Đồng thời, TVSI lập các báo cáo định kỳ về tổng quan, xu hướng rủi ro với những nhận định về rủi ro có thể xuất hiện và các rủi ro đang phải đối mặt, khắc phục.

TVSI duy trì việc thường xuyên cải tiến báo cáo để bắt kịp với những thay đổi hiện tại, khắc phục những khuyết điểm của các báo cáo với việc sử dụng mô hình cũ và không hiệu quả. Bộ phận Quản trị rủi ro sẵn sàng dừng việc sử dụng những báo cáo, mô hình và phương pháp lỗi thời và không thể hiện chính xác tình trạng rủi ro của Công ty.

5. XỬ LÝ RỦI RO

TVSI xây dựng các kịch bản có sẵn để xử lý rủi ro khi vượt ngưỡng cho phép, Quản trị rủi ro lượng hóa rủi ro với từng kịch bản và thực hiện xử lý theo đúng như kịch bản đã xảy ra. Bên cạnh đó, Quản trị rủi ro thống nhất với các phòng ban liên quan về cách thức xử lý rủi ro.

Tùy theo mức độ nghiêm trọng, tần suất xảy ra mà TVSI sẽ lựa chọn những hình thức xử lý khác nhau:

- **Tập trung rủi ro trọng yếu:** TVSI tập trung xử lý một hoặc một vài rủi ro trọng yếu mà tổn thất do nó gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính và khả năng hoạt động liên tục của Công ty
- **Khả năng chấp nhận rủi ro:** là khả năng TVSI sử dụng các nguồn lực tài chính có sẵn để bù đắp tại mọi thời điểm những rủi ro trọng yếu hoặc những rủi ro tiềm ẩn mà Công ty chấp nhận.
- **Giảm thiểu rủi ro:** xây dựng các biện pháp, kế hoạch, mô hình phòng tránh nhằm giảm thiểu rủi ro tác động đến Công ty hoặc giảm thiểu tỷ lệ xảy ra rủi ro.
- **Chia sẻ rủi ro:** Công ty chuyển tất cả hoặc một phần rủi ro cho các đối tượng khác thông qua việc mua bảo hiểm (nếu có) cho các hoạt động kinh doanh.



RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hoạt động chính của TVSI liên quan đến rủi ro thị trường là các hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và tự doanh chứng khoán. Để kiểm soát được những rủi ro trên, TVSI đã thực hiện những nghiệp vụ QTRR chuyên sâu như:

- Đánh giá rủi ro thị trường ở mức cao, chiến lược đầu tư - tự doanh chủ động giảm tỷ trọng cổ phiếu (tài sản rủi ro cao) và cơ cấu sang tài sản rủi ro thấp hơn (trái phiếu doanh nghiệp).
- Thành lập Hội đồng đầu tư, Hội đồng tín dụng với các chức năng nhiệm vụ rõ ràng và họp định kỳ hàng tháng. Đảm bảo việc đầu tư tự doanh và cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ được an toàn với trong hạn mức của hội đồng phê duyệt.
- Lựa chọn đầu tư và tài sản đảm bảo để thực hiện cho vay ký quỹ một cách kỹ càng thông qua những mô hình tính toán về cơ bản và định giá tài sản.
- Giám sát tình hình dư nợ, mức độ tập trung dư nợ theo mã và theo khách hàng để xây dựng hệ thống hạn mức nhằm có những cảnh báo kịp thời.



RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh toán xảy ra khi đối tác mà TVSI cho vay giao dịch ký quỹ không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản như cam kết. Để phòng ngừa rủi ro thanh toán, Công ty đã thực hiện:

- Đánh giá lại khả năng thanh toán của các đối tác, chủ động giảm tỷ trọng dư nợ margin của nhóm các khách hàng có rủi ro thanh toán cao.
- Xây dựng quy chế giao dịch ký quỹ làm cơ sở cho hoạt động cho vay quy định rõ ràng về hạn mức cho vay, tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo, cách thức xử lý tài sản và có thông báo rõ ràng đến với khách hàng, đối tác.
- Xây dựng mô hình phân loại tài sản, đảm bảo tài sản được dùng để ký quỹ cho vay là những tài sản giá trị và dễ dàng xử lý thu hồi khi cần thiết.
- Đo lường rủi ro thanh toán dựa trên mô hình mà TVSI xây dựng.
- Giám sát tình hình cho vay tập trung quá nhiều vào một loại tài sản hoặc một khách hàng, đối tác.



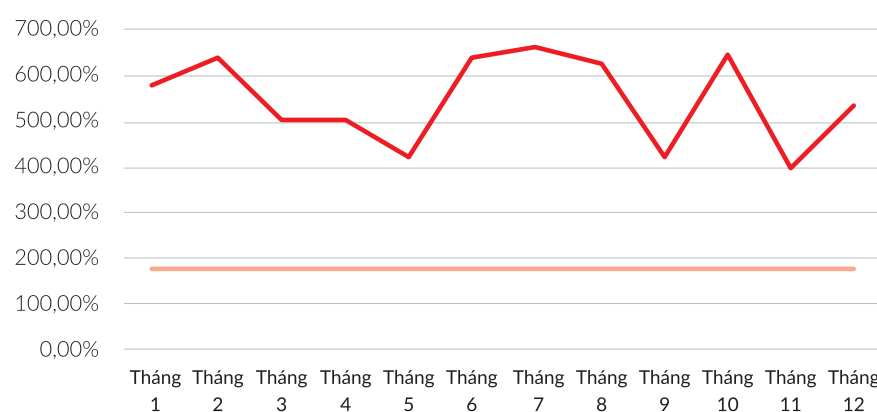
RỦI RO THANH KHOẢN

TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

- Tại TVSI
- Hạn mức của CQQL

TVSI luôn duy trì tỷ lệ hợp lý và cân đối giữa tài sản và nợ đảm bảo được việc thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn. Thể hiện rõ ràng qua việc:

- Tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty luôn được duy trì ở mức cao, đảm bảo luôn vượt xa yêu cầu của cơ quan quản lý là 180%.
- Quản lý rõ ràng, tách biệt giữa tiền gửi của nhà đầu tư và tiền của TVSI.
- Xây dựng hệ thống báo cáo thường xuyên, chi tiết, cập nhật tự động tình trạng tài chính của Công ty với các số liệu đầy đủ.



RỦI RO PHÁP LÝ VÀ TUÂN THỦ

TVSI luôn cố gắng cập nhật nhanh nhất và hoạt động theo các văn bản pháp lý hiện hành, đồng thời luôn thực hiện đúng hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, để phòng ngừa rủi ro pháp lý và tuân thủ, TVSI thực hiện:

- Cập nhật thường xuyên các văn bản pháp lý và phổ biến tới toàn hệ thống TVSI, thông báo đến khách hàng nếu cần thiết.
- Liên tục điều chỉnh quy trình, quy chế để phù hợp với các văn bản hiện hành và thực tế tình hình kinh doanh của Công ty.
- Hợp tác hỗ trợ các cơ quan chức năng trong việc báo cáo, công bố thông tin, kiểm tra, thanh tra các giao dịch bất thường.
- Ban hành các văn bản nội bộ nêu rõ quy trình nghiệp vụ và các bước thực hiện kiểm tra, giám sát chéo, báo cáo nhằm tăng tính tuân thủ.
- Nâng cao ý thức tuân thủ thông qua các Bản tin cảnh báo rủi ro, bản tin pháp luật và đào tạo hướng dẫn quy trình, tuân thủ.
- Các hoạt động kiểm tra của bộ phận kiểm soát nội bộ diễn ra thường xuyên và chặt chẽ. Sẵn sàng xử lý nghiêm trọng các trường hợp vi phạm theo quy định của Công ty, đồng thời khắc phục và sửa đổi tránh lặp



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2020

Tiếp tục thúc đẩy hoạt động giám sát tuân thủ: Quản trị rủi ro đóng vai trò định hướng, hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động giám sát tuân thủ tại cấp độ vận hành, nghiệp vụ thông qua đề xuất các cơ chế, chính sách về chức năng, quyền hạn và trách nhiệm cho các bộ phận nghiệp vụ. Quản trị rủi ro thực thi vai trò giám sát ở cấp độ của tuyến phòng ngự thứ hai đối với việc thực thi các chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của các bộ phận nghiệp vụ.

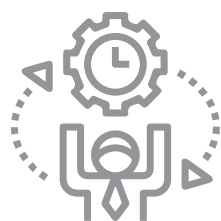
Giám sát các chỉ số rủi ro và cảnh báo sớm: Quản trị rủi ro tiếp tục thực thi vai trò giám sát các chỉ số rủi ro và cảnh báo sớm cho các nghiệp vụ đầu tư, nguồn vốn và cho vay. Phối hợp với các bộ phận liên quan xây dựng công cụ, phát triển mô hình đo lường các mức độ rủi ro, kiểm soát những thay đổi lớn trong các chỉ số để đảm bảo không có những rủi

ro tiềm ẩn.

Thực thi vai trò đánh giá, đề xuất, góp ý về rủi ro thông qua các đề xuất, đánh giá rủi ro khi là thành viên của Hội đồng đầu tư, Ban thẩm định và qua cơ chế báo cáo, đề xuất trực tiếp lên Tổng Giám đốc.

Kết hợp với bộ phận pháp chế thường xuyên rà soát, đề xuất, cập nhật lại các quy trình nội bộ nhằm tuân thủ đúng các văn bản pháp luật được ban hành, đảm bảo chặt chẽ quá trình vận hành đồng thời làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các cá nhân, bộ phận giúp quá trình làm việc của Kiểm soát nội bộ trở nên rõ ràng, để thực hiện.

Chú trọng công tác đào tạo nhận thức về quản trị rủi ro, truyền thông văn hóa tuân thủ và ý thức trách nhiệm đến từng cá nhân, bộ phận trong Công ty.



RỦI RO HOẠT ĐỘNG

TVSI hiểu rõ tầm nghiêm trọng của rủi ro hoạt động có thể xảy ra tại Công ty và xây dựng các biện pháp để giảm thiểu rủi ro như sau:

- Xây dựng quy trình, quy chế, quy định và các văn bản hướng dẫn nhằm đảm bảo chặt chẽ công tác quản lý, hoạt động trong các bộ phận cũng như liên kết trong Công ty. Các văn bản nêu rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đồng thời cũng quy định chi tiết nhiệm vụ, chức năng trong công việc.
- TVSI thống kê các lỗi hoạt động xảy ra theo các cấp độ nghiêm trọng và mức độ thường xuyên nhằm xử lý khắc phục, giảm thiểu rủi ro phát sinh.
- TVSI không chấp nhận xảy ra và xử lý rõ ràng những hành động cố tình làm sai dẫn đến mất mát cho khách hàng, thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty về cả tài chính cũng như hình ảnh, uy tín.
- Để đảm bảo cho quá trình hoạt động diễn ra hiệu quả, trong năm 2019, TVSI đã cho ban hành và sửa đổi gần 30 văn bản trong số hơn 80 Quy trình, Quy chế, Quy định các loại.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan về phát triển bền vững 01
Thông tin chung 02

06

TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo Phát triển bền vững được xây dựng nhằm tổng hợp những công bố và hoạt động của TVSI trong năm 2019 hướng tới việc phát triển bền vững Công ty. Đây là năm thứ năm TVSI thực hiện báo cáo này, và là năm đầu tiên thực hiện theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững dành cho lĩnh vực Tài chính của Tổ chức Báo cáo sáng kiến toàn cầu (Global Reporting

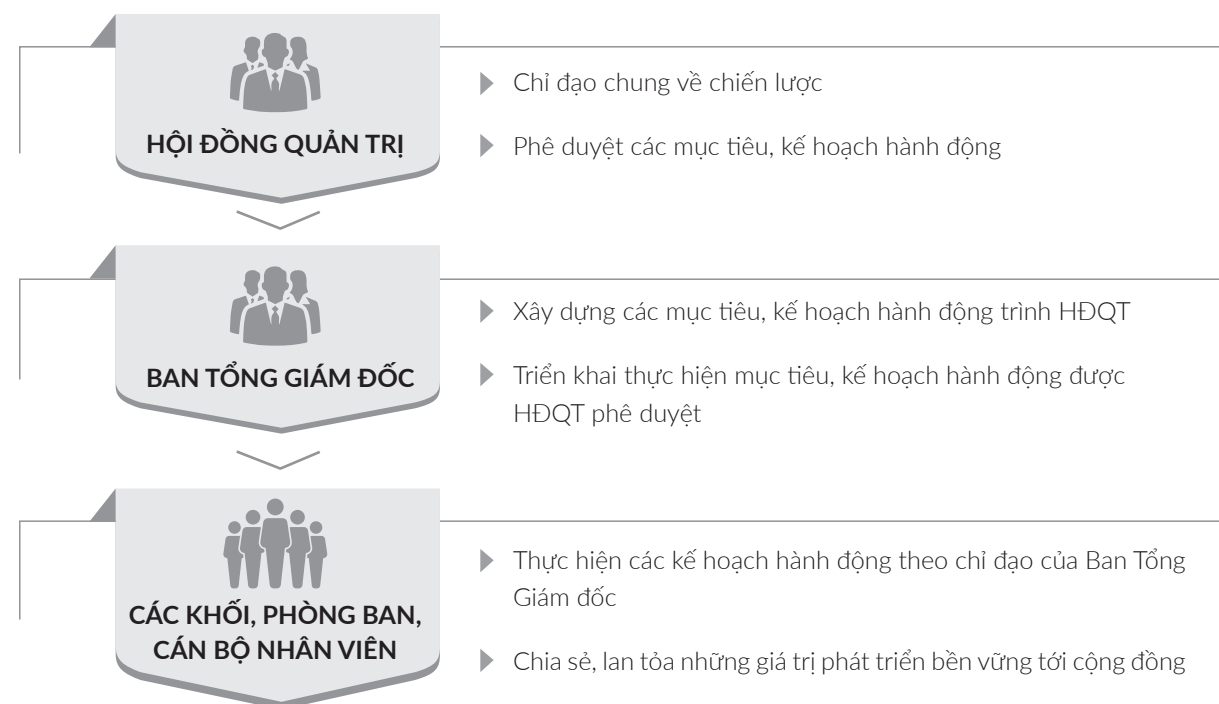
Initiative - GRI). Theo đó, TVSI lựa chọn các nguyên tắc: “Sự tham gia của các bên” và “Tính trọng yếu” để xác định nội dung báo cáo. Đồng thời, TVSI cũng lựa chọn các nguyên tắc: “Tính rõ ràng” và “Tính đáng tin cậy” để xác định chất lượng của Báo cáo phát triển bền vững.



THÔNG TIN CHUNG

CHIẾN LƯỢC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



QUY TRÌNH QUẢN TRỊ THÔNG TIN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quy trình quản trị thông tin phát triển bền vững của TVSI gồm sáu bước nhằm đảm bảo độ tin cậy, đầy đủ, kịp thời của thông tin như sau:








Địa chỉ nhận phản hồi liên quan đến báo cáo phát triển bền vững của TVSI:




Bà **Nguyễn Thị Lan Anh**
 Chức vụ tại TVSI : Trưởng phòng PR & Marketing
 Điện thoại : 0243.728.0921
 Email : anhtl@tvs.com.vn

NHẬN DIỆN CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC MỐI QUAN TÂM

Thông qua điều tra bằng các kênh khác nhau, TVSI xác định được các bên liên quan, các mối quan tâm của họ đối với vấn đề phát triển bền vững của TVSI cũng như đưa ra các giải pháp để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Chi tiết bên liên quan	Kênh tiếp cận thông tin và ghi nhận phản hồi	Mối quan tâm	Giải pháp đáp ứng kỳ vọng	Kết quả đạt được năm 2019
Bên trong doanh nghiệp	 CỔ ĐÔNG/ NHÀ ĐẦU TƯ	<ul style="list-style-type: none"> Tại Đại hội đồng cổ đông Thông qua website của TVSI Email, facebook, gửi thư qua đường Bưu điện 	<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động kinh doanh hiệu quả Đầy đủ, minh bạch, kịp thời về thông tin công bố Đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cổ đông 	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua 2019 Chuyên nghiệp hóa hoạt động của Bộ phận báo cáo, công bố thông tin Thực hiện đúng các cam kết đối với cổ đông về các quyền lợi hợp pháp Hoàn thiện và không ngừng nâng cao hệ thống quản trị Công ty theo quy định pháp luật và các thông lệ quản trị tốt nhất 	<ul style="list-style-type: none"> TOP 500 doanh nghiệp tư nhân có lợi nhuận tốt nhất 2019 TOP 1 thị phần môi giới cổ phiếu sàn UPCOM quý 3/3019 Lợi nhuận trước thuế đạt gấp 2,4 lần kế hoạch đề ra Quản trị, điều hành nguồn vốn tài sản an toàn, hiệu quả. Cụ thể Tổng tài sản: 2.217 tỷ đồng; Vốn chủ sở hữu: 1.332 tỷ đồng; Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng trên 300% và vượt xa mức yêu cầu của các cơ quan quản lý 180%) ROE (11,57%), ROA (6,94%), EPS (1.354đ) Ngày càng hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch
	 NGƯỜI LAO ĐỘNG	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua bộ phận nhân sự, công đoàn Thông qua hội nghị sơ kết, tổng kết Thông qua trao đổi trực tiếp, gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook Thông qua các chương trình đào tạo nội bộ 	<ul style="list-style-type: none"> Môi trường làm việc tốt Công việc ổn định Cơ hội thăng tiến, phát triển Trả lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh, đầy đủ, minh bạch Chính sách đào tạo và phát triển đội ngũ tốt 	<ul style="list-style-type: none"> Không ngừng mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo công việc ổn định và thu nhập ngày càng cao cho cán bộ, nhân viên Không ngừng hoàn thiện văn hóa Công ty nhằm tạo dựng môi trường làm việc hiệu quả, gắn kết, cạnh tranh Lên kế hoạch và thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo phù hợp trong và ngoài Công ty Thường xuyên tổ chức đánh giá nhân sự, đề bạt, khen thưởng cán bộ, nhân viên làm tốt 	<ul style="list-style-type: none"> Tăng thêm 99 lao động góp phần đưa số lượng cán bộ, nhân viên lên 293 người năm 2019 Lương trung bình đạt 16 triệu đồng/người Tổng cộng đã có 248 CBNV tham gia đào tạo với 32 khóa đào tạo nội bộ và thuê ngoài & với chi phí khoảng 1,2 tỷ đồng Bổ nhiệm 22 người, nâng lương 75 người và khen thưởng nhiều cán bộ, nhân viên xuất sắc theo quý, năm Trích và nộp đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho 100% cán bộ nhân viên Khám sức khỏe thường niên cho 100% CBNV Chế độ phúc lợi trong các dịp Lễ, Tết & ngày kỷ niệm sinh nhật cùng với chế độ nghỉ mát, teambuilding... cho toàn bộ CBNV, ESOP cho CBQL

Bên liên quan	Chi tiết bên liên quan	Kênh tiếp cận thông tin và ghi nhận phản hồi	Mối quan tâm	Giải pháp đáp ứng kỳ vọng	Kết quả đạt được năm 2019
Bên ngoài doanh nghiệp	 KHÁCH HÀNG	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua ý kiến của đội ngũ môi giới và nhân viên tiếp xúc khách hàng Trực tiếp tiếp xúc tại Sàn giao dịch Trung tâm dịch vụ khách hàng 1900 1885 Khách hàng gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook 	<ul style="list-style-type: none"> Đáp ứng số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt, cạnh tranh với giá phí hợp lý Ứng dụng CNTT nhanh, hiện đại trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ Đảm bảo quy mô và sự ổn định nguồn vốn cho vay Trình độ và sự chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự 	<ul style="list-style-type: none"> Chuyên nghiệp hóa bộ phận nghiên cứu & phát triển sản phẩm Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật và nâng cấp hệ thống CNTT Chủ động về năng lực tài chính nhằm cung cấp ngày càng đa dạng và ổn định các sản phẩm dịch vụ tài chính, chứng khoán Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, cử cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để nâng cao trình độ và kỹ năng chăm sóc khách hàng 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty CK thành viên tiêu biểu của năm (HNX) TOP 1 thị phần môi giới chứng khoán sàn UPCOM quý 3/2019; Thị phần Môi giới tăng 26% so với năm 2018 Cải tiến & hoàn thiện cơ sở hạ tầng CNTT, cơ sở vật chất Công ty Cung cấp cho KH các tiện ích và dịch vụ mới: Sản phẩm chứng khoán Phái sinh, nâng cấp hiệu suất và tính năng của các hệ thống phần mềm lõi quản lý giao dịch cổ phiếu và trái phiếu Xây dựng và đưa hệ thống CRM vào hoạt động chăm sóc khách hàng... Cung cấp các gói sản phẩm, dịch vụ tài chính đa dạng, linh hoạt và có khả năng cạnh tranh tốt (về tốc độ đặt lệnh, quy mô vốn cho vay, lãi suất cho vay...) Hợp tác chặt chẽ với đối tác chiến lược SCB để gia tăng chất lượng dịch vụ tài chính và các tiện ích cho khách hàng
	 NHÀ CUNG CẤP	<ul style="list-style-type: none"> Gặp gỡ, đàm phán trực tiếp Thông qua website, hồ sơ đánh giá năng lực, tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> Quy trình lựa chọn nhà cung cấp đảm bảo công bằng, minh bạch Uy tín trong thanh toán 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng quy trình đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, kiểm soát đối với quy trình mua sắm, cùng hoạt động pháp chế, kế toán trong rà soát hợp đồng 	<ul style="list-style-type: none"> Mua sắm với tài sản lớn: Thành lập Tổ chấm thầu với các thành viên đến từ nhiều phòng ban liên quan và tổ chức đấu thầu theo đúng quy trình nội bộ của Công ty Mua sắm với tài sản có giá trị nhỏ: Thực hiện lựa chọn nhà cung cấp trên cơ sở ít nhất 3 báo giá Ban kiểm soát, Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Bộ phận Kiểm soát nội bộ định kỳ kiểm tra quy trình mua sắm
	 CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRỰC TIẾP VÀ CƠ QUAN TRUYỀN THÔNG	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp xúc trực tiếp Qua hội thảo, hội nghị Thông qua trao đổi điện thoại, gửi thư, email 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ pháp luật Hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro Đóng góp ngân sách Nhà nước Chia sẻ ý kiến, quan điểm về thị trường và góp ý hoàn thiện 	<ul style="list-style-type: none"> Đẩy mạnh các hoạt động quản trị Công ty, pháp chế, kiểm tra, kiểm soát nội bộ Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua Chủ động gửi báo cáo, cung cấp thông tin, chia sẻ ý kiến góp ý và kinh nghiệm chuyên môn 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ tốt quy định pháp luật hiện hành trong hoạt động kinh doanh Tham gia đầy đủ các buổi hội thảo, đóng góp ý kiến xây dựng văn bản pháp luật, tham gia thử nghiệm nâng cấp hệ thống, lắp đặt hệ thống mới... của UBCKNN, HNX, HSX Đóng góp đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ tài chính theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước Chủ động, kịp thời cung cấp ý kiến, nhận định cho các cơ quan truyền thông

Bên liên quan	Chi tiết bên liên quan	Kênh tiếp cận thông tin và ghi nhận phản hồi	Mối quan tâm	Giải pháp đáp ứng kỳ vọng	Kết quả đạt được năm 2019
Bên ngoài doanh nghiệp	 CƠ QUAN THUẾ	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua trao đổi trực tiếp, gọi điện thoại, email, Các cuộc thanh kiểm tra định kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước 	<ul style="list-style-type: none"> Phối hợp các phòng ban rà soát thường xuyên các hoạt động và các quy định pháp luật để đảm bảo tính và nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế, phí vào ngân sách Nhà nước 	<ul style="list-style-type: none"> Nộp thuế đầy đủ, kịp thời (Năm 2019 đã nộp 34,6 tỷ đồng/35,8 tỷ đồng vào ngân sách Nhà nước (sẽ cập nhật theo BCTC Quý 4)
	 THẾ HỆ TRẺ	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua các chương trình, hội nghị sinh viên 	<ul style="list-style-type: none"> Các chương trình, hoạt động tài trợ phát triển thế hệ trẻ 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng hạn mức tối thiểu hàng năm tham gia ủng hộ, tài trợ phát triển thế hệ trẻ 	<ul style="list-style-type: none"> Tài trợ học bổng cho Quỹ Khuyến học của Khoa Kinh tế học - ĐH Kinh tế Quốc dân, dành tặng cho các sinh viên nghèo vượt khó Tạo cơ hội thực tập và làm việc ngắn hạn cho nhiều sinh viên đang học và mới ra trường
	 CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ XÃ HỘI	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua chính quyền địa phương, cơ quan sở tại Tiếp xúc trực tiếp 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường; nâng cao chất lượng cuộc sống Triển khai các hoạt động thiện nguyện 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường; nâng cao chất lượng cuộc sống Triển khai các hoạt động thiện nguyện Triển khai các hoạt động đầu tư, hỗ trợ đầu tư vào các lĩnh vực phát triển bền vững Tham gia đóng góp, ủng hộ, tài trợ cho các chương trình an sinh xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> Đưa bộ tiêu chuẩn 5S vào quản trị vận hành Công ty, nhằm tác động ít nhất đến môi trường Tổ chức các chương trình thiện nguyện: Hiến máu nhân đạo định kỳ; Phát 300 suất cơm từ thiện tại Viện Huyết học truyền máu TW; Xây cầu dân sinh tại xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA TVSI

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2019, TVSI đã phát huy mọi nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp, tận dụng mọi cơ hội của thị trường để phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Tuy diễn biến TTCK Việt Nam năm 2019 có nhiều bất lợi, nhưng với tâm thế mới "Sẵn sàng nắm bắt cơ hội", TVSI không chỉ hoàn thành mà còn vượt xa kế hoạch đã đề ra, góp phần củng cố định hướng phát triển bền vững Công ty.

VỀ DOANH THU, LỢI NHUẬN

Doanh thu và thu nhập khác đạt **719,83** tỷ đồng, hoàn thành **234,39%** kế hoạch và gấp **2,2 lần** năm 2018:

	Thực hiện 2019 (tỷ đồng)	Kế hoạch 2019 (tỷ đồng)	Đánh giá hoàn thành kế hoạch	Thực hiện 2018 (tỷ đồng)	Đánh giá so với năm trước
Doanh thu và thu nhập khác	719,83	360,83	199,49%	327,60	219,73%
Lợi nhuận trước thuế	182,6	121,20	150,66%	75,15	242,98%

VỀ TỔNG TÀI SẢN VÀ VỐN

Tổng tài sản của Công ty đã tăng gần 11% so với năm trước, đạt **2.217,66** tỷ đồng trong đó riêng vốn chủ sở hữu đã tăng **11,14%**, đạt **1.332,39** tỷ đồng.

	Thực hiện 2019 (tỷ đồng)	Thực hiện 2018 (tỷ đồng)	Đánh giá
Tổng tài sản	2.217,66	1.999,32	110,92%
Vốn chủ sở hữu	1.332,39	1.196,44	111,14%
Vốn điều lệ	1.080	1.080	100%

VỀ THỊ PHẦN MÔI GIỚI

Thị phần môi giới chứng khoán trên sàn HNX là **2,59%**, trên sàn HSX là **1,70%** - tất cả đều tăng trưởng tốt so với năm 2018.

Thị phần môi giới chứng khoán của TVSI trên sàn UPCOM đạt TOP 10 trong quý 2/2019 và vị trí số 1 trong quý 3/2019.

	Năm 2019	Năm 2018	Đánh giá so với năm trước
HNX	2,59%	2,21%	117,19%
HSX	1,70%	1,43%	118,89%
Thị phần chung	1,94%	1,54%	125,97%

VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN TÀI SẢN CHO KHÁCH HÀNG

Bên cạnh việc nâng cao hiệu quả kinh doanh, TVSI luôn nỗ lực giữ uy tín với khách hàng bằng việc giữ an toàn tuyệt đối cho tài sản của khách hàng dưới dạng thông tin, tiền và chứng khoán. Với chiến lược kinh doanh bền vững là trọng tâm, chú trọng mục tiêu nâng cao chất lượng hơn mục tiêu tăng trưởng, trong năm 2019, TVSI tiếp tục tập trung vào việc nâng cao chất lượng môi giới, chất lượng tư vấn đầu tư, chất lượng sản phẩm, dịch vụ và đặc biệt là nâng cao chất lượng quản trị rủi ro nhờ đó giá trị tài sản ròng của khách hàng không ngừng được nâng lên. Tính đến 31/12/2019:

Công ty đang quản lý hơn 67.000 tài khoản, tăng 6,35% so với năm trước	Tổng tài sản quản lý của khách hàng đạt 10.375 tỷ đồng
---	--

VỀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Riêng trong năm 2019, TVSI thực hiện nghĩa vụ đóng thuế vào Ngân sách Nhà nước là 100,16 tỷ đồng, tăng 119,17% so với cùng kỳ năm 2018.

VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị Doanh nghiệp nói chung

Hệ thống quản trị doanh nghiệp của TVSI được xây dựng dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam về quản trị công ty chứng khoán và những thông lệ tốt nhất về quản trị nhằm mục tiêu phát triển dài hạn, cân bằng lợi ích của doanh nghiệp và các bên liên quan.

Quản trị tài chính

Tỷ lệ an toàn tài chính trong năm 2019 của Công ty đạt 520,87%, vượt xa hạn mức cho phép của cơ quan quản lý 180%, cho thấy Công ty đã thực hiện tốt các giải pháp để nâng cao năng lực tài chính của Công ty, tuân thủ và kiên định theo định hướng phát triển TVSI ngày càng lớn mạnh, bền vững.

	Thực hiện 2019	Thực hiện 2018	Đánh giá
Tỷ lệ an toàn tài chính	520,87%	576,79%	90,30%
Tỷ lệ an toàn tài chính cao nhất	657,6%	1394,0%	47,2%

Quản trị tốt các loại rủi ro trọng yếu

Công ty đã xây dựng và vận hành hệ thống quản trị rủi ro theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành bao gồm nhân sự, chính sách, quy chế, quy trình.... nhằm mục tiêu ngăn ngừa, hạn chế và xử lý các rủi ro trọng yếu phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Chính sách quản trị rủi ro của TVSI được xây dựng thành văn bản theo đó mọi cán bộ, nhân viên trong Công ty đều được quyền tiếp cận bộ chính sách này và nắm vững để thực hiện. Trong năm 2019, TVSI đã chủ động phòng tránh các loại rủi ro, đặc biệt là các rủi ro thanh toán và rủi ro thị trường nhờ đó đã không phát sinh các khoản nợ xấu cho Công ty, danh mục đầu tư của Công ty đã sinh lời một cách hiệu quả.

Tăng cường các hoạt động kiểm soát

Bộ phận Pháp chế thường xuyên tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban, chi nhánh, khách hàng và đối tác. Trong năm 2019, bộ phận thường xuyên đóng góp ý kiến tư vấn; soạn thảo, soát xét tài liệu, văn bản, hợp đồng... Đây là khâu quan trọng nhằm góp phần ngăn ngừa rủi ro pháp lý cho Công ty.

Bộ phận Kiểm soát Nội bộ là bộ phận đầu mối chịu trách nhiệm giám sát tuân thủ trên phạm vi toàn Công ty. Hoạt động kiểm soát được thực hiện nhằm giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật của Công ty và người hành nghề chứng khoán; giám sát việc thực hiện các quy chế, quy trình, quy định nội bộ; giám sát các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên; giám sát việc thực hiện ủy quyền của những người được ủy quyền; giám sát các tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty; giám sát việc tách bạch tài khoản và đảm bảo an toàn tiền và chứng khoán của khách hàng. Ngoài ra, hoạt động kiểm soát còn được thực hiện bất thường theo yêu cầu của Ban Điều hành hoặc theo đánh giá về khả năng xảy ra sai sót, rủi ro của chính bộ phận. Thông qua quá trình kiểm soát, bộ phận kiểm soát nội bộ đã tham mưu cho Ban Điều hành và các chi nhánh, phòng ban xử lý nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và kiểm soát.

QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Là công ty chứng khoán quản lý hàng vạn tài khoản bao gồm tiền và chứng khoán của khách hàng do đó yêu cầu bảo mật thông tin của khách hàng luôn được Công ty ưu tiên và chú trọng hàng đầu.

Công ty đã ban hành các quy định nội bộ về bảo mật thông tin khách hàng cũng như chế tài xử lý nếu làm lộ thông tin khách hàng. Các phần mềm giao dịch chứng khoán và kế toán của Công ty đều được cung cấp bởi các đối tác uy tín, phân quyền sử dụng và khai thác thông tin, số liệu dựa trên sự đề xuất bằng văn bản của trưởng phòng, sự phê duyệt của Ban lãnh đạo và sự thực hiện phân quyền của phòng Công nghệ thông tin. Công ty cũng trang bị các phần mềm bảo mật, chống truy cập bất hợp pháp cho hệ thống website, phần mềm của Công ty. Các hợp đồng, hồ sơ, giấy tờ liên quan đến thông tin khách hàng đều được quản lý, theo đúng quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước.

SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG

Trong năm 2019, TVSI tiếp tục gia tăng sự hiện diện trên Thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua các sự kiện quan trọng sau:

- TVSI gia nhập TOP các công ty chứng khoán có thị phần môi giới cao trong năm 2019, đặc biệt TOP 1 thị phần UPCOM quý 3/2019
- TVSI được vinh danh thành viên tích cực của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)
- TVSI cùng Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Ủy ban chứng khoán Nhà nước (SSC) tiếp đón, làm việc và chia sẻ kinh nghiệm với phái đoàn Sở giao dịch Chứng khoán Yangon - Myanmar (YSX)
- TVSI nằm trong TOP 500 doanh nghiệp tư nhân có lợi nhuận tốt nhất năm 2019
- TVSI tiếp đón nhiều đối tác tiềm năng, tổ chức đầu tư... quan tâm đến hoạt động kinh doanh của TVSI và có mong muốn hợp tác với TVSI trong nhiều lĩnh vực như góp vốn trở thành cổ đông chiến lược, đầu tư, tư vấn, dịch vụ tài chính...

HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG, NƯỚC

Với đặc thù của công ty chứng khoán, vật liệu chủ yếu Công ty sử dụng là giấy in, mực in, biểu mẫu, sách báo tài liệu, văn phòng phẩm các loại với số lượng sử dụng hàng năm không lớn nên không có ảnh hưởng đáng kể đến môi trường.

Đối với vật liệu dưới dạng giấy in, mực in, văn phòng phẩm các loại, để quản lý hiệu quả, đầu năm Công ty ban hành định mức tiêu dùng vật liệu theo phòng, ban nghiệp vụ dựa trên mức tiêu hao phổ biến của các năm trước và thông báo cho các Trưởng phòng biết để theo dõi trong suốt năm. Hàng tháng, phòng, ban nghiệp vụ phải gửi đề xuất vật liệu sử dụng trong tháng để phòng Hành chính Quản trị cấp phát theo yêu cầu. Trong trường hợp trong tháng phát sinh vật liệu đột biến thì Trưởng phòng phải gửi giải trình thỏa đáng mục đích sử dụng có phát sinh đột biến đó. Riêng giấy in, Công ty khuyến khích in hai mặt. Trong trường hợp phải in một mặt thì những giấy bỏ đi sẽ được tận dụng để in nháp... Đối với hợp đồng, Công ty lưu một bản tại TVSI, các phòng ban liên quan lưu bản scan. Mực in và các văn phòng phẩm khác được cấp phát sử dụng một lần, biểu mẫu được cấp phát theo tiến độ sử dụng thực tế.

Đối với tài liệu sách báo, Công ty luôn khuyến khích cán bộ, nhân viên đọc báo mạng. Tuy vậy, đối với một số loại tài liệu, sách báo không có trên mạng, đầu năm phòng ban đăng ký các loại sách, báo cần thiết.

Tương tự vật liệu, Công ty không sử dụng nhiều điện, nước do đặc thù là công ty cung cấp dịch vụ.

Đối với vấn đề tiết kiệm năng lượng

- Công ty lắp đặt toàn bộ hệ thống chiếu sáng bằng các thiết bị tiết kiệm điện
- Các phòng ban đều được thiết kế có nhiều cửa sổ để tăng cơ hội sử dụng ánh sáng mặt trời và gió tự nhiên
- Công ty ký Hợp đồng bảo dưỡng định kỳ hệ thống điều hòa và máy móc (máy tính, máy in...) để đảm bảo duy trì công suất máy, hạn chế thất thoát điện năng
- Công ty không khuyến khích cán bộ nhân viên làm việc ngoài giờ hành chính để đảm bảo tái sản xuất sức lao động cũng như tiết kiệm điện năng cho Công ty. Muốn làm việc thêm giờ, cán bộ nhân viên phải đăng ký trước.

Đối với vấn đề tiết kiệm nước

- Phòng Hành chính Quản trị được phân công thường xuyên kiểm tra các vòi nước đảm bảo không bị rò rỉ nước, bỏ quên không tắt vòi nước...
- Nước uống đóng bình hạn chế sử dụng, chủ yếu Công ty dùng chung hệ thống nước uống với tòa nhà, tiết kiệm & hạn chế rác thải ra môi trường.
- Bên cạnh thực hiện các chính sách, thủ tục tiết kiệm điện năng và nước, Công ty cũng ban hành các chế tài đối với các phòng ban, cán bộ, nhân viên vi phạm quy định về sử dụng điện, nước như bỏ quên không tắt điện chiếu sáng, điều hòa, vòi nước hoặc sử dụng nước không tiết kiệm.

TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Để góp phần giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, nhân viên vệ sinh được yêu cầu quét dọn hằng ngày tại tất cả các khu vực. Cán bộ, nhân viên được yêu cầu thường xuyên lau bàn làm việc và các thiết bị sử dụng đồng thời sắp xếp tài liệu gọn gàng, khoa học... theo tiêu chuẩn 5S.

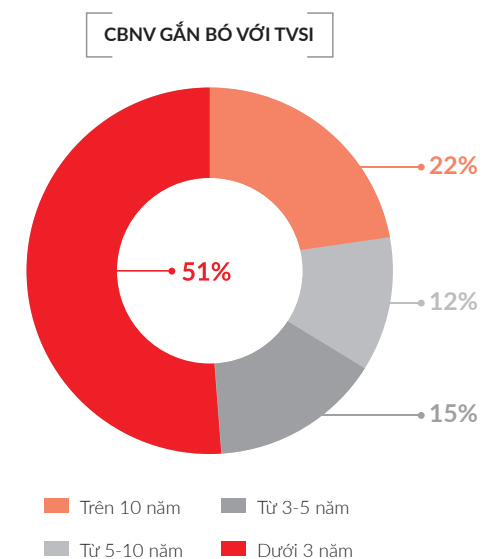
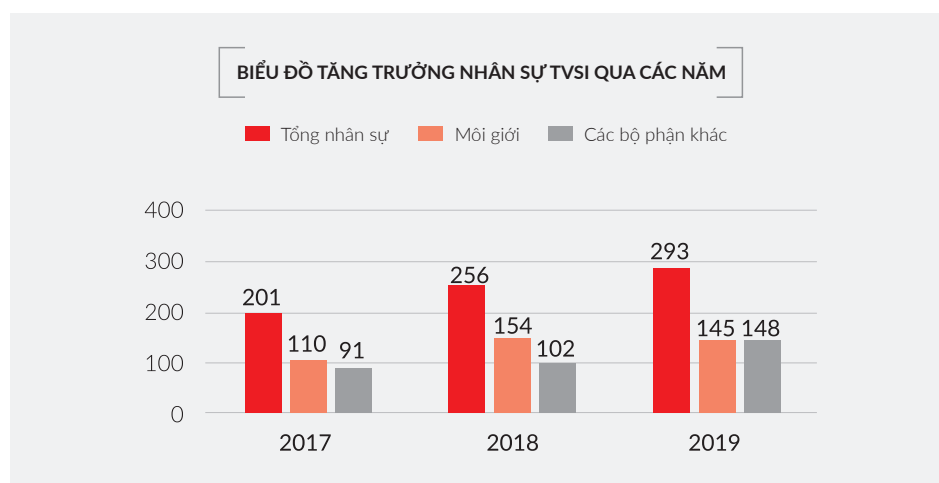
Trong năm 2019, Công ty không ghi nhận có trường hợp nào vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, Công ty cũng thực hiện nhiều biện pháp để giảm thiểu phát thải và chất thải ra môi trường. Cụ thể:

- | | |
|----------------------------------|---|
| Đối với hệ thống điều hòa | <ul style="list-style-type: none"> Sử dụng hệ thống điều hòa với công nghệ mới và thường xuyên kiểm tra để tránh rò rỉ, phát thải chất khí gây hại cho môi trường. |
| Đối với rác thải | <ul style="list-style-type: none"> Rác thải từ văn phòng được phân loại thành các loại rác hữu cơ, rác có thể tái chế, rác thải không tái chế Đối với rác thải độc hại như mực in, pin, bóng đèn: Được gom riêng để bàn giao cho bên cung cấp mực in hoặc Công ty thu gom rác Mỗi CBNV được phát tặng một bộ đồ cá nhân (thìa, muỗng, ống hút) bằng gỗ và khuyến khích sử dụng thay thế các sản phẩm dùng một lần. |

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Với các chính sách thu nhập tốt, môi trường làm việc văn minh, thân thiện, TVSI không chỉ thu hút nguồn lực có chất lượng mà đa số CBNV đều có nguyện vọng được làm việc và gắn bó lâu dài cùng TVSI.



Hỗ trợ đầy đủ chế độ phụ cấp, phúc lợi cho người lao động và thân nhân

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác tùy thuộc theo đặc thù công việc, vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (như phụ cấp điện thoại, xăng xe, ăn ca, công tác phí, sinh nhật, ngày 8/3, ngày 20/10, ngày 19/11 – ngày dành riêng cho nam giới của Công ty...)

Lao động nữ được nghỉ đủ 6 tháng khi sinh con và được giảm 1 giờ làm khi mang thai từ tháng thứ 7 và sau khi sinh con trong vòng một năm. Lao động nam được nghỉ từ 5-14 ngày khi vợ sinh con. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng thai, dưỡng sức, nghỉ phép... đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động và không có phát sinh khiếu nại nào về việc thực hiện chính sách cho người lao động trong năm 2019.

Công ty không chỉ quan tâm trực tiếp đến cán bộ, nhân viên mà còn quan tâm đến thân nhân, gia đình của cán bộ, nhân viên. Hàng năm, Công ty đều tổ chức khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt trong năm; tổ chức tặng quà các cháu nhân ngày Tết thiếu nhi, Trung thu; hỗ trợ những gia đình có người thân đau ốm, hiếu hi...

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Bên cạnh các chính sách đãi ngộ về mặt tài chính, Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, bình đẳng, thân thiện, cởi mở.

Công ty đảm bảo các điều kiện làm việc tốt nhất cho CBNV. Trụ sở làm việc của Công ty và các Chi nhánh được thiết kế khang trang; trang bị máy tính cá nhân và các công cụ, dụng cụ làm việc khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động. Phòng Hành chính Quản trị chịu trách nhiệm thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở CBNV duy trì môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Các hoạt động thể thao như đá bóng, tennis... được quan tâm và tổ chức định kỳ nhằm giúp cán bộ, nhân viên rèn luyện sức khỏe để làm việc và cống hiến tốt hơn. Năm 2019, TVSI tổ chức riêng giải bóng đá nam & tham gia giải bóng đá VSD OPEN do Trung tâm lưu ký chứng khoán tổ chức. Tổng chi phí tài trợ cho hai giải bóng trong năm 2019 là 93 triệu đồng.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động luôn được quan tâm. Hằng năm cán bộ, nhân viên đều được khám sức khỏe định kỳ, tối thiểu 1 năm/lần, năm 2019 đã có 219 cán bộ, nhân viên tham gia khám chữa bệnh định kỳ với tổng chi phí hơn 217 triệu đồng.

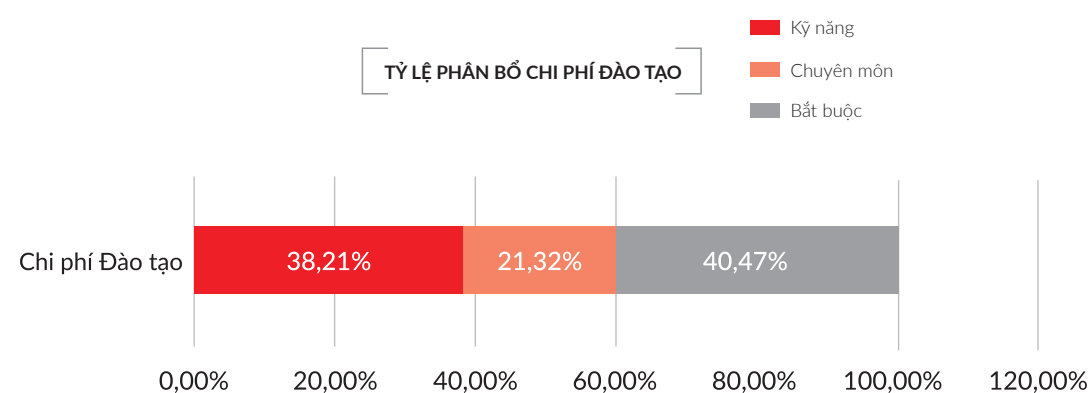
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TVSI hiểu rõ đào tạo nguồn nhân lực là một trong những yếu tố tiên quyết tạo nên thành công của thị trường chứng khoán nói chung và doanh nghiệp nói riêng, trong năm 2019, TVSI đã cân đối chi phí và mục đích đào tạo nhằm tối ưu hóa kết quả đào tạo. Công ty đã chi gần 1,2 tỷ đồng dành cho công tác đào tạo, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ nhân sự đang làm việc và hợp tác tại TVSI.

100% CBNV, chuyên gia, cộng tác viên, thực tập sinh... đều được tham gia đào tạo hội nhập, cập nhật kiến thức (từ cơ bản đến nâng cao) về thị trường chứng khoán. Qua đó, toàn bộ nhân sự TVSI hiểu rõ về thị trường chứng khoán, xu hướng của thị trường, về TVSI, định hướng và kế hoạch phát triển. CBNV đã rất tích cực tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ, nghiệp vụ chuyên sâu, kỹ năng... Hằng năm, TVSI tổ chức các đợt kiểm tra kiến thức định kỳ 2 lần/năm, đôn đốc CBNV nắm bắt và cập nhật kiến thức kịp thời. Thêm vào đó, bằng các khóa đào tạo theo quy định (đào tạo bắt buộc), CBNV mỗi giới TVSI đảm bảo nắm bắt đầy đủ kiến thức chuyên ngành và có chứng chỉ hành nghề chứng khoán, chứng chỉ chuyên môn. Trong năm 2019, TVSI đã liên tục và không giới hạn cử CBNV tham gia các khóa đào tạo chứng khoán phái sinh nhằm mang lại dịch vụ tốt nhất cho khách hàng về sản phẩm mới của thị trường chứng khoán. Ngoài ra, TVSI dành kinh phí đào tạo và chính sách đãi ngộ cho CBNV kinh doanh, nghiệp vụ tham gia các khóa đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, nghiệp vụ, kỹ năng... trong nước và nước ngoài.

Một số khóa đào tạo tiêu biểu trong năm 2019:

- Phân tích kỹ thuật, đọc báo cáo tài chính, chỉ số phân tích ngành
- Phân tích ngành và tổng hợp thị trường
- Sản phẩm, dịch vụ Chứng khoán phái sinh
- Kỹ năng phân tích cáo cáo tài chính
- Nhận diện, phân biệt chữ ký, tài liệu giả
- Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro doanh nghiệp



SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

Công ty luôn đảm bảo sự công bằng trong môi trường làm việc cũng như cơ hội phát triển cho lao động nữ của Công ty. Tỷ lệ nữ giới trong Công ty là tương đối cân bằng với nam giới và đạt 48%. Chế độ lương, thưởng dành cho nữ giới của Công ty không có sự phân biệt nào so với lao động nam. Nữ giới luôn được khuyến khích đưa ý kiến và tham gia vào các vị trí quản lý của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về chính sách dành cho nữ giới như thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi khi mang bầu, sinh con...

TỰ DO LẬP HỘI VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định hiện hành của Pháp luật. Thỏa ước lao động tập thể được toàn thể CBNV của Công ty thông qua và được đăng ký với Sở Lao động và Thương binh Xã hội. Toàn thể người lao động trong Công ty được hưởng lợi ích từ Thỏa ước lao động tập thể. Đời sống của cán bộ, nhân viên được chăm lo thông qua tổ chức công đoàn của Công ty và quỹ khen thưởng, phúc lợi. Bất kỳ sự xung đột lợi ích nào giữa Công ty và cán bộ, nhân viên (nếu có) đều được tổ chức công đoàn đứng ra giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Cán bộ, nhân viên được tự do lập hội để nâng cao tinh thần, sức khỏe. Một số hội đã được lập mới hoặc duy trì hoạt động thường xuyên trong năm 2019 như hội yoga, hội đá bóng, hội chạy, hội đạp xe...

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Là thành viên tiêu biểu, có trách nhiệm của Cơ quan quản lý trực tiếp và các Hiệp hội

Năm 2019, TVSI tham gia tích cực vào các hoạt động do các cơ quan quản lý trực tiếp và các Hiệp hội tổ chức. Cụ thể:

- Tham gia đóng góp ý kiến cho cơ quan quản lý Nhà nước (như UBCKNN, các SGĐCK, VSD, VCCI...) trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của các công ty chứng khoán, vận hành hệ thống của các đơn vị... góp phần xây dựng TTCKVN an toàn, hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động của ngành.
- Tham gia các hội thảo sửa đổi văn bản pháp luật do UBCKNN tổ chức, tham gia tất cả các hội thảo phổ biến văn bản pháp luật, phổ biến quy định về quản trị công ty, quy định về lập báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững.
- Gửi các báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch cho tất cả cơ quan quản lý: UBCKNN, 2 Sở GDCK, VSD, UB GSTCQG, Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan thuế, Cơ quan thống kê, Cơ quan bảo hiểm...
- Giải trình đầy đủ, hợp lý về tình hình kinh doanh, tình hình tài chính và tình hình khách hàng theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước khi được yêu cầu.
- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác truyền thông với nhiều cơ quan, báo, đài nhằm cung cấp thông tin chủ động, đầy đủ, kịp thời và có trách nhiệm đến công chúng.
- Từ những đóng góp tích cực của mình, trong năm 2019, Công ty đã vinh dự được vinh danh Thành viên tích cực của HNX.

Góp phần phát triển thế hệ trẻ

Để đóng góp vào sứ mệnh phát triển thế hệ trẻ, trong năm 2019, TVSI tiếp tục tạo cơ hội thực tập và làm việc cho hơn 32 sinh viên đang học tập hoặc vừa mới tốt nghiệp ra trường ở một số phòng ban, nghiệp vụ của Công ty như Môi giới, Tư vấn, Nhân sự, Phân tích... Các sinh viên có cơ hội được làm việc thực tế như cán bộ, nhân viên của Công ty, được đào tạo và hòa mình vào các hoạt động văn hóa của Công ty. Tất cả thực tập sinh tại TVSI đều được trả một khoản phụ cấp nhỏ khoảng 3 triệu đồng/tháng và được xem xét tuyển dụng sau đó.

Cũng trong năm, TVSI tài trợ học bổng cho Quỹ Khuyến học của Khoa Kinh tế học – ĐH Kinh tế Quốc dân, dành tặng cho các sinh viên nghèo vượt khó với tổng giá trị 30 triệu đồng. Ngoài tài trợ tài cho quỹ, TVSI còn hỗ trợ nhân sự chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm đầu tư và làm việc trong lĩnh vực chứng khoán cho các sinh viên. Thông qua hoạt động, sinh viên của trường đã có cơ hội hiểu rõ hơn về lĩnh vực chứng khoán và định hướng tốt hơn cho nghề nghiệp đã chọn sau này.



Thể hiện trách nhiệm sâu sắc đối với cộng đồng địa phương và xã hội

Trong năm 2019, TVSI tham gia tích cực vào các chương trình hoạt động cộng đồng như: Tổ chức & vận động Hiến máu nhân đạo định kỳ, Trao 300 suất cơm từ thiện cho các bệnh nhân tại Viện huyết học truyền máu TW, Tài trợ xây cầu dân sinh tại xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2020

Trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động phát triển bền vững năm 2019 và đối chiếu với mục tiêu, phương hướng hành động năm 2020, TVSI đề ra kế hoạch hành động cho năm 2020 như sau:

Tiêu chí	Mục tiêu
Nâng cao hiệu quả kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2020 được ĐHCĐ thông qua Hoàn thành các mục tiêu phi tài chính khác
Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Với người lao động <ul style="list-style-type: none"> Tăng thu nhập, phúc lợi cho CBNV Tạo môi trường làm việc bình đẳng, chuyên nghiệp và cơ hội thăng tiến Cung cấp các chương trình đào tạo nâng cao chuyên môn làm việc Với cổ đông <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo cổ tức và quyền lợi khác của cổ đông Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, minh bạch Với khách hàng, nhà cung cấp <ul style="list-style-type: none"> Hoàn thiện và tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp với giá phí cạnh tranh Là đối tác thường xuyên, tin cậy và cùng chia sẻ lợi ích Với cơ quan quản lý, hiệp hội và truyền thông <ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước Là thành viên tích cực và đóng góp hiệu quả cho sự phát triển của TTCKVN Hợp tác trong báo cáo, công bố thông tin và truyền thông
Tăng cường trách nhiệm xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Với môi trường <ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường Thực hiện các giải pháp để tiết kiệm hơn nữa năng lượng, tài nguyên nước, hạn chế hơn nữa ảnh hưởng xấu đến môi trường... Với thế hệ trẻ <ul style="list-style-type: none"> Tạo thêm nhiều cơ hội thực tập, học tập và làm việc Tăng cường tài trợ tài chính cho thế hệ trẻ Với xã hội <ul style="list-style-type: none"> Duy trì & phát huy hơn nữa các công tác thiện nguyện

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

- 01 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 02 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 03 Báo cáo tình hình tài chính
- 04 Báo cáo kết quả hoạt động
- 05 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 06 Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
- 07 Thuyết minh báo cáo tài chính

07



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông	Nguyễn Tiến Thành	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 30/5/2019)
Ông	Hồ Bửu Phương	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 30/5/2019)
Ông	Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông	Lê Thanh Tùng	Thành viên
Ông	Trần Việt Đức	Thành viên
Bà	Bùi Thị Thanh Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/5/2019)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông	Nguyễn Tiến Thành	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Bùi Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Tạ Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tiến Thành - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một

cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 26 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 26 tháng 3 năm 2020, từ trang 04 đến trang 37, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Xuân Thắng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Đặng Thị Minh Hạnh

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số:
3290-2020-156-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		2.178.936.700.378	1.972.670.582.206
I. Tài sản tài chính	110		2.175.382.082.234	1.968.948.357.272
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	400.406.701.930	414.325.402.821
1.1. Tiền	111.1		400.406.701.930	114.325.402.821
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	300.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7	340.187.326.545	344.930.170.844
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	8	176.140.671.793	54.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	9	1.234.535.968.010	1.149.449.739.380
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		(46.580.484)	(46.580.484)
6. Các khoản phải thu	117	10	7.166.101.609	1.518.152.726
6.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		2.460.700	10.566.000
6.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		7.163.640.909	1.507.586.726
6.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		7.163.640.909	1.507.586.726
7. Trả trước cho người bán	118	10	14.987.594.227	1.206.558.330
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	1.737.315.328	3.594.435.595
9. Các khoản phải thu khác	122	10	371.410.771	19.905.555
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(104.427.495)	(49.427.495)
II. Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131 =>135)	130		3.554.618.144	3.722.224.934
1. Tạm ứng	131		607.007.220	262.097.714
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	2.852.060.783	3.439.682.975
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		95.550.141	20.444.245
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)	200		38.727.088.777	26.648.385.806
I. Tài sản cố định	220		6.317.790.941	6.944.124.646
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	5.553.927.067	6.240.167.211
- Nguyên giá	222		31.967.035.985	29.228.894.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	223.a		(26.413.108.918)	(22.988.727.074)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	763.863.874	703.957.435
- Nguyên giá	228		15.106.531.199	14.476.981.199
- Giá trị hao mòn lũy kế	229.a		(14.342.667.325)	(13.773.023.764)
II. Tài sản dài hạn khác	250		32.409.297.836	19.704.261.160
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		2.439.734.510	1.849.058.302
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	15	-	666.772.436
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	16	19.963.402.808	17.188.430.422
4. Tài sản dài hạn khác	255	17	10.006.160.518	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.217.663.789.155	1.999.318.968.012

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		885.269.233.950	802.882.275.285
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		560.263.815.519	225.882.275.285
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	18	147.000.000.000	49.900.000.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		147.000.000.000	49.900.000.000
2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	19	300.000.000.000	100.000.000.000
3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	20	4.922.282.592	1.256.529.463
4. Phải trả người bán ngắn hạn	320	21	3.638.829.096	1.225.215.628
5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	22	4.670.531.607	3.333.231.949
6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	23	21.704.649.335	25.660.240.156
7. Phải trả người lao động	323		20.709.226.181	13.259.198.628
8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		512.076.130	330.458.572
9. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	24	9.611.075.273	9.507.579.363
10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327	25	23.718.938.356	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	26	790.052.976	746.704.930
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330	27	12.458.389.479	9.664.566.810
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		10.527.764.494	10.998.549.786
II. Nợ phải trả dài hạn	340		325.005.418.431	577.000.000.000
1. Trái phiếu phát hành dài hạn	346	19	310.000.000.000	577.000.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351	25	14.426.666.667	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	15	578.751.764	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.332.394.555.205	1.196.436.692.727
I. Vốn chủ sở hữu	410	28	1.332.394.555.205	1.196.436.692.727
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.080.000.000.000	1.080.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.080.000.000.000	1.080.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1.080.000.000.000	1.080.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		7.296.104.199	2.155.826.845
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		16.296.104.199	11.155.826.845
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		228.802.346.807	103.125.039.037
4.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		226.487.343.874	105.792.132.906
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		2.315.002.933	(2.667.093.869)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		2.217.663.789.155	1.999.318.968.012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004		56.595.406.780	56.595.406.780
2. Ngoại tệ các loại (USD)	005		213	227
3. Cổ phiếu đang lưu hành	006		108.000.000	108.000.000
4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	29	9.228.180.000	10.086.800.000
5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		2.620.000	3.370.000
6. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010	30	460.000.000	-
7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	31	5.180.620.000	5.180.620.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	32	7.968.482.990.000	6.840.201.970.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		7.367.980.470.000	6.244.807.560.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		22.026.400.000	110.116.430.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		404.739.080.000	378.276.080.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		10.000.000.000	18.640.000.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		163.737.040.000	88.361.900.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	33	352.715.560.000	175.613.050.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		352.700.560.000	175.598.050.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		15.000.000	15.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	34	116.330.070.000	86.930.460.000
4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	35	8.871.410.000	71.917.450.000
5. Tiền gửi của khách hàng	026	36	391.835.304.508	208.849.976.614
5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		361.298.050.608	194.672.001.415
5.2. Tiền gửi ký quỹ của NĐT tại VSD	027.1		917.941.465	-
5.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		29.619.312.435	14.177.975.199
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		29.104.415.375	13.947.778.156
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		514.897.060	230.197.043
6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	37	391.835.304.508	208.849.976.614



Nguyễn Tiến Thành

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Thanh Hiền

Kế toán trưởng

Phí Thị Bích Ngọc

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		213.919.499.574	44.663.596.677
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	38	115.456.301.636	95.380.813.193
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	39	4.221.575.577	(52.470.983.358)
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	40	94.241.622.361	1.753.766.842
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	40	12.213.094.927	4.360.611.722
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	40	173.132.610.838	143.099.004.786
1.4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	40	-	1.380.822.000
1.5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		121.800.758.880	111.837.794.520
1.6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		32.940.000.000	5.000.000.000
1.7. Doanh thu lưu ký chứng khoán	09		53.896.118.758	5.259.754.176
1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		8.312.205.945	6.579.161.363
1.9. Thu nhập hoạt động khác	11		99.829.077.864	510.130.273
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 => 11)	20		716.043.366.786	322.690.875.517
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		103.239.204.583	34.054.429.058
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	38	105.244.132.578	30.132.264.653
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.2	39	(2.006.045.425)	3.910.342.120
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		1.117.430	11.822.285
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		65.295.751.624	56.758.138.173
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26		58.646.533.836	11.446.725.148
2.4. Chi phí môi giới chứng khoán	27		110.083.190.821	89.686.479.861
2.5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		3.646.334.993	5.515.755.381
2.6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		7.135.493.936	4.990.340.035
2.7. Chi phí các dịch vụ khác	32		99.043.337.298	132.516.950
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 => 32)	40		447.089.847.091	202.584.384.606

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		3.420.552.024	4.683.216.048
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 42)	50	42	3.420.552.024	4.683.216.048
IV. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61	43	51.420.024.440	24.105.278.840
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	44	38.399.052.928	25.657.269.699
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 61 - 62)	70		182.554.994.351	75.027.158.420
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1. Thu nhập khác	71		369.145.370	231.386.160
7.2. Chi phí khác	72		287.978.719	100.700.000
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		81.166.651	130.686.160
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		182.636.161.002	75.157.844.580
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		176.408.540.000	131.539.170.058
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		6.227.621.002	(56.381.325.478)
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		36.397.743.816	14.790.264.022
9.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	45	35.152.219.616	26.066.529.118
9.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	46	1.245.524.200	(11.276.265.096)
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		146.238.417.186	60.367.580.558
XI. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN				
11.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ 1 cổ phiếu)	501	47	1.354	850



Nguyễn Tiến Thành

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Thanh Hiền

Kế toán trưởng

Phí Thị Bích Ngọc

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	182.636.161.002	75.157.844.580
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	(320.792.835)	3.099.026.738
- Khấu hao TSCĐ	03	3.994.025.405	3.812.467.208
- Các khoản dự phòng	04	2.848.822.669	794.146.256
- Dự thu tiền lãi	08	(7.163.640.909)	(1.507.586.726)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	(2.006.045.425)	3.910.342.120
- Lỗi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11	(2.006.045.425)	3.910.342.120
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(4.221.575.577)	52.470.983.358
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19	(4.221.575.577)	52.470.983.358
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(215.733.750.556)	(536.327.587.256)
- Tăng (giảm) TS tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	10.970.465.301	(265.349.266.850)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	(122.140.671.793)	(42.000.000.000)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	(85.086.228.630)	(215.038.270.303)
(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35	1.924.681.858	4.959.914.000
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TS tài chính	36	1.507.586.726	560.862.611
(-) Tăng, (+) giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37	1.857.120.267	(2.322.153.363)
(-) Tăng, (+) giảm phải thu khác	39	(351.505.216)	(244.369.370)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40	(16.218.046.145)	43.338.245
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	103.495.910	(1.214.888.871)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	587.622.192	(2.358.034.008)
(-) Thuế TNDN đã nộp	43	(43.237.074.577)	(10.604.441.812)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	6.079.366.597	1.253.803.265
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	181.617.558	(24.191.048)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	4.129.264.140	77.206.181
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	7.450.027.553	(572.325.192)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	39.526.252.727	(809.618.205)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	350.203.500.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(373.221.225.024)	(2.685.152.536)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(39.646.003.391)	(401.689.390.460)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	61	(4.372.697.500)	(3.806.797.890)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	62	-	227.272.727
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(4.372.697.500)	(3.579.525.163)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	-	543.000.000.000
2. Tiền vay gốc	73	576.300.000.000	1.292.520.000.000
2.1 Tiền vay khác	73.2	576.300.000.000	1.292.520.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(546.200.000.000)	(1.104.975.000.000)
3.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3	(546.200.000.000)	(1.104.975.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	30.100.000.000	730.545.000.000
IV. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM	90	(13.918.700.891)	325.276.084.377
V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	101	414.325.402.821	89.049.318.444
- Tiền	101.1	114.325.402.821	30.049.318.444
- Các khoản tương đương tiền	101.2	300.000.000.000	59.000.000.000
VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	103	400.406.701.930	414.325.402.821
- Tiền	103.1	400.406.701.930	114.325.402.821
- Các khoản tương đương tiền	103.2	-	300.000.000.000

**Nguyễn Tiến Thành**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Bùi Thị Thanh Hiền

Kế toán trưởng

Phí Thị Bích Ngọc

Người lập biểu

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	27.287.824.283.050	25.208.775.810.248
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(20.204.826.151.300)	(25.754.213.685.798)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	36.297.671.025.941	27.629.732.245.043
4. Tiền gửi ký quỹ của NĐT tại VSD	07.1	917.941.465	-
5. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(43.193.416.283.407)	(27.045.553.959.980)
6. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(5.185.487.855)	(3.321.314.118)
7. Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14	3.148.635.548.991	766.040.707.528
8. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	(3.148.635.548.991)	(766.040.707.528)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20	182.985.327.894	35.419.095.395
II. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM CỦA KHÁCH HÀNG	30	208.849.976.614	173.430.881.219
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31		
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kỳ hạn	32	194.672.001.415	163.306.650.797
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	14.177.975.199	10.124.230.422
III. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM CỦA KHÁCH HÀNG (40 = 20 + 30)	40	391.835.304.508	208.849.976.614
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41		
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kỳ hạn	42	361.298.050.608	194.672.001.415
- Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	42.1	917.941.465	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	29.619.312.435	14.177.975.199



Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Bùi Thị Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Phí Thị Bích Ngọc
Người lập biểu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
		01/01/2018	01/01/2019	Năm trước	Năm nay	31/12/2018	31/12/2019
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	28	500.000.000.000	1.080.000.000.000	580.000.000.000	-	1.080.000.000.000	1.080.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	28	9.213.003.254	2.155.826.845	1.942.823.591	5.140.277.354	2.155.826.845	7.296.104.199
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	28	9.213.003.254	11.155.826.845	1.942.823.591	5.140.277.354	11.155.826.845	16.296.104.199
4. Lợi nhuận chưa phân phối	28	81.637.270.589	103.125.039.037	105.472.640.940	146.238.417.186	103.125.039.037	228.802.346.807
- Lợi nhuận đã thực hiện	28	39.199.304.076	105.792.132.906	105.472.640.940	141.256.320.384	105.792.132.906	226.487.343.874
- Lợi nhuận chưa thực hiện	28	42.437.966.513	(2.667.093.869)	45.105.060.382	4.982.096.802	(2.667.093.869)	2.315.002.933

Chi tiết tăng, giảm trong năm của các chi tiêu vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 28.



Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Bùi Thị Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Phí Thị Bích Ngọc
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (“Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006; Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006, và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 1.080.000.000.000 VND. Công ty có trụ sở chính tại: Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Tại ngày 31/12/2019, Công ty có 9 chi nhánh và phòng giao dịch tại nhiều tỉnh thành trên cả nước. Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 293 người (tại ngày 01/01/2019 là 262 người).
Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính	<ul style="list-style-type: none"> Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Kinh doanh chứng khoán phái sinh; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán. Tư vấn tài chính;
Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường	Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính	Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị trường) phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.
Năm tài chính	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

	Ngày 30/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2016. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Ngày 27/12/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210. Thông tư 334, có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016. Thông tư 210 và Thông tư 334 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực khi Luật Kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực ngày 01/01/2017. Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật Kế toán mới”) đã được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số tài khoản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên và có thể xác định một cách đáng tin cậy.
Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán	Công ty thực hiện kế toán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán	Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.
Tiền và các khoản tương đương tiền	Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD phản ánh các khoản tiền đặt cọc của nhà đầu tư cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán phái sinh. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

- (i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- (ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/ giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/ đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/ đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty không thu thập được giá thị trường. Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá gốc.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;

- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.
- Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/ giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Máy móc thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Tài sản cố định vô hình và khấu hao	Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 05 năm.
Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD CK được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.
Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh	<p>Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh được quy định tại Điều 23 Thông tư số 11/2016/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 42/2015/NĐ-CP về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, theo đó:</p> <p>Quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp của thành viên bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán được Trung tâm lưu ký chứng khoán chấp thuận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán. Tỷ lệ đóng góp vào quỹ bù trừ bằng tiền thực hiện theo quy chế của Trung tâm lưu ký chứng khoán sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p>
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.
Các khoản vay và phát hành trái phiếu	Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
Nguồn vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Doanh thu

Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính AFS mà Công ty được nhận (lãi cổ tức, lãi trái phiếu, công cụ tiền tệ).

Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

Thu nhập hoạt động khác:

Phản ánh thu nhập hoạt động khác, gồm: Cho thuê, sử dụng tài sản, doanh thu dịch vụ tài chính khác, doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu, cổ tức của tổ chức phát hành và doanh thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính	Bao gồm các loại sau: Doanh thu từ chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái; Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định; Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh; doanh thu đầu tư khác.
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.
Thuế	Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	400.011.127.051	110.865.455.831
Tiền gửi bù trừ giao dịch chứng khoán	395.574.879	3.459.946.990
Các khoản tương đương tiền	-	300.000.000.000
Cộng	400.406.701.930	414.325.402.821

6. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
	VND	VND
a) Cửa công ty chứng khoán	521.733.964	52.715.284.548.975
- Cổ phiếu	489.059	15.632.638.800
- Trái phiếu	521.244.905	52.699.651.910.175
b) Cửa nhà đầu tư	3.050.216.915	99.741.586.149.978
- Cổ phiếu	2.550.972.010	49.242.278.630.214
- Trái phiếu	499.244.905	50.499.307.519.764
Cộng	3.571.950.879	152.456.870.698.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

7.1. GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI LỖ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	337.293.571.848	340.187.326.545	348.264.037.149	344.930.170.844
Chứng khoán thương mại	337.293.571.848	340.187.326.545	348.264.037.149	344.930.170.844
- Cổ phiếu	44.534.399.778	47.428.154.475	51.695.619.437	48.361.753.132
Cổ phiếu niêm yết	35.985.376.254	39.101.809.540	44.175.114.544	41.276.584.710
Cổ phiếu chưa niêm yết nhưng đăng ký giao dịch (upcom)	5.955.855.249	5.733.176.660	4.926.150.531	4.490.814.060
Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch (OTC)	2.593.168.275	2.593.168.275	2.594.354.362	2.594.354.362
- Trái phiếu	292.759.172.070	292.759.172.070	296.568.417.712	296.568.417.712
Trái phiếu chưa niêm yết	292.759.172.070	292.759.172.070	296.568.417.712	296.568.417.712

7.2. BẢNG TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG HOẶC GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH (FVTPL)

Đơn vị: VND

STT	Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá mua	Giá trị đánh giá lại	Giá trị đánh giá lại
		CL đánh giá năm nay	Chênh lệch tăng	CL đánh giá năm trước	Chênh lệch giảm			
I.	Cổ phiếu	44.534.399.778	4.811.959.769	1.918.205.072	47.428.154.475	51.695.619.437	590.384.192	48.361.753.132
1	Cổ phiếu niêm yết	35.985.376.254	4.473.091.176	1.356.657.890	39.101.809.540	44.175.114.544	589.949.342	41.276.584.710
2	Cổ phiếu UPCOM	5.955.855.249	338.868.593	561.547.182	5.733.176.660	4.926.150.531	434.850	4.490.814.060
3	Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch (OTC)	2.593.168.275	-	-	2.593.168.275	2.594.354.362	-	2.594.354.362
II.	Trái phiếu	292.759.172.070	-	-	292.759.172.070	296.568.417.712	-	296.568.417.712
1	Trái phiếu chưa niêm yết	292.759.172.070	-	-	292.759.172.070	296.568.417.712	-	296.568.417.712
	Tổng cộng TSTC FVTPL	337.293.571.848	4.811.959.769	1.918.205.072	340.187.326.545	348.264.037.149	590.384.192	344.930.170.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	176.140.671.793		54.000.000.000	
Cộng	176.140.671.793		54.000.000.000	

Ghi chú: (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.

9. CÁC KHOẢN CHO VAY

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá gốc		Giá trị ghi sổ		Giá gốc		Giá trị ghi sổ	
	VND		VND		VND		VND	
Các khoản cho vay	1.234.535.968.010	1.234.489.387.526	1.149.449.739.380	1.149.403.158.896				
- Cho vay hoạt động Margin	1.084.648.109.681	1.084.601.529.197	1.130.658.386.083	1.130.611.805.599				
- Cho vay hoạt động Margin - đầu tư chứng khoán phái sinh	28.540.219	28.540.219	-	-				
- Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	149.859.313.993	149.859.313.993	18.791.349.180	18.791.349.180				
- Cho vay quyền mua chứng khoán	4.117	4.117	4.117	4.117				

Dự phòng suy giảm các khoản cho vay hoạt động margin tại ngày 31/12/2019 là 46.580.484 VND (tại ngày 01/01/2019 là 46.580.484 VND).

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	2.460.700		10.566.000	
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	7.163.640.909		1.507.586.726	
Dự thu cổ tức - Cổ phiếu phổ thông	20.226.000		36.047.000	
Dự thu tiền lãi - Tiền gửi có kỳ hạn cố định	7.143.414.909		1.471.539.726	
Các khoản trả trước cho người bán	14.987.594.227		1.206.558.330	
Trả trước cho người bán - mua trái phiếu	11.145.935.452		-	
Trả trước cho người bán khác	3.841.658.775		1.206.558.330	
<i>Trong đó, phải thu khó đòi</i>	10.396.000		10.396.000	
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	1.737.315.328		3.594.435.595	
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	783.593.229		497.210.726	
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp	691.262.772		1.015.262.772	
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	262.459.327		2.081.962.097	
<i>Trong đó, phải thu khó đòi</i>	91.262.772		36.262.772	
Các khoản phải thu khác	371.410.771		19.905.555	
Các khoản phải thu khác	371.410.771		19.905.555	
<i>Trong đó, các khoản phải thu khác khó đòi</i>	2.768.723		2.768.723	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Đơn vị: VND

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay			Số đầu năm
		Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm	
1. Dự phòng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	91.262.772	55.000.000	-	91.262.772	36.262.772
Công ty CP Khanhcasa Concept	55.000.000	55.000.000	-	55.000.000	-
Các đối tượng khác	36.262.772	-	-	36.262.772	36.262.772
2. Dự phòng các khoản ứng trước cho người bán	10.396.000	-	-	10.396.000	10.396.000
Golden Phoenix Media JSC	5.000.000	-	-	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH TM và SX Minh Minh	5.396.000	-	-	5.396.000	5.396.000
3. Dự phòng các khoản phải thu khác	2.768.723	-	-	2.768.723	2.768.723
Đối tượng khác	2.768.723	-	-	2.768.723	2.768.723
Cộng	104.427.495	55.000.000	-	104.427.495	49.427.495

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.023.122.717	1.375.936.239
Chi phí trả trước tiền thuê nhà	1.154.761.436	979.973.340
Chi phí các dịch vụ trả trước khác	674.176.630	1.083.773.396
Cộng	2.852.060.783	3.439.682.975

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	25.664.195.992	3.022.150.700	268.758.581	273.789.012	29.228.894.285
Mua trong năm	1.822.778.300	915.363.400	-	-	2.738.141.700
Số dư cuối năm	27.486.974.292	3.937.514.100	268.758.581	273.789.012	31.967.035.985
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	21.218.402.371	1.227.777.110	268.758.581	273.789.012	22.988.727.074
Khấu hao trong năm	2.934.133.685	490.248.159	-	-	3.424.381.844
Số dư cuối năm	24.152.536.056	1.718.025.269	268.758.581	273.789.012	26.413.108.918
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	4.445.793.621	1.794.373.590	-	-	6.240.167.211
Số dư cuối năm	3.334.438.236	2.219.488.831	-	-	5.553.927.067

Tại ngày 31/12/2019, tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 19.938.021.444 VND (tại ngày 01/01/2019 là 18.115.035.444 VND).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	14.476.981.199	14.476.981.199
Tăng do mua sắm mới	629.550.000	629.550.000
Số dư cuối năm	15.106.531.199	15.106.531.199
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	13.773.023.764	13.773.023.764
Khấu hao trong năm	569.643.561	569.643.561
Số dư cuối năm	14.342.667.325	14.342.667.325
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	703.957.435	703.957.435
Số dư cuối năm	763.863.874	763.863.874

Tại ngày 31/12/2019, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 14.156.981.199 VND (tại ngày 01/01/2019 là 12.702.843.323 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI/ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ		
Giá trị theo cơ sở tính thuế	337.293.571.848	348.264.037.149
Giá trị theo kế toán	340.187.326.545	344.930.170.844
Chênh lệch giá trị tính thuế và kế toán	2.893.754.697	(3.333.866.305)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.129	4.129
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả	578.751.764	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	666.772.436

Chi tiết tăng, giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả/ tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	666.772.436
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả	578.751.764	-
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(666.772.436)
Số dư cuối năm	578.751.764	-

16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	124.489.244	124.489.244
Tiền nộp bổ sung	13.762.105.207	12.086.396.391
Tiền lãi phân bổ trong năm	6.076.808.357	4.977.544.787
Cộng	19.963.402.808	17.188.430.422

17. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Quý bù trừ chứng khoán phái sinh	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	-
Tiền lãi phân bổ trong năm	6.160.518	-
Cộng	10.006.160.518	-

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn				
Vay thấu chi	19.900.000.000	139.300.000.000	159.200.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành	19.900.000.000	139.300.000.000	159.200.000.000	-
Vay ngân hàng	30.000.000.000	354.000.000.000	237.000.000.000	147.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (i)	30.000.000.000	354.000.000.000	237.000.000.000	147.000.000.000
Cộng	49.900.000.000	493.300.000.000	396.200.000.000	147.000.000.000

(i) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2019/VCBTX-TVSI ngày 10/5/2019 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

19. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	300.000.000.000	100.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	310.000.000.000	577.000.000.000
Cộng	610.000.000.000	677.000.000.000

Ghi chú:

Số dư trái phiếu phát hành tại thời điểm ngày 31/12/2019 bao gồm:

- 300.000 trái phiếu không chuyển đổi Công ty phát hành ngày 02/10/2017. Mệnh giá 1.000.000 VND/ trái phiếu. Thời gian đáo hạn: 02/10/2020;
- 30.000 trái phiếu không chuyển đổi Công ty phát hành ngày 10/12/2018. Mệnh giá 1.000.000 VND/ trái phiếu. Thời gian đáo hạn: 10/12/2023;
- 210.000 trái phiếu không chuyển đổi Công ty phát hành ngày 26/9/2018. Mệnh giá 1.000.000 VND/ trái phiếu. Thời gian đáo hạn: 26/9/2023;
- 70.000 trái phiếu không chuyển đổi Công ty phát hành ngày 16/4/2019. Mệnh giá 1.000.000 VND/ trái phiếu. Thời gian đáo hạn: 16/4/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Sở Giao dịch Chứng khoán	1.247.201.937	918.603.519
Trung tâm lưu ký Chứng khoán	686.835.945	337.925.944
Phải trả giao dịch mua chứng khoán	2.988.244.710	-
Cộng	4.922.282.592	1.256.529.463

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Ngọc Thanh	999.768.000	-
Công ty CP Dịch vụ Lữ Hành Thuận An - Ascend Travel	683.115.000	-
Các đối tượng khác	1.955.946.096	1.225.215.628
Cộng	3.638.829.096	1.225.215.628

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản - Việt Nam	192.820.000	52.820.000
Trả trước tiền mua trái phiếu	2.951.761.607	1.035.185.049
Các đối tượng khác	1.525.950.000	2.245.226.900
Cộng	4.670.531.607	3.333.231.949

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	112.596.683
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.811.974.157	20.896.829.118
Thuế thu nhập cá nhân	8.794.551.771	4.650.814.355
Các khoản phải nộp khác	98.123.407	-
Cộng	21.704.649.335	25.660.240.156

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi trái phiếu	8.785.517.123	9.100.689.878
Lãi vay ngân hàng	164.317.808	48.881.095
Chi phí phải trả khác	661.240.342	358.008.390
Cộng	9.611.075.273	9.507.579.363

25. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	23.718.938.356	-
Phí đại lý lưu ký trái phiếu	23.718.938.356	-
b) Dài hạn	14.426.666.667	-
Phí đại lý lưu ký trái phiếu	14.426.666.667	-
Cộng	38.145.605.023	-

26. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	170.400.000	166.200.000
Phải trả khác	619.652.976	580.504.930
Cộng	790.052.976	746.704.930

27. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Quỹ dự phòng tiền lương	12.458.389.479	9.664.566.810
Cộng	12.458.389.479	9.664.566.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	9.213.003.254	9.213.003.254	81.637.270.589	600.063.277.097
Tăng vốn trong năm	580.000.000.000	(9.000.000.000)	-	-	571.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	60.367.580.558	60.367.580.558
Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	1.942.823.591	1.942.823.591	(38.879.812.110)	(34.994.164.928)
Số dư đầu năm nay	1.080.000.000.000	2.155.826.845	11.155.826.845	103.125.039.037	1.196.436.692.727
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	146.238.417.186	146.238.417.186
Phân phối lợi nhuận trong năm (i)	-	5.140.277.354	5.140.277.354	(20.561.109.416)	(10.280.554.708)
Số dư cuối năm nay	1.080.000.000.000	7.296.104.199	16.296.104.199	228.802.346.807	1.332.394.555.205

Ghi chú:

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 79/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019, lợi nhuận sau thuế năm 2018 được phân phối như sau:

Phân phối LN năm 2018		
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5.140.277.354	VND
- Trích quỹ dự trữ tài chính và rủi ro nghiệp vụ:	5.140.277.354	VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	5.140.277.354	VND
- Trích quỹ khen thưởng Ban Điều hành:	5.140.277.354	VND
Tổng phân phối lợi nhuận	20.561.109.416	VND

VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đã góp cuối năm		Vốn đã góp đầu năm	
	VND	%	VND	%
Ông Hồ Bửu Phương	33.468.710.000	3,10%	33.468.710.000	3,10%
Ông Nguyễn Tiến Thành	34.460.200.000	3,19%	33.432.200.000	3,10%
Ông Nguyễn Việt Cường	8.955.230.000	0,83%	9.470.310.000	0,88%
Các cổ đông khác	1.003.115.860.000	92,88%	1.003.628.780.000	92,93%
Cộng	1.080.000.000.000	100%	1.080.000.000.000	100%

TÌNH HÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	Cổ phần	108.000.000	108.000.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	Cổ phần	108.000.000	108.000.000
+ Mệnh giá của cổ phiếu	VND/cổ phần	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	Cổ phần	108.000.000	108.000.000

29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	9.226.450.000	10.085.500.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.730.000	1.300.000
Cộng	9.228.180.000	10.086.800.000

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CTCK

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của CTCK	460.000.000	-
Cộng	460.000.000	-

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	5.180.620.000	5.180.620.000
Cộng	5.180.620.000	5.180.620.000

32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	7.367.980.470.000	6.244.807.560.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	22.026.400.000	110.116.430.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	404.739.080.000	378.276.080.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	10.000.000.000	18.640.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	163.737.040.000	88.361.900.000
Cộng	7.968.482.990.000	6.840.201.970.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	352.700.560.000	175.598.050.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	15.000.000	15.000.000
Cộng	352.715.560.000	175.613.050.000

34. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	116.330.070.000	86.930.460.000
Cộng	116.330.070.000	86.930.460.000

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	8.871.410.000	71.917.450.000
Cộng	8.871.410.000	71.917.450.000

36. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	361.298.050.608	194.672.001.415
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	917.941.465	-
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	29.619.312.435	14.177.975.199
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	29.104.415.375	13.947.778.156
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	514.897.060	230.197.043
Cộng	391.835.304.508	208.849.976.614

37. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	391.835.304.508	208.849.976.614
Cộng	391.835.304.508	208.849.976.614

38. LÃI/ (LỖ) BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm trước
Lãi bán					
Cổ phiếu niêm yết	155.889	8.795.131.100	7.800.257.997	994.873.103	46.847.496.204
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	493.332.934
Giấy tờ có giá	-	14.710.419.505.037	14.700.591.530.165	9.827.974.872	7.504.800.886
Trái phiếu chưa niêm yết	-	21.517.253.923.030	21.412.620.469.369	104.633.453.661	40.535.183.169
Cộng	155.889	36.236.468.559.167	36.121.012.257.531	115.456.301.636	95.380.813.193
Lỗ bán					
Cổ phiếu niêm yết	140.490	2.750.377.700	3.588.114.286	(837.736.586)	(1.014.805.630)
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	(129.410.000)
Giấy tờ có giá	-	663.153.200.893	663.263.951.083	(110.750.190)	(7.165.536.514)
Trái phiếu chưa niêm yết	-	4.847.309.786.886	4.951.605.432.688	(104.295.645.802)	(21.822.512.509)
Cộng	140.490	5.513.213.365.479	5.618.457.498.057	(105.244.132.578)	(30.132.264.653)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

39. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch tăng đánh giá lại 31/12/2019	Chênh lệch giảm đánh giá lại 31/12/2019
I	Cổ phiếu	44.534.399.778	47.428.154.475	4.221.575.577	(2.006.045.425)
1	Cổ phiếu niêm yết	35.985.376.254	39.101.809.540	3.883.141.834	(2.131.821.286)
2	Cổ phiếu UPCOM	5.955.855.249	5.733.176.660	338.433.743	125.775.861
3	Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	2.593.168.275	2.593.168.275	-	-
II	Trái phiếu	292.759.172.070	292.759.172.070	-	-
	Cộng TSTC FVTPL	337.293.571.848	340.187.326.545	4.221.575.577	(2.006.045.425)

40. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức)	1.791.991.966	1.753.766.842
Từ tài sản tài chính FVTPL (tiền lãi) (i)	92.449.630.395	-
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	12.213.094.927	4.360.611.722
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	173.132.610.838	143.099.004.786
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	1.380.822.000
Cộng	279.587.328.126	150.594.205.350

Ghi chú:

(i) Tiền lãi nhận được từ các khoản trái phiếu là chứng khoán kinh doanh của Công ty.

41. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí môi giới chứng khoán	110.083.190.821	89.686.479.861
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	3.646.334.993	5.515.755.381
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	7.135.493.936	4.990.340.035
Chi phí các dịch vụ khác	99.043.337.298	132.516.950
Cộng	219.908.357.048	100.325.092.227

42. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	3.420.552.024	4.683.216.048
Cộng	3.420.552.024	4.683.216.048

43. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng	51.420.024.440	24.105.278.840
Cộng	51.420.024.440	24.105.278.840

44. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lương	22.118.002.262	13.696.564.094
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	1.043.892.696	739.322.464
Chi phí vật tư văn phòng	467.664.177	442.548.879
Chi phí khấu hao	328.719.021	298.069.220
Chi phí thuế, phí và lệ phí	352.536.262	243.932.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.854.084.843	5.056.063.684
Chi phí khác	8.234.153.667	5.180.768.769
Cộng	38.399.052.928	25.657.269.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

45. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	182.636.161.002	75.157.844.580
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(8.361.323.631)	55.174.801.010
Trừ: Lợi nhuận chưa thực hiện trước thuế	6.227.621.002	(56.381.325.478)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.791.991.966	1.753.766.842
Trừ: Thu nhập đã chịu thuế năm trước	361.476.900	-
Cộng: Chi phí không được trừ	563.443.931	547.242.374
Trừ: Chi phí đã chịu thuế năm trước	543.677.694	-
Thu nhập chịu thuế	174.274.837.371	130.332.645.590
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	34.854.967.474	26.066.529.118
Thuế TNDN bị truy thu	297.252.142	-
Số thuế TNDN hiện hành	35.152.219.616	26.066.529.118

Trong năm, Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá không có sự khác biệt đáng kể giữa lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được trừ nêu trên. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

46. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh/(hoàn nhập) trong năm (i)	1.245.524.200	(11.276.265.096)

Ghi chú: (i) Chi tiết xem Thuyết minh số 15.

47. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	146.238.417.186	60.367.580.558
Trong đó Lợi nhuận đã thực hiện	141.256.320.384	105.472.640.940
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành	-	(10.280.554.708)
Số lượng cổ phần phổ thông lưu hành bình quân	108.000.000	58.898.706
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tính trên tổng lợi nhuận kế toán)	1.354	850
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tính trên lợi nhuận đã thực hiện)	1.308	1.616

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2019, theo đó Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 chưa tính ảnh hưởng của việc điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi.

Số quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2018 được loại trừ khi xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả năm 2018.

48. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 12.015.289.256 VND (số năm trước là 8.853.909.269 VND).

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm tới	12.790.567.796	9.655.036.119
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	20.048.618.240	14.273.303.936
Trên năm năm	-	56.000.000

49. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong năm không tách riêng được, do đó Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

50. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	VND	VND
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	11.253.000.000	7.148.623.648
Thù lao Hội đồng Quản trị	600.000.000	666.000.000
Cộng	11.853.000.000	7.814.623.648

51. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	757.000.000.000	726.900.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	400.406.701.930	414.325.402.821
Nợ thuần	356.593.298.070	312.574.597.179
Vốn chủ sở hữu	1.332.394.555.205	1.196.436.692.727
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	27%	26%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

51. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	400.406.701.930	414.325.402.821
Tài sản tài chính FVTPL	340.187.326.545	344.930.170.844
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	176.140.671.793	54.000.000.000
Các khoản cho vay	1.234.489.387.526	1.149.403.158.896
Các khoản phải thu, phải thu khác	9.170.400.213	5.083.066.381
Các khoản ký quỹ	2.439.734.510	1.849.058.302
Cộng	2.162.834.222.517	1.969.590.857.244
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	757.000.000.000	726.900.000.000
Các khoản phải trả	4.428.882.072	1.971.920.558
Chi phí phải trả	9.611.075.273	9.507.579.363
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	4.922.282.592	1.256.529.463
Cộng	775.962.239.937	739.636.029.384

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của công nợ tài chính. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công nợ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản cho vay, các khoản đi vay chịu lãi suất, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Tại ngày 31/12/2019, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết, đăng ký giao dịch của Công ty là 44.834.986.200 VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 10% tại ngày 31/12/2019 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng hoặc giảm 4.483.498.620 VND.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

51. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có) và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	400.406.701.930	-	400.406.701.930
Tài sản tài chính FVTPL	340.187.326.545	-	340.187.326.545
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	176.140.671.793	-	176.140.671.793
Các khoản cho vay	1.234.489.387.526	-	1.234.489.387.526
Các khoản phải thu, phải thu khác	9.170.400.213	-	9.170.400.213
Các khoản ký quỹ	-	2.439.734.510	2.439.734.510
Cộng	2.160.394.488.007	2.439.734.510	2.162.834.222.517
Số cuối năm			
Các khoản vay	447.000.000.000	310.000.000.000	757.000.000.000
Các khoản phải trả	4.428.882.072	-	4.428.882.072
Chi phí phải trả	9.611.075.273	-	9.611.075.273
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	4.922.282.592	-	4.922.282.592
Cộng	465.962.239.937	310.000.000.000	775.962.239.937
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.694.432.248.070	(307.560.265.490)	1.386.871.982.580

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	414.325.402.821	-	414.325.402.821
Tài sản tài chính FVTPL	344.930.170.844	-	344.930.170.844
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	54.000.000.000	-	54.000.000.000
Các khoản cho vay	1.149.403.158.896	-	1.149.403.158.896
Các khoản phải thu, phải thu khác	5.083.066.381	-	5.083.066.381
Các khoản ký quỹ	-	1.849.058.302	1.849.058.302
Cộng	1.967.741.798.942	1.849.058.302	1.969.590.857.244
Số đầu năm			
Các khoản vay	149.900.000.000	577.000.000.000	726.900.000.000
Các khoản phải trả	1.971.920.558	-	1.971.920.558
Chi phí phải trả	9.507.579.363	-	9.507.579.363
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.256.529.463	-	1.256.529.463
Cộng	162.636.029.384	577.000.000.000	739.636.029.384
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.805.105.769.558	(575.150.941.698)	1.229.954.827.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

52. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán. Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số trên báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch
Báo cáo kết quả hoạt động				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ 1 cổ phiếu)	501	1.025	850	175



Nguyễn Tiến Thành

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Bùi Thị Thanh Hiền

Kế toán trưởng

Phí Thị Bích Ngọc

Người lập biểu



“ Với khát vọng vươn xa, TVSI không ngừng nỗ lực vì mục tiêu tăng trưởng bền vững. Hành trình chinh phục những mục tiêu, những con số sẽ là một thách thức lớn nhưng với sự đồng lòng quyết tâm của toàn thể cán bộ nhân viên, TVSI tin tưởng sẽ tạo nên những giá trị ngày càng gia tăng cho tất cả các bên liên quan. ”



TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt,
Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại (024) 3728 0921

Fax (024) 3728 0920

Contact Center 1900 1885

Website www.tvsi.com.vn

Email contact@tvsi.com.vn

CN. MỸ ĐÌNH

Địa chỉ Tầng 2 tòa nhà AP, số 87 Trần Thái Tông,
Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại (024) 3792 5181

Fax (024) 3792 5180

CN. NGỌC KHÁNH

Địa chỉ Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza,
Số 1 Phạm Huy Thông, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại (024) 3237 3090

Fax (024) 3237 3092

CN. HẢI PHÒNG

Địa chỉ Tầng 3 tòa nhà Akashi,
số 10 Lê Hồng Phong, TP. Hải Phòng

Điện thoại (0225) 375 7559

Fax (0225) 375 7560

CN. ĐÀ NẴNG

Địa chỉ Số 115 Lê Lợi, Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại (0236) 375 2282

Fax (0236) 375 2283

CN. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ Tầng 3-4-5, số 66 Phó Đức Chính,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM

Điện thoại (028) 3838 6868

Fax (028) 3920 7542

CN. QUY NHƠN

Địa chỉ Số 1 Nguyễn Tất Thành,
Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại (0256) 381 8840

Fax (0256) 381 8820

